VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

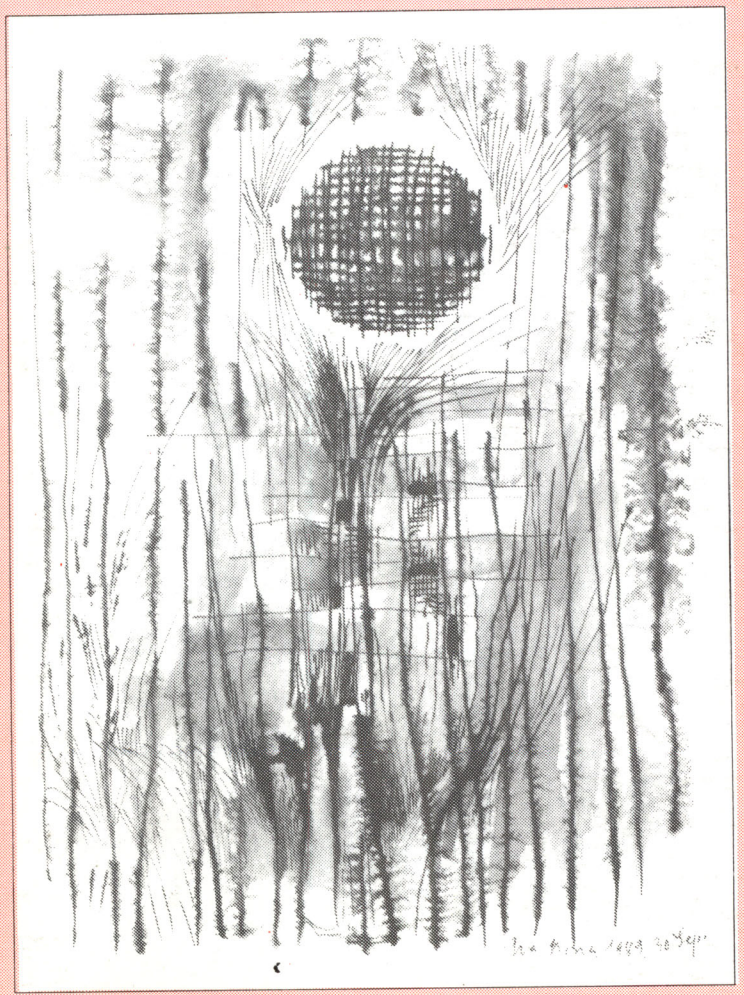

Nguyễn Đông

số 84 ◉ tháng 4 năm 1993

VĂN HỌC

Tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Phát hành mỗi đầu tháng

Chủ nhiệm: Trịnh Y Thư

Phụ tá chủ nhiệm: Lê Thọ Giáo

Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác

Tổng thư ký: Cao Xuân Huy

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện

15 Place Souham, 75013 Paris, France

Phone: 45-831-912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú

14 Lester Rd, Padstow, NSW 2221 Australia

Tel: (02) 771-1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về:

Văn Học

P.O. Box 1359

Garden Grove, CA 92642-1359, USA

Tel: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

MỤC LỤC

thư tòa soạn
THỤY KHUÊ *ẩn dụ và hoán dụ* 3

SÁNG TÁC & DỊCH

PHAN NI TẤN (N.D) *về cần thơ* 16
NGÔ NGUYÊN DŨNG *âm bản* 17
HUỲNH LIỄU NGẠN *rồi cũng đợi thuyền đi* 56
JOHN COLLIER
TRƯƠNG MỸ VÂN dịch *liều linh dược* 58
TRẦN LONG HỒ *người múa lân* 63
MAI KIM NGỌC *chị em* 79

ĐIỂM SÁCH

QUỲNH GIAO *những khung cửavào vườn thơ* 84
THANH NGUYỄN *"un excommunié..."*
của nguyễn mạnh tường 90

THƯỜNG XUYÊN

ghi nhận đó đây 117

thư tòa soạn

Đầu tiên, Văn Học xin thông báo cùng quí văn hữu và bạn đọc những sắp xếp nhân sự mới trong ban chủ biên của tạp chí Văn Học: Chủ nhiệm: Trịnh Y Thư. Phụ tá chủ nhiệm: Lê Thọ Giáo. Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác. Tổng thư ký: Cao Xuân Huy.

Trong năm qua, hai anh Trịnh Y Thư và Nguyễn Mộng Giác đã cố gắng tổ chức việc điều hành của tờ báo, nhưng vì cả hai anh đều bận công việc riêng tại sở làm, thì giờ dành cho Văn Học bị hạn chế, nên việc liên lạc với các văn hữu và bạn đọc, việc giao dịch với các hiệu sách và phát triển phát hành vẫn còn nhiều khiếm khuyết. Vì vậy, anh Cao Xuân Huy đã bằng lòng trở lại phụ trách công việc nặng nề là tổng thư ký của Tòa soạn. Anh Lê Thọ Giáo cũng đồng ý làm phụ tá chủ nhiệm, giúp anh Trịnh Y Thư trong việc quản trị tài chánh và nhất là phát triển khả năng phổ biến của Văn Học.

Tăng cường nhân sự chỉ nhằm tổ chức cho công việc điều hành của Tòa soạn được hữu hiệu hơn, phát triển tờ báo để tầm phổ biến rộng rãi hơn, chứ không thay đổi chủ trương của Văn Học. Như đã loan báo trước đây một năm, Văn Học là tạp chí văn chương của cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại, do đó, Văn Học đặt ưu tiên hàng đầu là giới thiệu và phát huy các công trình sáng tác và nghiên cứu nhân văn ở hải ngoại, tôn trọng đối thoại và sự tương kính trong giới cầm bút để góp một phần nhỏ trong việc phục vụ tự do, dân chủ và nhân bản. Trước những biến chuyển dồn dập về chính trị trên thế giới và ở quốc nội, Văn Học cố gắng không để cho những xung động nhất thời chi phối, cố gắng khách quan trong cách nhận định. Ngay cả trường hợp có những quan điểm hoàn toàn trái ngược với quan điểm của Ban Chủ biên, chúng tôi vẫn tôn trọng và sẵn sàng đăng tải trên Văn Học nếu ý kiến ấy được viết trong tinh thần tương kính, điềm tĩnh.

Văn Học

THỤY KHUÊ

ẩn dụ và hoán dụ

Ẩn dụ và hoán dụ là hai phép tu từ giữ địa vị chủ yếu trong cấu trúc văn thơ. Nếu những tìm tòi về ngữ học không ngừng soi sáng bộ môn thi học, nghiên cứu đến ngành ngọn chức năng của ẩn dụ trong thơ thì ngược lại vai trò hoán dụ trong văn xuôi vẫn chưa được khảo sát cặn kẽ. Vì sao? Lý do đơn giản: Thơ lấy ngôn ngữ làm giá trị tự tại trong khi văn dùng ngôn ngữ như một phương tiện dẫn giải: Giá trị của thơ chủ yếu nằm trong lời, giá trị của văn cốt ngụ ở ý. Vai trò của ẩn dụ trong thơ, chúng tôi đã có dịp trình bày trong bài viết trên Văn Học số 69 tháng 11 năm 1991.

Bài này chủ đích phân tích vai trò của hoán dụ. Tìm một định nghĩa, nhận định sự khác biệt với ẩn dụ và giải thích những áp dụng trong địa hạt văn, thơ.

*

Xin nhắc lại: ẩn dụ (Métaphore) dựa trên *tương quan tương đồng*, là thay thế một khái niệm bằng một khái niệm khác, trên căn bản so sánh ngầm, nhưng vế bị so sánh và liên từ để so sánh đã bị xóa, chỉ còn lại vế đem ra so sánh. Ví dụ: Anh như con thuyền, em như cái bến, trở thành:

Thuyền về còn nhớ bến chăng
Bến thì một dạ khăng khăng nhớ thuyền (ca dao)

Ẩn dụ là lối tạo hình cổ điển xuất hiện thường xuyên trong ngôn ngữ. Nhưng ẩn dụ dùng quen dễ thành nhàm, sáo, phải thay đổi, phải luôn luôn làm mới. Sự biến đổi không ngừng của ẩn dụ giải thích những tiến hóa của tiếng lóng, ký hiệu ngôn ngữ riêng của một thành phần xã hội (hoặc nghề nghiệp), chỉ người trong bọn mới hiểu. Tiếng lóng dùng quen sẽ bị "lộ" và bị đào thải.

Trở lại địa hạt văn chương, nhà văn, nhà thơ vẫn có thể cách tân những ẩn dụ đã "sáo mòn" bằng cách tạo một hình ảnh mới. Ví dụ: *chim*

sa, cá lặn là những hình ảnh rất cổ điển ca tụng vẻ đẹp của người đàn bà.

Nhưng: *Chìm đáy nước, cá* lừ đừ *lặn*

Lửng da trời, nhạn ngẩn ngơ *sa* (Cung Oán)

lại không cổ điển. Những trạng từ *lừ đừ, ngẩn ngơ* tạo một tâm cảm cho cá, nhạn; biến chúng thành những nhân tố có tâm hồn, đã bị sắc đẹp quyến rũ, lôi cuốn, làm say sưa mê hoặc đến độ "ngẩn ngơ, lừ đừ". Ngoài ra, *cá lặn, nhạn sa*, chỉ là những động tác chính xác có tính cách không gian. Nhưng *cá lừ đừ lặn, nhạn ngẩn ngơ sa* thì khác: ở đây có thêm yếu tố thời gian lạc vào: những trạng từ *lừ đừ, ngẩn ngơ*, láy âm bâng khuâng, man mác vừa vang âm trong không gian, vừa *kéo dài trong thời gian* vừa phôi phai ý nghĩa.

Với những ẩn dụ cổ điển: *chim sa, cá lặn* có tính cách chính xác và thuần túy không gian ấy, Ôn Như Hầu đã cách tân, tạo thêm cho ngôn ngữ những chiều kích mới: chiều dài của thời gian, chiều sâu của tâm tư và dàn trải trong chiều rộng nhập nhòe ngữ nghĩa.

*

Hoán dụ (Métonyme) dựa trên *tương quan kết hợp* là thay thế một khái niệm bằng một khái niệm khác có với nó một liên hệ tất yếu, ví dụ:

- *Liên hệ giữa đồ vật (object) và chất liệu (matière):* mặc (áo) lụa, mặc gấm, mặc nhung v.v...

- *Liên hệ giữa vật chất (contenant) và chất được chứa (contenu) uống một chén (nước); ăn hai, ba bát (cơm)...*

- *Liên hệ nhân quả*: dùng *binh đao* hay *khói lửa*... để chỉ *chiến tranh*. Hoặc viết: *đỏ mặt tía tai* để chỉ tình trạng *giận lắm*...

- *Liên hệ giữa bộ phận và toàn thể*: Dùng *má hồng* để chỉ người *phụ nữ*.

Trời xanh quen thói má hồng *đánh ghen* (Kiều)

- *Liên hệ giữa trang phục (hay phụ tùng) và con người:*

Đường hoa son phấn *đợi*

Áo gấm *về sênh sang* (Vũ Hoàng Chương)

...

Ẩn dụ và hoán dụ có những tính chất giống nhau:

1- Rút gọn lời nói và tạo hình.

2- Vay mượn ngôn ngữ để làm giàu ngôn ngữ.

3- Mang vào ngôn ngữ những yếu tố lạ, tạo bất ngờ, do đó gây cảm xúc.

Và đồng thời cũng có những khác biệt sâu xa:

Ẩn dụ, tuy dựa trên tương quan tương đồng, nhưng thực ra khi ví: anh như chiếc thuyền, em như cái bến, thì cũng chẳng bắt buộc anh phải có vẻ gì giống thuyền và em phải có gì giống bến. Nhất là khi đã bỏ các vế *em như, anh như* đi rồi thì thuyền và bến hoàn toàn tự do, có thể là anh, em hay bất kỳ một hình ảnh nào khác mà người đọc tưởng tượng ra.

Mặt khác, ngay trong tương quan *anh, em - thuyền, bến* cũng đã mơ hồ không rõ ai là thuyền ai là bến:

Theo gió thuyền xuôi
Sóng đưa bèo trôi
Tiếng đàn trầm trầm
Man mác lòng tôi
Nhìn con thuyền xa bến
Lòng ta còn lưu luyến...
(*Con thuyền xa bến* của Lưu Bách Thụ)

Tiếng nhạc hay lời ca:

Em đã đi, sóng đưa em đi, bèo trôi em đi... *thuyền* đây rõ là em vì có *tôi* xác định vị trí của *em*. Niềm lưu luyến em cũng là của riêng tôi.

Nhưng với *Con thuyền không bến* của Đặng Thế Phong:

Đêm nay thu sang cùng heo may
Đêm nay sương lam mờ chân mây
Thuyền ai lờ lững trôi xuôi dòng
Như nhớ thương ai chùng tơ lòng ...
Biết đâu bờ bến
Thuyền ơi trôi nơi đâu?
...
Trên sông bao la
Thuyền mơ bến nơi đâu?

Thì không rõ ai là thuyền, ai là bến, ai thương nhớ ai... Qua ẩn dụ *thuyền - bến*, qua biến từ *ai*, qua những trạng từ có tính chất biến từ: *đâu, nơi đâu*, qua những động tác mông lung đưa đẩy: *trôi, lững lờ trôi, xuôi dòng*... Đặng Thế Phong tạo sức phiếm định nhiều chiều: ở đây, lưu luyến, nhớ thương, mơ tưởng đã trùng phùng và mờ xóa trong bao la, không bờ, không bến, không biết ai gửi cho ai.

Vì thế, *Ẩn dụ có tác dụng làm lu mờ ý nghĩa, do đó mở rộng địa bàn biểu đạt tư tưởng của ngôn từ.*

Cho nên, khi Ôn Như Hầu viết: "*Trải vách quế gió vàng hiu hắt*" hoặc khi Phạm Duy dùng hình ảnh "*cỏ hồng*", thì bất cứ một họa sĩ nào

cũng có thể họa được một hay vô vàn *vách quế, gió vàng, cỏ hồng* theo cảm tác riêng của mình. Riêng đối với *cỏ hồng*, phân tích, tìm hiểu, hoặc nói rõ ra là gì, chỉ làm triệt tiêu giá trị nghệ thuật của từ ngữ nằm trong chỗ mơ hồ, phiến định. Valéry tuyên bố: "Người ta muốn gán cho thơ tôi nghĩa gì thì gán. Nghĩa mà tôi định, chỉ đúng với tôi và không buộc ai phải theo. Nếu quả quyết rằng mỗi bài thơ phải mang một ý nghĩa đích xác và độc nhất - phù hợp hoặc đồng nhất với một ý tưởng nào đó của tác giả là một sai lầm đi ngược với bản chất thơ, hủy hoại thơ" (Valéry).

*

Hoán dụ, cũng là thay thế chữ, nhưng chữ thay thế phải có *liên hệ tất yếu* với chữ bị thay thế hoặc ngược lại, như *áo* với *nhung, lụa, gấm...*, *bát* với *cơm, nước*... chiến tranh với *đao binh, binh lửa, gươm đao... Tóm lại, khi thay thế một từ như áo* bằng lụa, nhung, gấm... là người viết đã làm một *hoán dụ*. Khi thay thế *áo* bằng một từ khác, không nhất thiết phải có liên hệ gì với *áo*, như:

Người trăng ăn vận toàn trăng *cả* (Hàn Mặc Tử)

Hoặc khi thay thế chất liệu để may áo như: tơ, lụa, nhung, gấm... bằng một "thứ" hoàn toàn khác, không có liên hệ gì đến vật chất:

Ta vận áo xuân *đi hớn hở* (Huy Cận)

thì nhà thơ đã thực hiện những ẩn dụ.

Sự khác biệt của hai phép tu từ căn bản ở chỗ: Ẩn dụ không có giới hạn chọn lựa. Hoán dụ bị giới hạn trong cái quan hệ tất yếu.

Hoán dụ không có tính cách phiến định như ẩn dụ, ngược lại hoán dụ dùng cái quan hệ tất yếu *để* kết hợp *những yếu tố có cùng với nhau một mẫu số chung, thành một hệ thống lô-gíc*. Do đó đặc tính của hoán dụ:

- Bằng kết hợp, *biện pháp hoán dụ* tạo cho ngôn ngữ sự mạch lạc giữa các ý tưởng.

- Nhờ *biện pháp hoán dụ*, người viết có thể dùng chi tiết để biểu dương hoặc bổ xung toàn diện.

- Khi thay thế các trạng thái tâm hồn: buồn, giận, ưu tư... bằng những động tác hậu quả của các trạng thái đó, hoán dụ có tác dụng kích động, gây cảm xúc.

Tất cả những yếu tính trên đây được tận dụng trong tiểu thuyết, kịch, điện ảnh...

*

Trong địa hạt tiểu thuyết, biện pháp hoán dụ giúp các tiểu thuyết

gia thay thế kỹ thuật kể chuyện trong văn chương cổ điển bằng kỹ thuật hiện thực.

Nghiên cứu về Tolstoi, không ai bỏ qua phương cách tác giả xoáy ngòi bút vào một số *chi tiết* thuộc cá tính, cử chỉ, diện mạo của nhân vật, rồi lặp đi lặp lại nhiều lần trong tác phẩm: những *chi tiết* ấy giúp tác giả không cần dài dòng mà vẫn vẽ được chân dung độc đáo của nhân vật, gây ấn tượng, khắc sâu vào trí nhớ người đọc:

Trong *Chiến Tranh và Hòa Bình*: André mặt mũi khinh khỉnh. Lise có môi trên hơi ngắn, hay cong lên, phủ lông tơ. Hélène hay mỉm cười. Pierre cặp mắt cận thị luôn luôn ngơ ngác như muốn tìm ai trong đám đông. Vassili có những thớ thịt giật giật trên má. Bắp chân trái của Napoléon hay run run...

Trong *Anna Karénine*: Anna thay đổi sắc diện hơn một trăm lần. Riêng xen Anna tự tử: Tolstoi rọi lăng kính vào *đồ phụ tùng* của người bạc mệnh, vào chiếc ví tay "định mệnh" của nàng, tạo "không khí", gây tác dụng bất ngờ, khiến độc giả xúc động đến tột cùng trước cái chết của Anna.

Ảnh hưởng Tolstoi, Nhất Linh cũng đưa những biện pháp hoán dụ tương tự vào trong tiểu thuyết: Trúc trong *Đôi Bạn* luôn mồm: "*Vì tôi đã nhất định thế rồi*". Trong *Xóm Cầu Mới*, Triết hay *ngồi buồn*. U già hay nói ngang phè nhưng có lý. Bà Ký Ân mở miệng ra là: "*Người trần mắt thịt ôi!*" Bác Lê gái hay cốc các con thủng đầu...

Thạch Lam nói về kỹ thuật hiện thực: "*Tác giả diễn tả bằng chi tiết chứ không bằng lời giảng giải. Những việc xảy ra cả đến sự u uẩn của tâm hồn như những đoạn tả một người sắp chết, một người có ý giết bố, tả tình yêu đắm đuối v.v... tác giả không dùng lời nói dài dòng mà chỉ dùng những chi tiết nho nhỏ để diễn tả. Chính "những điều nho nhỏ, một nét mặt, một cử chỉ, một giọng nói, cho chúng ta biết rõ tâm lý hơn. Những cái mà ta thường coi là nhỏ nhặt vụn vặt hay tỉ mỉ, chính lại là những cốt yếu của tiểu thuyết hay*". (Nhất Linh viết theo Theo Giòng của Thạch Lam, trích: Viết và Đọc Tiểu Thuyết).

Nhất Linh chỉ cách nhận xét chi tiết của một nhân vật, ví dụ về cử chỉ: "*Có người động ngồi xuống là hai bàn tay phải kéo ống quần tây cho khỏi nát; có người hay chớp mắt luôn; có người hễ nói xong một câu hùng biện là y như chúm môi, mở to mắt nhìn, vừa ngơ ngác vừa phục mình là tài; có người hay búng tay; có người lúc giảng giải điều gì thì xoay xoay bàn tay mình thành vòng tròn rồi khi kết luận xong, giơ một ngón tay chỉ quãng không như bảo ta: đấy chân lý nó ở chỗ ấy đấy v.v... Tất cả những thứ trên này và những dáng điệu khác là cử chỉ của một*

nhân vật. Nếu chỉ viết: cử chỉ ông ấy thật là điềm đạm, hoặc cậu bé táy máy luôn tay, thì nhân vật kém phần linh động. Phải tả một vài cử chỉ để tỏ cho người ta thấy ông ấy điềm đạm, hay cậu bé táy máy, mà tác giả không cần nói ra". (Sách đã dẫn).

Những điều trên đây chứng tỏ Nhất Linh đã sử dụng hoán dụ như một nguyên tắc cơ bản trong kỹ thuật viết tiểu thuyết.

Trong hai trích đoạn dưới đây, Nhất Linh chỉ dùng một *chi tiết rửa chân* làm động tác chính và vận dụng tất cả những chi tiết khác xoay quanh chi tiết chính để mô tả hai nồng độ khác nhau trong tình yêu giữa Siêu và Mùi:

"*- Nước lạnh chân quá, anh có thấy lạnh không?*

Miệng nói câu này nhưng lòng nàng là muốn diễn với Siêu: "Em đang vui sướng đây! Anh có thấy không?" Siêu nghe tiếng Mùi như vẳng ở đâu rất xa lại và thân yêu như một nỗi nhớ nào từ hồi quá vãng. Chàng nhìn hai bàn chân nhỏ nhắn của Mùi đương bắt chéo hứng lấy dòng nước từ gáo chảy xuống. Chàng loay hoay nghĩ ngợi để tìm một câu tả nỗi vui được gặp Mùi, được sống gần Mùi, nhưng chàng không biết nói câu gì:

- Đôi guốc của cô, tôi đi nhỏ quá, đau cả chân".

(Xóm Cầu Mới tr. 265)

"*Chàng ngồi xuống với đôi guốc đặt cạnh chân Mùi, bỗng chàng yên lặng nhìn hai chân ướt nước của Mùi một lát, hai bàn chân nhỏ xinh và cái bắp chân tròn tròn và chàng nghĩ nếu được ôm lấy hai bàn chân lúc đó mà hôn chắc cũng thích như hôn môi nàng. [...]*

- Khăn đây, cô lau chân cho khô. Cô lại định đợi tôi hầu như ngày còn bé à? [...]

- Ờ nhỉ, thuở bé sao em ghét đi guốc thế, mà anh thì lại cứ bắt em phải đi guốc. Hễ chạy chơi chân không được một lúc là anh đem em đi rửa chân và lau chân một ngày không biết đến mấy bận. Em đến tức. Nhưng bây giờ nhớn rồi, em phải lau lấy chứ!

Nàng nói thế nhưng lại khẽ đưa hai bàn chân ra như đợi. Siêu thấy rờn rợn khắp người nửa vì thú nửa vì sợ.

- Có nên không?

Tuy chàng đã cầm lấy bàn chân mà chàng không biết chàng đã bắt đầu lau từ lúc nào". (Tr. 604-605)

Nam Cao đổ dồn các chi tiết vào một hồng tâm: Cái mặt của Thị Nở. "Cái mặt" là tiền đồn của vô thức biểu dương bản năng, chi phối mọi nhận thức, chi phối sinh mệnh của con người:

"*Cái mặt của thị thực là một sự mỉa mai của hóa công: nó ngắn đến*

nỗi người ta có thể tưởng bề ngang hơn bề dài, thế mà hai má lại hóp vào mới thật là tai hại, nếu má phinh phính thì mặt thị còn được hao hao như mặt lợn, là thứ mặt vốn nhiều hơn người ta tưởng trên cổ. Cái mũi thì vừa ngắn, vừa to, vừa đỏ, vừa sần sùi như vỏ cam sành, hành hạnh muốn chen lẫn nhau với những cái môi cũng cố to cho không thua cái mũi, có lẽ vì cố quá cho nên chúng nứt nở như rạn ra. Đã thế thị lại ăn trầu thuốc, hai môi dày được bồi cho dày thêm một lần, cũng may quết trầu sánh lại, che được cái màu thịt trâu xám ngoách. Đã thế những cái răng rất to lại chìa ra, ý hẳn chúng nghĩ sự cân đối chưa được một vài phần cho sự xấu. Đã thế thị lại dở hơi, đó là một ân huệ đặc biệt của Thượng đế chí công: nếu sáng suốt thì người đàn bà ấy sẽ khổ sở ngay từ khi mua cái gương thứ nhất. Và thị lại nghèo, nếu trái lại, ít nhất đã có một đàn ông khổ sở. Và thị lại là dòng giống của một nhà có mả hủi, cái này khiến không một chàng trai nào phải phân vân. Người ta tránh thị như tránh một vật rất tởm. Ngoài ba mươi tuổi, thị vẫn chưa có chồng". (Chí Phèo, tr. 27)

Võ Phiến tận dụng những chi tiết với một phong cách khác. Ông tàn nhẫn quan sát đến độ soi mói: quanh gắp món ăn, các lượng thông tin đổ đến một cách dồn dập, các chi tiết liên tiếp kéo theo nhau như được rút tự mở bòng bong, khiến người đọc có cảm tưởng như lạc vào mê hồn trận:

"Vừa đối diện với mâm cơm, bằng một cái liếc rất nhanh hắn đã định ngay được giá trị từng món ăn, chọn ngay được món ăn ngon nhất. Và từ đầu đến cuối bữa ăn hắn tấn công vào trọng tâm một cách kiên nhẫn, nhưng khôn ngoan lạ kỳ [...]. Hắn tính toán chu đáo, gắp khắp các đĩa, nhưng tổng kết lại thì thế nào cũng gắp được món ngon nhiều hơn cả, và hắn theo dõi ngọn đũa của tất cả các thực khách, không dung thứ cho một người nào hơn mình. Hắn cạnh tranh kín đáo nhưng rất riết. Hắn bực mình nhất là gặp phải một kẻ lơ đãng. Kẻ lơ đãng đôi khi thình lình tấn công liên tiếp vào món ngon, như một cua rơ tự nhiên bức phá, làm cho hắn phải ra sức đuổi theo kèm sát. Có để ý đến thái độ của hắn trong những trường hợp này mới thấy hắn khéo léo thần tình. Hắn lầm lì như không hề quan tâm chú ý đến đối phương nhưng hắn suy tính chín chắn và phản công trả đũa, chận đứng đối phương rất nhẫn tâm. Bình thường thì ngọn đũa trí trá của hắn thu lại đầy ý thức chuẩn bị, rồi đột nhiên vụt phóng ra nhanh nhẹn lạnh lùng như một con cò già lão luyện phóng mổ bắt ruồi, trăm lần không sai đích một lần.

Tôi đã thấy những cái liếc trộm lanh lẹ của hắn có ý nghĩa canh giữ phòng thủ trên mâm cơm, những thủ đoạn giả vờ vô tâm, đãng trí của

hắn, sự chọn lựa cân nhắc tỉ mỉ của hắn v.v... Nhưng đáng ghét nhất vẫn là đôi đũa và cái miệng của hắn. Cặp mắt thì chỉ biểu lộ cái gì hắn muốn biểu lộ, còn bàn tay và cái miệng thường vô tình phản ảnh cả cái phần vô ý thức mà hắn quên kiểm soát giấu giếm. Người ta thấy đôi đũa của hắn dụm lại trong lòng chén như hai chân trước của một con ngựa chấp chới sắp sửa nhẩy qua rào, và mép trên của hắn run nhấp nháy lúc nào cũng đang sửa soạn. Cái bình tĩnh bề ngoài của hắn mâu thuẫn với những nét run run khe khẽ nóng nảy ở bàn tay, những giậm giật nhấp nháy của đôi đũa và mép, những ham muốn ti tiện dồn ép bên trong". (Dung, Truyện ngắn 1 tr. 36)

Nguyễn Huy Thiệp cũng dồn công lực vào bữa cơm, nhưng với phong cách hoàn toàn khác Võ Phiến:

"Chị Hiên mời: "Các em xơi tự nhiên". Thằng Tiến đòi: "Cho em làm các cụ với!" Mẹ Lâm gạt đi: "Hỗn nào! chim bằng quả ớt thì làm các cụ ra sao?" Cái Khanh bụm miệng cười. Tôi đỏ mặt. Bà Lâm thở dài: "Các cụ toàn chim to..." Mọi người cười lăn, chỉ có bố Lâm không cười. Khuôn mặt ông sạm đen, vất vả, nhưng không buồn tí nào, bình thản, vô sự. Thằng Tiến khóc. Chị Hiên dỗ nó: "Nín đi! Chị cho Tiến cái càng cua này". Thằng Tiến lắc đầu: "Ừ ừ... Càng cua bé tí". Chị Hiên bảo: "Ngày mai chị đi chợ, chị mua cho Tiến bộ tam cúc nhé". Mẹ Lâm bảo: "Cờ bạc là bác thằng Bần. Đừng mua tam cúc cho nó. Lớn lên nó ham chơi thì chết! Cứ mua cho nó cái roi!" Thằng Tiến lại khóc: "Mua tam cúc cơ". Chị Hiên đưa mắt sang mẹ Lâm, giấu cái nhìn đồng lõa: "Ừ mua tam cúc". Bà Lâm bảo: "Ngày xưa có ông Hai Chép lái đò ham đánh tam cúc ăn tiền, đầu tiên mất tiền, rồi mất ruộng, mất đến nhà, vợ nó cũng bỏ đi nốt. Thế là đến đêm ra thuyền ngồi khóc. Giận đời, lại muốn chuộc tội, ông Hai Chép lấy cao cắt phăng hai hòn dái của mình vứt xuống sông. Vợ nó cũng chẳng quay lại". Mẹ Lâm bảo: "Đàn bà thế là bạc". Bà Lâm bảo: "Bạc gì? Có hai hòn dái là của quý thì mất rồi còn đâu?" Chị Hiên cười: "Gớm, chuyện của bà cứ rờn rợn là!"

Bữa cơm qua nhanh. Cái Khanh vét nồi quèn quẹt. Chị Hiên hỏi tôi: "Hiếu ăn có no không?" Tôi gật đầu: "Em ăn được bốn bát. Ở Hà Nội em chỉ ăn ba bát". Mẹ Lâm bảo: "Trai tráng ăn bốn bát thì hèn. Ông nhà tôi phải chín bát lèn chặt. Tôi cũng sáu bát mới đủ no". Chị Hiên bảo: "Con chịu u. Con chỉ ba bát là hết mức". Bà Lâm bảo: "Ăn đi con ạ. Đàn ông nó chẳng thương mình đâu. Rượu thì nó ngồi mâm trên. Ngủ thì nó đè lên mình". Bố Lâm gắt: "Bà lão hay nhỉ!" Bà Lâm lẩm bẩm: "Hay con mẹ mày! Tao tám mươi tuổi đi nói sai à?" (Những bài học nông thôn)

*

So sánh những trích đoạn trên đây của các nhà văn lớn, chúng ta nhận thấy: họ đều đã sử dụng hoán dụ một cách tài tình.

Mỗi người chọn một chi tiết trong một khung cảnh và xoáy sâu vào chi tiết đó để mở rộng các khung cửa khác với bút pháp và phong cách khác nhau:

- Nhất Linh trầm tĩnh, tế nhị, thư thái và cốt cách: Nhấm nháp từng mùi hương, hơi thở của cuộc đời trong sự trầm tĩnh khoáng đạt. Nhất Linh sống với thiên nhiên, tìm thấy hạnh phúc trong tự tại và tạo một bình minh trong tâm hồn.

- Nam Cao sử dụng mỗi chi tiết trên khuôn mặt như một trò chơi quái ác của định mệnh. Hoán dụ ở đây được lập lại như một nhấn mạnh để đi đến cùng cực của cái xấu và cái bất hạnh: làm như tả thế vẫn chưa đủ xấu, tác giả còn bồi thêm mỗi lần: đã thế..., đã thế... và thị lại..., và thị lại... là một chi tiết mới, tiếp sức cho chi tiết cũ; như thể càng nhìn kỹ cái diện mạo ấy, càng thấy sự táng tận lương tâm của thượng đế và định mệnh. Nam Cao sần sùi, trần trụi, vẽ cuộc đời trong trạng thái bán khai nguyên thủy: Diện mạo phản ảnh bản chất và định mệnh con người.

- Võ Phiến dùng bữa ăn như một bàn cờ người: Qua cách ăn uống con người bộc lộ phần tâm lý sâu xa của mình trên ba địa tầng: vô thức, tiềm thức và ý thức. Vô thức là phần sâu nhất, có tính bản năng. Vô thức quyết định các hoạt động của cá nhân. Tiềm thức trung gian giữa vô thức và ý thức. Tiềm thức chịu trách nhiệm về con người bình thường trong đời sống hàng ngày. Và ý thức là phần con người "văn hóa" sống trong "đạo đức xã hội". Đối diện với mâm cơm, con người biểu lộ cả ba địa tầng tâm lý, đem hết tiềm lực ra để "t ınh đấu cho sự sống còn" của mình và bộc lộ cả bản năng lẫn bộ mặt "đạo đức xã hội": tư cách, thủ đoạn, tham vọng lẫn cuồng vọng.

- Nguyễn Huy Thiệp là một trường hợp đặc biệt phức tạp. Trong văn phong ông, cấu trúc hình thức đan cài cấu trúc nội dung.

Về mặt hình thức, Nguyễn Huy thiệp dùng hoán dụ để rút gọn ngôn ngữ đến chỗ quánh đặc. Hầu như tất cả đều là những mệnh đề độc lập. Bỏ liên từ, không còn: vì thế, cho nên, nếu, rằng, thì, là, mà... theo lối cấu trúc kịch và thơ, nhưng trích đoạn trên đây hầu như không có *chất thơ*. Cách rút gọn lời nói của Nguyễn Huy Thiệp chủ yếu để sản xuất một lượng thông tin lớn nhất trong một số chữ nhỏ nhất. Trong 395 chữ, Nguyễn Huy Thiệp đã phác họa một bữa ăn gia đình và qua đó là hình ảnh xã hội Việt Nam hiện nay: Chiếu trên chiếu dưới, cá lớn nuốt cá bé. Giai cấp có quyền ngu muội (tượng trưng bằng những người đàn ông mà

tiêu biểu là ông Hai Chép) đàn áp những người có trí óc, sáng suốt minh mẫn nhưng yếu thế (tượng trưng bằng đàn bà, con nít mà tiêu biểu là thằng Tiến và bà Lâm). Nguyễn Huy Thiệp đã dùng hoán dụ trên ba đẳng độ:

1- để rút gọn *lời nói.*

2- rồi dùng *lời nói* để mô tả bản năng và tri thức của con người. *Lời nói* (đối thoại) ở đây giữ địa vị chủ yếu, như trong kịch, nó nắm toàn diện *tác phong các nhân vật.*

3- *tác phong nhân vật* trong bữa cơm nói lên *tác phong đạo đức xã hội Việt Nam hiện đại.*

Nguyễn Huy Thiệp đã thấu triệt phương pháp hoán dụ. Ngoài ra, dùng một bữa ăn gia đình để nói lên bộ mặt của xã hội Việt Nam cũng lại là một biện pháp ẩn dụ; và ẩn dụ cũng là sở trường của Nguyễn Huy Thiệp. Sau cùng, Nguyễn Huy Thiệp dùng ngôn ngữ trần trụi và dung tục của người dân quê để chống lại thứ ngôn ngữ giáo điều, bài bản, dài dặc và trống rỗng thường thấy trong xã hội chủ nghĩa.

*

Trung gian giữa văn và thơ là những tiểu thuyết viết bằng thơ (truyện Nôm). Trong Kiều, sự giao thoa giữa kỹ thuật viết văn và làm thơ được thể hiện trên toàn thể tác phẩm ở đây, hoán dụ đóng một vai trò quan trọng.

Tả người, chỉ cần *một vài chi tiết*, Nguyễn Du đã vẽ nên những chân dung toàn bích:

Mã Giám Sinh: *Quá niên trạc ngoại tứ tuần*
Mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao
Từ Hải: Râu hùm, hàm én, mày ngài
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao
Tú Bà: *Thoắt trông lờm lợt màu da*
Ăn gì cao lớn đẫy đà làm sao

Tả cảnh, cũng chỉ vài chi tiết chấm phá, Nguyễn Du đã họa xong một bức ấn tượng:

Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa
...
Dưới dòng, nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha

Trên đây Nguyễn Du đã dùng hoán dụ như một kỹ thuật hiện thực để tả người, tả cảnh. Ngoài ra, Nguyễn Du còn tận dụng hoán dụ như

một phương pháp cung cấp lượng thông tin tối đa, tương tự như các tiểu thuyết gia cận đại và hiện đại.

*

Chúng ta thử so sánh những câu thơ sau đây trong Lục Vân Tiên và Kiều:

Khoan khoan ngồi đó chớ ra
Nàng là phận gái ta là phận trai (Lục Vân Tiên)

và:

Xắn tay, mở khóa, động đào
Rẽ mây, trông tỏ lối vào thiên thai (Kiều)

Không đả động đến khía cạnh nghệ thuật, chỉ xét sự tương quan giữa lượng chữ với lượng thông tin.

Trong 14 chữ của Nguyễn Đình Chiểu, thật ra chỉ có hai chữ đắc dụng: *khoan khoan* vì *khoan khoan* tức là *ngồi đó* mà *ngồi đó* thì *chớ ra*. Còn *nàng là phận gái, ta là phận trai* thì hoàn toàn vô dụng (vô dụng khác với vô nghĩa: trong thơ có rất nhiều chữ, nhiều câu lẩn thẩn, vô nghĩa).

Cũng với 14 chữ, Nguyễn Du diễn tả bốn động tác của Kiều: *xắn tay, mở khóa, rẽ mây, trông tỏ* và tung ra ba bối cảnh hoặc tâm cảnh: *động đào, lối vào, thiên thai.*

Như vậy cùng một lượng chữ, tùy theo tác giả mà chúng ta có thể có những lượng thông tin cao thấp hoàn toàn khác nhau. Chúng ta đã biết Nguyễn Du sử dụng ẩn dụ một cách toàn bích ở đây lại thấy Nguyễn Du quán triệt hoán dụ tới mức tài tình: do đó mà truyện Kiều rất ít những lời vô dụng.

*

Biện pháp hoán dụ trong văn vừa có tác dụng rút ngắn ngôn ngữ, vừa có tác dụng mở rộng chi tiết, thể hiện như con dao hai lưỡi. Sử dụng đúng mức, nhà văn có thể làm thành sở đắc: dùng ít lời mà truyền được nhiều lượng thông tin, khiến cho văn bản súc tích. Ngược lại, khi đi sâu vào quá nhiều chi tiết, làm rối rắm độc giả thì thành sở đoản: nhà văn đã sa vào cái bẫy của hoán dụ.

*

Trong địa hạt điện ảnh, biện pháp hoán dụ được áp dụng tương tự như trong tiểu thuyết: Dùng gros plan trên một chi tiết để biểu dương toàn diện. Trong phim l'Amant (Người Tình), Jean Jacques Annaud quay gros plan trên đôi giày của cô bé để mô tả nỗi phong trần của Duras vị thành niên: chi tiết ấy giúp Annaud tiết kiệm được nhiều bối

cảnh và phân cảnh. Trong Hiroshima Mon Amour, Duras dùng gros plan trên vai, trên chân của cặp tình nhân để mô tả cảnh làm tình.

Phương pháp ấy giúp đạo diễn nói lên toàn diện một cách kín đáo và tế nhị. Sang địa hạt trinh thám, Alfred Hitchcock hay dùng đồ phụ tùng của nhân vật để tạo cảm giác căng thẳng. Quay gros plan trên dấu giầy, khăn foulard, bật lửa bỏ quên, thuốc lá cháy dở... trước hoặc sau khi xẩy ra án mạng; kích thích khán giả liên tưởng tới chủ nhân các vật dụng đó: có thể là nạn nhân hoặc thủ phạm. Những gros plans này gây cảm giác rùng rợn vì tác dụng bất ngờ, khơi gợi trí tò mò, kích thích khả năng nhận xét, tìm tòi của khán giả.

Ngoài ra, biện pháp hoán dụ còn được sử dụng trong kỹ thuật lắp ghép (montage) các chi tiết trong điện ảnh tương tự như trong tiểu thuyết. Nguyễn Phan Cảnh dùng lối nhìn điện ảnh để phân tích hai cảnh trong hai truyện Nôm: Thạch Sanh và Kiều:

"Tiến độ (tempo) của các văn bản thơ từ lâu đã được nhận thức như là một vấn đề cốt tử.

Đó là, trong một đơn vị thời gian, số cảnh càng nhiều thì lượng thông tin càng lớn, tiến độ càng nhanh, sức chú ý của người nhận càng tăng.

Ngược lại, nếu các cảnh dàn trải thì số cảnh trong một đơn vị thời gian sẽ bị ít đi, lượng tin bé, tiến độ chậm, sức chú ý của người nhận giảm sút.

Chẳng hạn, một đơn vị thời gian được tính bằng độ dài của sáu âm tiết, hoàn toàn chỉ đủ để phân bố một cảnh nếu cảnh ấy được thể hiện dàn trải:

Nàng nghe chàng nói một khi (Thạch Sanh)

Nhưng chỉ cần các cảnh được cắt cho đanh lại, thì trong cùng đơn vị thời gian như thế, ngay lập tức có thể xuất hiện đến ba cảnh:

Trông vời, gạt lệ, phân tay (Kiều)

Trong trường hợp thứ nhất, do lượng tin bé (thực sự chỉ là "nghe chàng", vì trong "nghe" đã hàm ý "nàng" và trong "chàng" đã hàm ý "nói", còn "một khi" thì hoàn toàn ký sinh, nên tiến độ chậm, người nhận vừa có thể đồng thời *làm thêm một việc gì mà vẫn bảo đảm giải mã đúng. Điều đó làm giảm sức tập trung của người nhận.*

Ngược lại, lượng tin trong trường hợp thứ hai là rất lớn. Người nhận chưa kịp xác định bối cảnh của "trông" thì đã bị "vời" hạn định, chưa kịp đoán định tân ngữ của "gạt" thì "lệ" đã tuôn ra, chưa kịp nhận diện mối quan hệ giữa "trông vời" và "gạt lệ" thì cảnh đã chuyển mất rồi: "phân

tay"... Cái tiến độ rất nhanh ấy đã buộc người nhận phải tập trung giải mã: Sức thu hút của văn bản nẩy sinh từ đấy!

Vậy là, nếu viết cho được các ý đã là khó khăn và quan trọng, thì việc cắt dựng các ý lại còn gian khổ và quyết định biết chừng nào".

(Nguyễn Phan Cảnh, Ngôn Ngữ Thơ, tr.115-116)

Biện pháp hoán dụ trong điện ảnh cũng như trong văn chương có tác dụng cô đọng tác phẩm, sắp xếp các chi tiết một cách mạch lạc, đồng thời tác động vào óc phân tích, óc thực nghiệm, óc hiếu kỳ của khán / độc giả, lôi cuốn họ phải theo dõi cuốn phim hoặc đọc đến đoạn kết câu truyện.

*

Để kết luận, chúng tôi xin trở lại thí dụ đầu tiên trong bài về ẩn dụ:

Thuyền về còn nhớ *bến* chăng?

Bến thì một dạ khăng khăng nhớ *thuyền.*

Khi ví: anh như con thuyền, em như cái bến, tác giả hai câu ca dao trên đã có ẩn ý *ràng buộc anh* với *em* bằng liên hệ thuyền - bến: Do đó, ẩn dụ "thuyền - bến" cũng có một tương quam liên kết với nhau, vì thế hàm chứa tính chất hoán dụ.

Trong thơ văn, chúng ta đã thấy Nguyễn Du sử dụng và tận dụng cả ẩn dụ lẫn hoán dụ một cách tài tình.

Trong tiểu thuyết, khi Nguyễn Huy Thiệp dùng một bữa cơm gia đình để nói lên bộ mặt của xã hội Việt Nam, khi Nhất Linh mượn cảnh rửa chân để biểu hiện nồng độ tình yêu giữa Siêu và Mùi, khi Võ Phiến dùng mâm cơn để đả động đến tư cách và bản năng của con người, khi Nam Cao dùng diện mạo để biểu dương tính mệnh. Tất cả những hoán dụ và ẩn dụ ấy ít nhiều đều có tính cách tương liên. Điều đó chứng minh sự khẳng định của Yakobson: "*Mọi ẩn dụ đều phảng phất tính chất hoán dụ và mọi hoán dụ đều có ít nhiều tính cách ẩn dụ.* (Questions de Poétique)

Mặc dù, bản chất của thơ là mơ hồ, phiến định. Bản chất của văn là xác định và dẫn giải. Hệ luận trên đây giải thích những tương quan mật thiết giữa văn và thơ: Tại sao trên căn bản dị biệt sâu xa, thơ văn lại giao thoa đến độ khó có thể tách rời nhau ra được.

Thụy Khuê 10-12-92

Kỳ tới: Cấu trúc thơ: Nguyên lý song song

PHAN NI TẤN (N.D)

về cần thơ

quẩn quanh vùng chợ Vĩnh Long
thấy đất cát xẻ ra sông Long Hồ
nhớ em chực phóng xuống đò
ngặt trời tối lại co giò trở lên

ghé Cái Vồn nghỉ một đêm
nằm nghe thuyền máy rập rền vẳng xa
thôi tôi không bận nỗi nhà
chờ mai thả xuống con phà Bình Minh

sông sâu nước chảy ghê mình
sóng xô bèo giạt dân tình ngược xuôi
bụng thèm ăn bưởi Năm Roi
qua sông nước đổ hụt hơi cũng chèo

tới đây thăm bạn đồng liêu
sớm trên sương khói Tây Nguyên giạt về
núi rừng - lâu bỏ lại quê
bạn tôi sông nước bộn bề Cần Thơ

Cần Thơ gạo trắng nước trong
bấy lâu có phỉ chờ mong Sài Gòn
nghe câu hò nghĩa trên giồng
vịn Cần Thơ đứng dậy lòng muốn theo

PHAN NI TẤN (N.D)

NGÔ NGUYÊN DŨNG

âm bản

Nửa tôi nửa bóng chỉ là
Bài thơ dang dở vào ra ngậm ngùi
(tặng một người ở xa)

Hành lý của Ngàn gồm xắc tay đựng quần áo, cây đàn tây ban cầm và túi đựng máy ảnh. Tôi không nghĩ là Ngàn sang đây thăm tôi lúc này, một tuần trước Tết ta. Đáng lẽ chúng tôi đã gặp nhau vào Giáng sinh, nhưng vì lý do này nọ, sau Tết tây ngàn mới thu xếp đi được. Chúng tôi thấy mặt nhau lần đầu, trước đó chỉ qua thư từ và hình ảnh. Ngàn trông già dặn hơn trong ảnh. Khi cười, chuôi mắt đã có nếp nhăn. Tôi muốn siết nhẹ Ngàn vào lòng khi đón nàng ngoài phi trường, nhưng vẫn còn ngần ngại, chỉ bắt tay chào và áp mặt vào má nàng. Hiệu nước hoa Ngàn thoa có nhiều nam tính. Ừ, đã có lần Ngàn thố lộ trong thư là chỉ thích một loại *after shave* có mùi chanh.

Tôi nói với Ngàn khi vào ngồi trong chuyến xe lửa từ phi trường về nhà:

- Đáng lẽ em nên qua trước Giáng sinh để xem phố phường về đêm vui nhộn như những ngày cận Tết bên nhà. Ngoài ra tôi còn thích bầu không khí tuy lạnh nhưng ấm cúng vào đêm thánh... Mà không, phải thú nhận rằng tôi sợ đón Giáng sinh một mình nơi đây. Chắc em cũng biết, người Tây phương ăn mừng Giáng sinh không giống người mình... nhưng thôi, chuyện đã qua. Em sang đây được là tôi vui lắm rồi. Nhưng xui xẻo quá, em đến nhằm lúc mưa dầm vì có bão từ Bắc Hải thổi xuống.

Ngàn nghiêng đầu lắng nghe tôi kể lể. Mái tóc Ngàn cắt ngắn kiểu con trai khiến khuôn mặt trông nghịch ngợm là lạ, không giống trong mấy tấm ảnh đã gửi tặng tôi. Tôi hỏi Ngàn, tại sao cắt tóc ngắn? Nàng đáp, thích thì cắt, không biết tại sao. Tôi cười, xoay mặt nhìn ra ô kính hắt mưa nhòa nhạt. Xe đang trườn vào một cánh rừng non, ngọn bị cắt trụi, cây cành đen đủi như vừa trải qua một trận cháy lớn. Một cảm giác bất ổn vây lấy tôi khi ngước thấy bầu trời giăng mây nặng nề, xám xỉn màu thép xấu. Mây lướt cuồn cuộn như những đám khói xưởng máy phà không thương tiếc vào lòng trời bao dung. Khung trời nơi đây, vào

những năm cuối thế kỷ hai mươi, không còn những phiến mây trắng nõn lười biếng ngủ quên trên đỉnh trời lóa nắng nơi quê hương thuở trước. Tất cả đã đổi sắc, chỉ còn lại màu xám ngắt. Tiếng mưa vỗ theo gió lúc mạnh lúc nhẹ hòa cùng tiếng động cơ rập rền đều đặn như hát ru. Khi nhìn lại, tôi thấy Ngàn đã thiếp ngủ từ lúc nào. Tôi an tâm ngắm một chút hồn nhiên trẻ con, một chút ngạo mạn đàn ông, một chút gợi cảm nữ tính trên gương mặt Ngàn. Bất chợt tôi loáng thoáng nhận ra khuôn mặt mình ẩn trong đó. Như một âm bản. Tim tôi thắt lại vài giây rồi rộn lên. Tôi nhớ tới những dòng thư viết gửi Ngàn: "*Sau vài lần đọc thư em, tôi có cảm tưởng em là chiếc bóng của tôi, hay ngược lại. Mà không, em là âm bản của tấm phim tôi. Ý nghĩ em vẫn còn nguyên vẻ đẹp thô sống, sần sượng, chưa mãn khai của thiên nhiên thời cổ sử. Còn tôi, tôi đã thành dương bản mất rồi...". Và tôi cứ thắc mắc mãi, tại sao Ngàn tìm đến tôi? Có hay không chuyện nhân duyên?*

Tôi lặng lẽ ngắm Ngàn thiếp ngủ ngoan trong toa xe ấm. Lẫn trong tiếng mưa than van, tiếng bánh sắt nghiến bầm dập trên thiết lộ là âm thanh sinh động trong trí tưởng tôi. Đêm qua tôi không ngủ ngon vì nôn nao chuyện đón Ngàn. Trong giấc ngủ khó, tôi nghiệm lại những nhân dáng văn chương, những vai trò trên màn ảnh, và những giai điệu không còn thịnh hành bất chợt trở về như muốn lay thức trí nhớ. Lẩn khuất trong đó, khắp nơi, là hình ảnh Ngàn. Một gương mặt, một dáng dấp chưa hề gặp mà mềm mại êm chân như đôi giày cũ.

Xe dừng lại một sân ga lớn. Cửa mở, đám đông xô vào ồn ào đánh thức Ngàn dậy. Nàng nhìn tôi, ngơ ngác vài giây rồi khẽ cười, hỏi: - Em ngủ có lâu không anh?

Tôi lắc đầu:

- Đâu chừng nửa tiếng.

- Sắp tới nhà chưa anh?

- Còn ba trạm nữa, mình xuống.

Ngàn xoay lưng nhìn ra khung cảnh ẩm thấp, bệnh hoạn, rỉ sét bên ngoài, chặc lưỡi:

- Trời sầu đất thảm quá!

Tôi đùa:

- Ngàn là người mang mưa tới.

Ngàn nhìn tôi, ánh mắt rực lên một thoáng, cặp môi mở ra chực nói điều chi nhưng không thành tiếng. Tôi ngẫm nghĩ, những nhân vật hư cấu trong văn chương tôi cũng là những người mang mưa tới. Tất cả đều vừa ối, quăn quíu, rúm ró như những trái rụng sau mùa chín. Những

chân người vô tình giẫm lên, có bao giờ nhớ rằng lũ trái thối tàn tạ kia đã có thời là những nụ xanh bụ bẫm, là những đóa ngợp hương, là những trái vừa chín tới, ươm mật. Và ẩn trong mỗi trái là biết bao mùa màng đã trôi qua, cả thiên nhiên cũng giấu mình trong ấy.

Mưa thôi rơi khi chúng tôi xuống xe. Trời đất vẫn sưng tím, tươm ướt mồ hôi. Tôi chỉ Ngàn xem những vườn cây bị thời tiết đánh lừa, đang chớm trổ lộc xanh mởn. Ngàn thều thào tiếc rẻ:

- Em cứ tưởng sẽ thấy tuyết.

Tôi phân bua:

- Đã hai năm rồi, mùa đông nơi thành phố này không có tuyết.

- Tại sao vậy?

- Không biết. Có lẽ vì môi sinh ô nhiễm.

Và tôi kể thêm:

- Mấy năm sau này tôi thường bị ám ảnh về chuyện thiên nhiên bị hủy hoại và môi sinh ô uế. Em có để ý thấy những cánh rừng còi cọc cháy nám trên đoạn đường từ phi trường về đây không Ngàn? Và loài người càng lúc càng đông, phố thị càng ngày càng lớn rộng, xe cộ mỗi năm mỗi nhiều.

Ngàn nói lảng:

- Chỗ anh ở yên tịnh thơ mộng quá.

Tôi chỉ Ngàn ngôi nhà quét vôi trắng, nơi tôi ở trọ từ khi còn đi học, nói:

- Cũng vì vậy mà tôi chần chờ không muốn dọn đi dù phòng chật, tiền mướn cao. Để rồi em xem, trên nóc có chuồng nuôi bồ câu, những hôm nắng đẹp chúng đi về xôn xao trông đáng yêu lắm.

Hai mắt Ngàn sáng lên:

- Em yêu chim bồ câu.

Tôi mở cửa, đẩy Ngàn vào hành lang chợn vợn tối xám một ngày mưa, dẫn nàng leo lên nhiều bậc thang dốc ngược. Không nghe tiếng động nào ngoài tiếng chân lệt xệt của chúng tôi, và trái tim tôi chợt khua vang. Cũng trong hành lang này, một hôm nào Loretta theo tôi về trú tạm từ buổi hát dạo ngoài chợ phiên đầu xuân. Cũng nơi đây, một chiều sau giờ học, lần đầu tiên tôi bắt chuyện với Lisa. Những hình bóng tiểu thuyết, những khuôn mặt văn chương, những thịt da ảo tưởng còn loáng thoáng dư hương trong khứu giác tôi. Không thật mà như có đấy. Hoang đường mà như đã hóa thành nhân vật liêu trai từ bức tranh lụa bước ra đối ẩm cùng chàng thư sinh hiếu học trong lều cỏ. Ngàn có thật không, hay cũng là bóng ma trong ảo tưởng tôi?

Khi nàng lách người bước ngang, còn vương lại hương *after shave* dịu nhẹ dễ chịu. Tôi khép cửa phòng, buông xắc tay xuống bàn. Ngàn dựng cây đàn vào góc tường, đặt túi máy ảnh lên nệm ghế, xoay một vòng ngắm nghía căn phòng hẹp.

- Hơi chật, nhưng có khung cửa rộng, em thích vậy.

Tôi bảo Ngàn cởi áo choàng, máng lên móc. Khi Ngàn xoay lại, tôi thấy khóe mắt nàng hoen lệ. Chúng tôi đối diện nhau bất động. Trong khảnh khắc này, tôi thật sự tin vào chuyện căn duyên. Nếu không, tại sao một người con gái tuổi chớm xuân từ chốn xa băng qua đại dương tìm đến nơi này? Tôi nhấc tay đặt lên vai Ngàn. Vòng ôm nàng mở ra quấn quanh sống lưng tôi. Hai thân thể rạo rực ghì lấy nhau, chặt dần, như muốn nhập một. Tôi hôn khắp mặt Ngàn. Nàng hé môi đón lấy, ấm áp, ướt sũng, mềm nhũn. Tôi kéo nàng ngả xuống tấm nệm lót dưới sàn làm giường, rơi vào trũng nằm quen hơi. "Ngàn, Ngàn", tôi gọi khẽ. "Anh, anh...", nàng mấp máy đáp lời. Tôi dịu dàng cởi quần áo cho Ngàn, rồi cho mình. Bàn tay tôi sục sạo soi mói. Lưỡi tôi là con ốc ma bò khắp thân thể nàng thơm tho, tưởng tượng còn để lại những đường nhớt hoan lạc ngoằn ngoèo, ẩm ướt... Lisa đâu để cho tôi chủ động như thế. Còn Loretta khi yêu nhau, thịt da nàng đón nhận dùng dằng, nửa như đẩy ra nửa muốn ôm chặt... Hơi thở Ngàn nhanh dần, cặp mi khép hờ, hai rãnh mắt long lanh. Tôi ghé môi lên đấy, thì thầm:

- Tôi hôn lên mắt em, lên má em, lên đôi môi thơm, lên ngấn cổ mượt, lên vòng ngực ấm, lên gò bụng thon, lên...

Tôi vùi dập trong cơn giông cảm giác. Chập chờn trong trí tôi là mái tóc nâu óng mịn, ngát hương nắng Địa Trung Hải của Loretta. Những từ ngữ văn chương tưởng đã yên nghỉ, chợt bật dậy loi ngoi những bàn tay xương trắng vẫy gọi trong vườn mộ. Có phải tôi đang cô đơn, dù đang có Ngàn kề cận rát da? Nỗi cô đơn trong quá khứ, một thoáng, lặng lẽ loe ra, lớn dần như một chấn động ngầm. Những người bạn, những tình nhân tôi thật ra chỉ là những nhân vật tiểu thuyết. Tất cả đều là ảo tưởng, lừa đảo, giả tạo, mà sao cứ lẽo đẽo bám lấy tôi như chứng bệnh nan y?

Tôi úp người lên thân thể Ngàn mở rộng. Một tiếng nấc bật ra, Ngàn kêu nhỏ:

- Đau em!

Tôi dừng lại. Ngàn nghiêng đầu thở hắt. Trông nghiêng, nàng giống một ai đó, cũng mái tóc húi ngắn như con trai... Tôi ngả người sang bên,

hai mắt nhìn lên trần nhà đục lờ màu chiều, cõi lòng dâng khói kỳ lạ. Ngàn ôm chầm lấy tôi, dúi mặt vào tóc tôi, im lặng. Tôi thều thào:

- Em còn mới?

Ngàn gật đầu nhiều lần, không nói. Tôi hỏi tiếp:

- Có đau lắm không?

- Đau.

Tôi ngồi dậy, tới mở tủ lấy khăn lau vết thanh xuân trên thân thể người con gái. Khi lướt môi lên mặt nàng, tôi nhìn ra hai khóe mắt rưng lệ. Tôi ôm siết Ngàn, giọng vỗ về:

- Có gì đâu mà khóc. Sao em không cho tôi biết để tôi dịu dàng hơn?

Ngàn gục mặt vào ngực tôi, thì thầm.

- Cũng không phải chuyện quan trọng.

- Ừ, điều đáng nói là em có mặt tại đây, cạnh tôi, bây giờ. Ngoài ra đều vô nghĩa. Tôi chỉ thắc mắc tại sao em chọn tôi?

Đợi tôi "hử" thêm một tiếng, Ngàn mới trả lời:

- Không biết.

Tôi kể lể:

- Tôi cũng không biết tại sao sau vài lá thư, tôi lại để ý đến em nhiều như thế. Tuần nào không có thư em là tôi khổ sở thiếu nhớ. Tôi yêu hình ảnh ấy vô cùng.

- Hình ảnh gì?

- Chuyện em kể lúc còn ở trại tỵ nạn, một trưa nóng bức em vào thư viện trốn nắng, tình cờ đọc được bài viết của tôi trong báo... Tại sao là tôi mà không là một ai khác?

Không biết tôi đã lặp lại câu hỏi này bao nhiêu lần rồi. Sau vài giây ậm ừ, Ngàn đáp:

- Có lẽ em đã nhận ra, bắt được cái ý của anh.

- Ý nào?

- Dường như anh đang đi tìm một cái gì, một điều chi qua văn chương. Cái gì hay điều chi đó, em không thể giải thích, chỉ cảm được lờ mờ.

Tôi nâng mặt Ngàn, nhìn thẳng vào mắt nàng, nói như tự thú:

- Có ai nhìn ra bóng mình vào những ngày thiếu nắng? Đời sống anh là chuỗi thời gian như vậy. Chuyện văn chương đối với anh chỉ là một sở thích tương đối phức tạp, vì kèm theo đó là những liên hệ khác. Tôi muốn nói tới lý do tại sao tôi viết, và có hay không mục đích của văn chương? Nếu tôi cho rằng tôi viết với mục đích tìm bạn tâm đắc, có lẽ

sẽ có người bảo tôi mơ hão. Nhưng đó chính là một trong vài nguyên nhân đã khiến tôi say mê lao vào trò chơi chữ nghĩa. Nếu không vì những thôi thúc vô hình, không vì những suy tư dằn vặt, không vì những gửi gấm gần xa, đời nào tôi cầm bút. Em đi với tôi chứ?

- Đi đâu?

- Đến một vài nơi để giới thiệu cuốn tiểu thuyết mới nhất của tôi.

- Bao giờ?

- Tuần tới.

Ngàn úp mặt vào vai tôi, nói khẽ:

- Với anh, đi đâu cũng được.

- Em không sợ sao?

- Sợ gì?

- Sợ những chướng tính của tôi?

- Anh có những chướng tính nữa à?

Tôi vừa đáp vừa cười:

- Thật ra tôi không phải là một người dễ tính.

- Em chịu được, chỉ không thích...

Ngàn ngần ngừ im bặt. Tôi hỏi:

- Không thích gì?

Ngàn lưỡng lự rồi đáp:

- Em không thích cách xưng hô của anh.

Tôi bật cười:

- Tôi quen như vậy rồi. Tôi muốn giữ một khoảng cách để tự tạo ảo tưởng rằng mình cần phải chinh phục thêm nữa. Vả lại cách xưng "anh" nghe cũ kỹ làm sao ấy. Đâu cứ phải như thế mới gọi là thân tình?

Ngàn cào buốt sống lưng tôi, trách:

- Anh lắm lời.

Tôi hỏi sang chuyện khác:

- Em đói bụng chưa?

- Không biết.

- Sao cái gì em cũng không biết hết vậy?

- Thật mà. Em có cảm tưởng mình đang lơ lửng.

- Lơ lửng cũng phải ăn chứ.

- Anh đãi em món gì?

- Anh đã nấu sẵn một nồi thịt bò kho từ chiều qua, ăn với bánh mì. Anh có mua cả một chai rượu chát uống mừng cuộc hạnh ngộ này.

- Chỉ bày vẽ.
- Thích thì làm chứ không phải bày vẽ.
- Thích những trò tốn tiền.

Tôi thành thật:

- Anh chỉ có thể chi cho những thứ hợp với túi tiền mình.

Nói xong, tôi đứng dậy với lấy chiếc áo choàng mặc trong nhà khoác lên người. Tôi bảo Ngàn cứ lấy quần áo ngủ của tôi mà mặc. Quần hơi rộng, Ngàn chỉ mặc áo. Tôi ném cho nàng đôi vớ lưới máng trên lưng ghế, bảo tròng vào. Khi tôi chuẩn bị thức ăn trong nhà bếp, nghe vọng vào tiếng đàn, ban đầu nho nhỏ rồi rõ dần. Chốc sau hòa thêm giọng hát. "*Bạn lòng thân mến, đây giây phút hồn tôi nghe chan chứa hương đời. Nhạc lời êm ái, tôi ca ấm vành môi, mong sao đến bên người. Bạn là trăng sao, trong đêm tối hồn tôi, soi lên bao ánh tươi. Bạn là hoa thắm trên hoang vắng tình tôi, vươn lên một mùa mới...*". Tim tôi nhói buốt một niềm đau không rõ rệt. Hương bếp trong này, tiếng hát ngọt ấm ngoài kia nhắc tôi một chương sách đã khắc sâu trong trí. Khuya hôm ấy Khải bị tiếng đàn tây ban cầm của Long đánh thức. Điệu hát "*Moon river*" réo rắt rót mật trăng vào hai mảnh hồn tha hương đã lâu. Khải nhận ra chân tính Long từ đó. Chàng mơ hồ tự thấy bản sắc mình, nửa muốn sục sạo khám phá, nửa bối rối sợ sệt phải đối đầu với những giềm siểm... Điệu đàn, câu hát của Ngàn chiều nay ném tôi về lại quá khứ với hai người bạn văn chương đáng yêu. Tôi bần thần dừng tay cắt bánh mì, thấy hồn mình lung lay hóa thành những dòng chữ loang loáng cảm xúc, no cứng mộng ước xuân mới. Đã bao lần cảm hứng tôi nổi sóng mạnh mẽ giữa lúc làm những chuyện vụn vặt thường ngày, khi nghe một khúc nhạc hay, xem một đoạn phim xúc động hoặc bất ngờ ngước nhìn qua khung cửa đêm, mường tượng ra những vì sao bật sáng trên đỉnh trời đen nghịt. Cảm hứng hóa thành ý. Ý chuyển ra văn. Văn chương làm nhịp sống tôi thác loạn bất an.

Đêm nay, sau bữa ăn tối, khi Ngàn đã ngủ say, tôi vẫn còn thao thức. Thịt da Ngàn ấm mịn như nắng hè. Tôi luồn tay khép lơi vòng eo nàng. Ngàn ú ớ mê sảng. Tôi vuốt ve trấn an. Tai tôi lắng nghe hơi thở nàng mỏng nhẹ, không đủ bứt tung những sợi tơ nhện máng chằng chịt trong tâm tưởng tôi. Cửa sổ đóng kín, nhưng không ngăn được tiếng gió lay động chòm Hollunder trụi lá ngoài kia. Tâm hồn tôi thanh thản chờ đợi. Cảm xúc va chạm với thể xác Ngàn còn tươi mới, là sự thật chứ không phải thứ cảm xúc bồn chồn rạo rực lúc tôi giao hoan với thơ văn. Tôi nghĩ tới chuyện gặp gỡ giữa tôi và Ngàn. Vô cùng lạ lùng. Chỉ sau một đôi lần thư từ qua lại, chúng tôi phát và nhận tín hiệu của nhau như

hai trạm thiên văn dựng trơ trọi trên hai chóp núi, một bên này và một bên kia biển lớn. Một cứ liên tục truyền đi những làn sóng vô âm, rồi cuối cùng cũng gặp... Khung kính đêm chợt lóe sáng, tiếp theo là tiếng sấm nổ ầm nứt trời. Một tiếng "cạch" vang lên khô cứng. Ánh sáng đồng hồ điện đặt trên mặt bàn đêm tắt ngúm. Ngàn trở mình mấp máy điều chi không rõ. Tôi vỗ về:

- Ngủ đi! Ngủ đi! Không có gì cả!

Rồi đứng dậy mò mẫm trong bóng tối đặc kín. Tôi mở hộc tủ, đẩy cửa tới xem xét ổ điện. Một chiếc cầu chì bị hỏng, còn nóng hổi. Tôi bật lại công tắc, đứng ngơ ngác một đỗi lâu trong hành lang im vắng với cây đèn bấm trong tay. Luồng ánh sáng soi nhạt khuôn mặt đêm. Tôi thẫn thờ ngẫm nghĩa. Có phải đó là những luồng sáng trong ngôi nhà kho tróc ngói sau cơn bão giao mùa đã khiến tâm hồn Trung ngất ngây rối cực? Có phải đó là những vì sao khều rụng của chú tiểu đêm xưa xem nơi ngôi cổ tự? Có phải đó là những mảnh trăng vỡ sáng lòe nô giỡn cùng bầy hải cẩu ngoài đại dương đêm hè nào? Tôi run rẩy ném cây đèn bấm xuống sàn nhà. Ánh sáng tắt ngúm. Tôi kêu lên "trời ơi", khuỵu chân gập xuống. Tôi lắc lư người, hóa thành nhân vật vướng bệnh tâm thần cứ tưởng mình đang đứng trên đồi nắng, ngắm mây trời trổ bông trắng xóa.

*

Tôi ngủ giấc muộn, cứ nằm nán trong giường, không muốn dậy. Ngàn lay, tôi "ư hử" rồi xoay lưng ngủ tiếp, chỉ choàng tỉnh khi bắt được hơi ấm truyền sang. Vòng tay Ngàn vắt ngang bụng tôi, ngón vân vê những sợi lông xoắn. Cảm giác tôi thức giấc. Ngàn kê miệng cắn nhẹ vành tai tôi, hỏi:

- Đêm qua anh nằm mơ thấy gì?

Tôi lắc đầu:

- Không mơ thấy gì cả. Còn em?

- Em mơ trở lại nhà.

- Nhà nào? Ở Việt Nam hay ở đâu?

- Ngôi nhà ấu thơ của em ở Việt Nam.

- Rồi sao?

Ngón tay Ngàn xoay vòng trũng rún tôi, nhột nhạt dễ chịu. Giọng Ngàn trong như tiếng khánh:

- Em thấy lại chỗ em thường ngồi chơi búp bê dưới mái hiên đầy bóng mát, cạnh cây dạ lý hương đơm bông trắng. Nhà vắng. Những người thân đều đi đâu mất cả. Nhưng em cảm nhận rõ ràng, mình không

thấy thiếu, có lẽ vì biết rằng mọi người rồi cũng trở về thôi. Em đi thăm, lục lọi khắp nơi trong nhà, cả xó tối dưới chân cầu thang mà thuở xưa, anh em thường dọa rằng trong đó có con ma xó. Bình thường em rất sợ ma, nhưng trong mơ em không sợ gì cả. Em vào ngồi trong góc tối thân thuộc, tìm lại những món đồ chơi đã có thời yêu thích. Nhưng đáng yêu nhất vẫn là Tina.

Tôi lặp lại:

- Tina?

- Em đặt tên cho con búp bê tóc vàng mắt xanh là Tina. Em nhớ Tina xinh đẹp lắm chứ, vậy mà trong mơ nó bị sứt mất một cánh tay và mắt lõm một lỗ sâu hoắm.

Tôi xoay người, bóp chặt tay Ngàn, kêu lên:

- Thôi, đừng kể nữa!

Ngàn xoe mắt nhìn tôi. Tôi tưởng tượng tung tóe nét mặt mình hốt hoảng cùng cực khi thấy lại hồn ma con bé ngồi chơi búp bê trong ngôi nhà sống chung với Nhuận và Marie giữa cảnh rừng núi vây bọc.

Ngàn dịu dàng hỏi:

- Anh làm sao vậy?

Tôi buông tay Ngàn, thở hắt:

- Không làm sao cả. Chuyện em kể làm anh nhớ tới vài kỷ niệm không đẹp.

Ngàn hỏi dồn:

- Bao giờ, ở đâu?

Tôi vuốt nhẹ má Ngàn, nhoẻn cười:

- Lúc nào đó, trong văn chương.

Ngàn lần tay mở nút áo tôi, úp mặt lên ngực tôi còn giao động phập phồng.

- Em đã lọc cà phê, nướng bánh mì cho bữa điểm tâm, anh thức dậy ăn chung với em.

Tôi vuốt mái tóc Ngàn cũn cỡn, tưởng như đang vuốt tóc mình. Cảm tưởng Ngàn là chiếc bóng, là âm bản của chính tôi vẫn bám víu theo sau như một ám ảnh tự mãn. Tôi vùng dậy, chồm lên giữ chặt hai cổ tay Ngàn, giọng hụt hơi:

- Em nghĩ về tôi như thế nào khi thấy tôi ngoài phi trường?

Hai mắt Ngàn chớp nhanh, môi mấp máy một lúc mới bật ra tiếng:

- Em thấy... thấy anh... là lạ.

- Lạ là sao?

- Là... là... không như em nghĩ.

- Còn bây giờ?

Tia mắt Ngàn nhìn tôi như van xin:

- Em bắt đầu quen rồi. Anh, đừng làm em đau!

Tôi vẫn nắm chặt tay Ngàn như con trăn lớn đang siết nghiến con chuột nhắt đáng thương. Tôi cúi xuống hôn vùi dập lên môi đứa con gái. Ngàn ngửa mặt đón nhận. Mầu nhá nhem một sáng xấu trời run rẩy đồng lõa. Chúng tôi thưởng thức bữa đầu ngày bằng món ăn dục cảm, với một chút gia vị của bạo lực tôi và của dâng hiến Ngàn. Có tiếng mưa lắc rắc hắt lên cửa kính. Chúng tôi xoay hướng nằm, ôm nhau nhìn ra. Một lát, mưa đổi thành những bông tuyết trắng xóa, đập tơi bời lên cánh cửa như đòi vào. Trong một lá thư viết cho tôi, Ngàn ngỏ ý mong mỏi mùa đông năm nay sẽ rơi thật nhiều tuyết. Tôi cũng ao ước thế, vì đã nhiều đông qua nơi này hiếm khi thấy tuyết. Trời sáng nay, như chiều lòng Ngàn, đổ xuống mặt đất cơn mưa tuyết đầu tiên. Bông tuyết càng lúc càng trổ lớn, trắng ngần, nhẹ tênh, phất phới theo gió. Tất cả, động vật cũng như tĩnh vật, dường như đồng loạt ngừng thở để chiêm ngưỡng bàn tay tài hoa của thời tiết trang điểm lên khuôn mặt lãng mạn tuyệt đối của tạo hóa.

Chỉ sau vài tiếng đồng hồ, điểm tâm xong, ghé mắt nhìn ra, tôi đã thấy cảnh vật bên ngoài đổi màu mới nguyên. Sắc lạnh càng làm bên trong căn phòng chật thêm ấm áp. Tôi chỉ vào túi đựng máy ảnh, hỏi Ngàn:

- Em muốn chụp ảnh không?

Ngàn rụt vai:

- Tuyết còn rơi mà anh. Chờ khi nào tạnh, mình ra ngoài chụp cảnh tuyết.

Tôi cười:

- Không, tôi muốn chụp ảnh em trong nhà.

Ngàn buông quyển sách xuống, ngẩng mặt, ánh mắt đầy nghi vấn. Tôi giải thích:

- Tôi thích có vài tấm ảnh lõa thể của em.

Ngàn đưa tay che miệng:

- Trời ạ, anh muốn gì kỳ.

- Tôi nói thật mà. Chụp ảnh lõa thể có gì là kỳ?

Ngàn cười khúc khích:

- Nhưng em ngượng.

Tôi mở tủ, cầm máy ảnh lên xem xét, rồi quàng dây quanh cổ, hỏi tới tấp:

- Có phim trong này chưa? Có kính lọc nhòe để ảnh bớt trơ không? Phim đen trắng hay màu?

Ngàn úp sách lên mặt, phản đối:

- Không, không có gì hết. Đã bảo không chịu mà.

Tôi sà lại bên nàng, chụp quyển sách, ném lên ghế nệm. Tôi mơn trớn khuôn mặt Ngàn, mân mê những sợi tóc phủ ngấn trên trán nàng, giọng trầm bổng cố tình:

- Tôi sẽ kẻ chân mày cho em, sẽ đánh phông xanh lên mi mắt em, sẽ tô son lên môi em, sẽ đồi phấn hồng lên đôi má em, lên hai vòm ngực đầy, quanh lõm rún xinh và cặp mông gợi tình.

Ngàn rúm người, xô tôi ra, cười cợt:

- Thôi, kỳ lắm anh à!

Tôi vẫn kiên nhẫn:

- Nhưng không, tôi sẽ chẳng điểm trang gì cả mà sẽ chụp ảnh em nguyên vẹn như lúc vừa lìa bụng mẹ. Hay là em muốn tôi ghi lại một bài thơ lên lưng em? Tấm lưng em đẹp như một phiến cẩm thạch. Chịu nhé!

Ngàn ngần ngừ:

- Ghi thơ lên lưng, em không đọc được.

- Em sẽ đọc sau khi rửa ảnh. Hay em muốn tôi ghi lên ngực, bụng?

Đôi mắt Ngàn bẽn lẽn như sắp sửa phạm tội:

- Lên lưng... mà này!

Tôi hớn hở chạy tìm đôi bút lông, hỏi vói lại:

- Gì?

Giọng Ngàn ngọt như mật cám dỗ:

- Anh vừa ghi vừa đọc cho em nghe nhé!

Khi tôi trở lại giường với cây bút trên tay thì Ngàn đã trút bỏ quần áo, nằm sấp e ấp, hai cánh tay soãi cong trên mặt nệm. Sắc da trắng mum múp tương phản tuyệt vời với bọc nệm màu tím than. Tôi bật đèn, quỳ trên hai đùi Ngàn. Tôi khom lưng, tay trái đặt hờ lên vai, tay phải kề bút xuống trang giấy da hâm hấp sức sống. Ý thơ tôi trào ra đầu bút, tuôn thành chữ, thảo lên da thịt rạo rực hứng lấy cảm xúc. Ngón tay tôi run theo nguồn thi hứng:

"Đêm ta còn ấm gương trăng cũ
Cửa thịt da nào ửa máu tươi

Sông trần trường nhớ cơn mưa lũ
Sóng ngập ngừng dâng mắt lệ người"

Tôi nghe giọng mình đổi khác, như đang phân thân, nửa ở lại nửa theo phách thơ nhập vào nhục thể Ngàn. Thơ hòa cùng nhục cảm thể xác và thi hứng thành một cảm giác hoan lạc khó tả. Hồn tôi như giọt sương theo nắng rã tan vào lòng trời, mất dấu. Tâm tôi vắng tênh như khoảng trắng giữa những hàng chữ, trắng như chứa đầy màu sắc bên trong. Cảm hứng tôi ào ạt như đê vỡ, làm sông ruộng thân thể Ngàn thêm màu mỡ bằng những vần thơ còn ẩm phù sa thi tứ. Trên lưng, ngực, bụng, mông, đùi. "*...Ngón dài ngón ngắn đam mê. Nhớ giữ riêng anh bàn tay nhé. Rót thêm chất rượu vào nghiên mực. Cho thơ thành ngôn ngữ tài hoa. Tóc dài tóc ngắn mây sa. Cúi xuống vai anh hương trầm tích. Mai kia tóc trắng màu chung thủy. Còn giữ lược gương ấm bóng chiều...*". Sau đó tôi say sưa ghi dấu bằng máy ảnh. Ngàn dường như cũng lạc vào cơn đồng thiếp, chiều theo ý tôi, không lời phản đối. Một lát, chán trò chụp ảnh, tôi cất máy, tôi đắp người lên thân Ngàn. Những câu thơ trên da nàng bắt đầu lấm mồ hôi...

*

Tôi hãnh diện chỉ Ngàn chiếc xe vừa mượn của người bạn. Tôi hỏi Ngàn lái xe được không? Nàng bảo được, nhưng chỉ quen với loại xe tự động. Tôi cười, xe tự động được các nhà đại tư bản chế tạo riêng cho đàn bà. Ngàn trả đũa, đàn ông các anh lúc nào cũng muốn biểu dương nam tính, nhưng thật ra mềm như bún. Tôi bảo văn chương tôi mềm nhưng tôi rất cứng rắn và dứt khoát trong nhiều khía cạnh khác.

Ngàn phụ tôi khuân sách chất vào xe. Tôi đem theo hai trăm quyển cả thảy. Xong, tôi móc thuốc lá ra châm hút. Tôi không hút thuốc thường xuyên, nhưng trong túi lúc nào cũng có một gói và hộp diêm. Tôi phà khói vào không gian một trưa mùa đông mênh mang xám trắng, lòng chơi vơi kỳ lạ. Ngàn bước lại, cầm tay tôi đưa điếu thuốc lên môi rít một hơi ngắn, rồi hỏi:

- Anh nghĩ gì?

Tôc lắc đầu, hơi lạnh và một sợi khói bay lạc làm mắt tôi cay xè:

- Tới chặng đường trước mặt.

- Nơi đó có nhiều tuyết không anh?

- Hy vọng không để khỏi nhọc nhằn.

- Em yêu tuyết.

- Anh cũng vậy, nhưng nếu đi xa mà không có tuyết, đỡ lo hơn. Thôi, mình đi!

Chỗ đầu tiên tôi đến giới thiệu tập sách mới là một thành phố lớn trung bình có khá đông người đồng hương định cư. Trước kia, nơi đây là một trong những vùng khai thác than đá và sản xuất bia, cung cấp cho cả nước. Sau thế chiến thứ hai, tài nguyên thiên nhiên bị vét cạn, chỉ còn lại những nhà máy cất bia. Phố xá cũ mòn, chật hẹp, lòng đường lem nhem tuyết bẩn. Đường phố xứ này, chỗ nào cũng giống nhau. Vẫn những mái nhà, những bờ tường, những con đường xám ngắt đồng dạng. Cả nét mặt người bản xứ cũng lạnh lùng sắc tuyết.

Trên đường đi, tôi kể cho Ngàn nghe một vài chuyện vụn vặt trong quá khứ, lúc tôi rời quê hương và gia đình sang đây đầu thập niên bảy mươi. Nhắc lại mới thấy mảnh đời son trẻ của tôi tầm thường vô vị quá. Không có nhiều cao điểm mà đầy đặc những điểm uốn, tiếp tuyến và đôi ba tọa độ thấp. Hầu hết đều vô danh như những trục x, y, z trong toán học. Chỉ để lại những hối tiếc, những mặc cảm, những nếu và nếu... Nghe xong, Ngàn chép miệng:

- Chuyện của anh nghe buồn quá.

- Tôi là người mau quên chuyện vui. Còn chuyện ít vui hơn lại nhớ hoài.

Ngàn giơ tay chỉ vào đầu tôi:

- Đấy, thấy không! Tự mình làm khổ mình chứ không ai khác.

Tôi cười lớn:

- Thì ai lại chẳng vậy. Mà có bao giờ em nghĩ rằng tôi là một người nhiều tham vọng không?

- Tại sao anh hỏi em câu đó?

- Vì tôi sợ những tham vọng, nhất là khi vì chủ quan ngu si mà mình không biết.

Ngàn cất lời chậm rãi:

- Anh đã giải thích cho em nghe tại sao anh viết văn làm thơ rồi mà.

Trụ đèn giao thông bật đỏ. Tôi quay sang nhìn vào mắt Ngàn, trầm giọng:

- Nếu không vì tham vọng, tại sao tôi dầm tuyết đi tới những nơi như thế này? Giới thiệu sách, ha, nghe như chuyện hài hước. Không, giống như chuyện viển vông, vì văn chương chưa hề nuôi tôi no đủ.

Ngàn thêm vào:

- Nhưng văn chương nuôi nấng đời sống tinh thần anh.

- Lầm. Càng viết tôi càng thấy thiếu, thấy mất thăng bằng. Những điều tôi viết năm trước, năm nay nghiệm lại, chưa chắc còn đúng ý nghĩa. Nhưng bỏ không được, Ngàn à!

Đèn đổi xanh. Có tiếng còi thúc hối phía sau. Tôi nhấn ga, cho xe rẽ vào khúc quanh trước mặt. Phiên, người bạn lo phần tổ chức buổi giới thiệu sách hôm nay đã chỉ đường dẫn lối đi qua điện thoại. Địa điểm là một hội trường giáo xứ. Khi chúng tôi tới, vừa lúc chuông nhà thờ đổ rộn rã lễ chiều. Bóng tối đã chợn vợn khắp nơi. Sương giăng mỏng như phủ voan trắng.

Khoảng ba mươi người hiện diện trong hội trường. Một tấm biểu ngữ kẻ trịnh trọng tên tôi và tựa sách giăng ngang sân khấu, sau bàn cử tọa. Tôi và Phiên khuân sách chất lên chiếc bàn con kê bên phải lối vào. Phòng rộng, khách thưa, nhưng bầu không khí có vẻ thân mật. Tôi đề nghị dẹp bàn cử tọa trên bục gỗ, kê ghế hình vòng cung đối diện với chỗ ngồi của tôi và Phiên cho thêm gần gũi. Phiên mở đầu bằng đôi lời giới thiệu tiểu sử và tác phẩm tôi. Tôi lắng nghe, mơ hồ nhận ra tính phi lý của thời gian và không gian. Dường như có điều gì không liền lạc. Trong khoảng không gian phân ly giữa quê hương và đất khách, trong chiều sâu ngút ngàn của thời gian ước lệ dường như có những khe hở. Vô sắc và rỗng tuếch. Tôi đi tìm những gì trong khoảng trống đó? Quãng đời chẳng chịt những kẽ hở mất trí của tôi chẳng mang lại điều chi thiết thực cho đời sống như miếng cơm, tấm áo. Văn chương là cái gì, hay chỉ là chiếc mặt nạ đắp lên những sự thật sần sượng?

Tiếng vỗ tay lào rào níu tôi về với thực tại. Phiên ngỏ lời mời tôi nói đôi điều về tác phẩm mới nhất. Tôi bối rối. Những toan tính, những ngôn ngữ cầu kỳ bóng bẩy định sẵn trong đầu thoáng chốc trôi tuột vào những khe trống gớm ghiếc. Tôi thừ người một lát mới ấp úng nhắc lại thuở đầu tiên tôi cầm bút, lúc mười bốn tuổi, cho một trang báo thiếu nhi. "*...Tôi không thấy chút tương quan nào giữa hai chặng thời gian, trước đó và bây giờ. Điều này giống như một sở thích thường tình. Con người lúc còn trẻ thơ thích ngậm kẹo, khi trưởng thành lại mê rượu, trà, cà phê. Cuốn sách mới của tôi ra đời không ngoài mục đích đánh dấu một mốc thời gian đặc biệt, ngoài nước. Nó không chứa một thông điệp nào. Nó chỉ là biểu đồ của một cảm xúc kế, là kết quả của nhiều đêm trăn trở mà tôi hoàn toàn không rõ lý do. Quý vị và các bạn đừng trông đợi ở văn chương tôi một điều gì lớn lao. Chúng ta không nên chất lên vai văn chương quá nhiều trọng trách. Hành động viết, đối với tôi, chỉ là một cách phơi trải những ẩn ức không thể nói ra, là vòi thoát của nội tâm ứ hơi... Như một người bội thực ấy mà!*" Vài tiếng cười vang lên nho nhỏ. Tôi kết thúc:

- Hy vọng quý vị và các bạn đón nhận tác phẩm này như một người bạn dễ tính nhất, không bao giờ biết phàn nàn. Trước khi dứt lời, tôi trân

trọng cám ơn tất cả quý vị và các bạn đã không ngại trời đông giá, tới đây chia sẻ cùng tôi vài câu chuyện văn chương. Tôi cũng thành thật tri ân anh Phiên cùng các bạn đã bỏ công tổ chức buổi họp mặt ấm cúng tối nay.

Tiếng vỗ tay lại lào rào vang lên. Sau khi đổi trao thêm vài câu khách sáo, Phiên mời mọi người góp ý trong phần mạn đàm. Nhiều chiếc đầu cúi xuống chễnh mảng. Cũng có nhiều tia nhìn soi thẳng vào mắt tôi. Một thiếu phụ giơ tay, giọng rụt rè:

- Thưa anh Trần Trung Đạt, mới đây tôi đọc cuốn "*Bóng đêm*" của anh. Đề tài nêu ra đã làm tôi ngỡ ngàng không ít. Nó hoàn toàn không giống những gì anh viết trước đây. Tôi xin mạn phép hỏi, anh muốn nói gì khi viết cuốn đó?

Tôi mỉm cười:

- Cám ơn chị đã nhắc tới quyển sách này. Xin cho chị hay, "*Bóng đêm*" là cuốn mà tôi rất ưng ý. Khi nãy tôi có nói, quý bạn không nên gán cho văn chương một trách nhiệm trọng đại, thật ra tôi mới chỉ nói có phân nửa ý mình. Khi viết "*Bóng đêm*", tôi có mục đích đó chứ. Chuyện viết lách của tôi, thoạt đầu chỉ mơ hồ loáng thoáng, nhưng dần dà cũng mang một vài ý nghĩa. Không, chẳng có gì to tát cả, mà chỉ là một ước muốn rất khiêm tốn. Trong "*Bóng đêm*", tôi đặc biệt đề cập tới một vài mẩu sống bên lề những quy ước thường tình, như chuyện tình cảm đồng tính, chuyện buôn bán thân xác, chuyện nghiện ngập ma túy kèm theo những hệ lụy khác. Nhưng điểm chính mà tôi muốn nhắc tới là tình bạn, một thứ tình bạn tuyệt đối, không bị phân ranh bởi bất cứ định kiến nào. Đối với chị và nhiều người khác, thứ tình cảm này có lẽ hơi lạ vì giữa hai người cùng phái. Nhưng đối với tôi, tình bạn cũng như tình yêu không phân biệt phái tính, đừng nói chi tới màu da, tôn giáo hay ý thức chủng tộc và nhân sinh nào khác. Viết "*Bóng đêm*", tôi mong mỏi chúng ta nên có một thái độ rộng lượng, phóng khoáng hơn về một số vấn đề. Cởi mở đón nhận một vấn đề nhỏ, để độ lượng đón nhận một vấn đề khác, lớn hơn. Có như vậy, đời sống dễ dàng thoải mái biết chừng nào, phải không thưa chị?

Thiếu phụ nhìn tôi, lặng lẽ. Một người đàn ông trung niên đứng dậy, hỏi:

- Mấy lúc gần đây báo chí Việt ngữ có đề cập tới hiện tượng *ghetto* trong văn học hải ngoại. Anh nghĩ gì về chuyện này và anh có được sáng tác tự do không?

Phiên ngồi cạnh, báo động khẽ:

- Cậu coi chừng câu hỏi này.

Tôi im lặng vài giây. Trong khoảnh khắc tư lự, tôi có cảm tưởng mình là bị cáo đang đứng sau vành móng ngựa cho quan tòa và luật sư tra vấn về những điều chẳng liên can gì đến tôi.

Tôi chậm chạp cân nhắc lời nói:

- Thưa anh, chuyện có hay không có những môi trường cô lập trong văn học hải ngoại, theo ý tôi, hoàn toàn tùy thuộc vào quan niệm mỗi người. Với tôi, không có chuyện đó. Xét cho cùng, một người khi đã chọn văn nghiệp, tức là đã tự xây cho mình một chỗ biệt lập. Khi sáng tác, mỗi người là một hoang đảo. Khi để cảm hứng trào ra ngòi bút, mỗi người là một ngọn nến leo lét độc nhất. Nếu có ai cho rằng, văn học hải ngoại đang xây những môi trường cô lập, dựng lên những rào ngăn cản lối, chỉ vì họ đã vô tình lẫn lộn chuyện văn chương với các vấn đề thời sự khác. Đang sống tại những nơi mà các sinh hoạt cá nhân gần như vô hạn chế, đột ngột có một vị lên tiếng than rằng, tôi không được tự do sáng tác, tôi không thể viết trọn những gì tôi nghĩ. Tại sao vậy? Lý do nào đã áp bức họ ghê gớm thế? Tôi nghĩ rằng, vì họ sợ. Cái sợ có sức mạnh vô địch. Nó làm văn giới trong nước, khi viết bài ca ngợi chế độ, phải lên tiếng cải chính khe khẽ rằng, tôi lách. Nó làm văn giới hải ngoại tưởng tượng ra những trường thành vô hình, tự trói mình vào ảo giác mất tự do. Trong nước, sợ bị mất khẩu phần. Ngoài nước, sợ phản ứng của độc giả. Cá nhân tôi, tôi cũng sợ đó chứ. Tôi sợ bị chê trách là một kẻ vô tích sự, viết toàn tiểu thuyết vớ vẩn. Tôi sợ bị phê phán là kẻ đứng bên lề thời cuộc. Thưa anh, phải thú nhận tôi không đủ khả năng và kinh nghiệm để viết về thảm cảnh của đất nước, nhưng tôi thừa can đảm để đề cập đến những sự thật. Ngoại trừ những chuyện vô luân, đối với tôi, không có những đề tài cấm kỵ. Tôi hoàn toàn tự do khi sáng tác.

Người đàn ông lại đứng lên:

- Người ta vẫn nói, văn sĩ là người của đám đông, một lời nói hay một bài viết của họ sẽ lôi cuốn và gây ảnh hưởng ít nhiều trong cộng đồng. Anh có nghĩ rằng sẽ dùng văn chương như một lợi khí để đạt tới mục tiêu nào khác không?

- Không, tôi viết những gì tôi thích. Người khác dùng văn chương cho cao vọng nào khác là chuyện của họ, tôi chấp nhận. Tôi chỉ không đồng ý với những đề tài tính dục vô luân, và nhất là đem những bậc anh hùng có công trạng với đất nước ra giễm siểm. Đó là một hành động vô ơn bạc nghĩa. Họ phải tự hỏi, họ đã đền đáp lòng cưu mang của tổ quốc và tiền nhân được chút gì chưa?

- Vậy là tư tưởng anh vẫn còn những rào ngăn, những khu đất cấm đó chứ!

- Đó không phải là những rào cản, mà là những vòng tường bảo vệ thánh địa luân lý và hương linh tiền nhân cần được kính trọng.

Phiên xen vào:

- Xin anh Trần Trung Đạt và anh bạn tránh chuyện tranh luận tay đôi, vì còn nhiều quý vị khác hiện diện tại đây. Có ai muốn nêu ý kiến nào khác không ạ?

Một người đàn bà luống tuổi có khuôn mặt và thân hình đẫy đà đứng lên, giọng nói cao và sắc:

- Thưa ông, chắc ông đã có dịp đọc qua các văn phẩm quốc nội. Xin gác qua đề tài đã gây tranh cãi sôi nổi trên báo chí về tính đối kháng của các văn phẩm ấy, tôi muốn đề cập đến chuyện hiện có một số người cầm bút cổ súy việc giao lưu văn chương nói riêng và văn hóa nói chung. Thái độ của ông đối với vấn đề này như thế nào? Xin cám ơn ông trước.

Tôi cảm thấy có một đàn kiến lửa chuyển vận rậm rật trong huyết quản, và những con sâu co mình đo từng phân ngắn dưới làn da. Tôi sửa lại thế ngồi, nhỏ nhẹ đáp:

- Giao lưu là điều đáng cổ võ, nhất là chuyện giao lưu văn chương, vì văn chương không có ranh giới. Nhưng vào thời điểm, ở trong nước tự do cá nhân còn bị cướp đoạt, quyền lợi đảng được đặt lên trên quyền lợi quốc dân, tôi nghĩ rằng chuyện giao lưu trong bất cứ lãnh vực nào vẫn chưa phải lúc, nếu không nói là vô bổ và hơi khôi hài. Vì vậy tôi chưa đồng ý. Bao giờ các tác phẩm và báo chí hải ngoại được phép phổ biến vô giới hạn tại quốc nội, khi ấy tôi sẽ xét lại quan điểm mình.

- Còn vấn đề hòa hợp hòa giải, thưa ông?

Phiên định ngắt lời thì tôi đã lên tiếng:

- Về điểm này, trước khi nêu ý kiến cá nhân, xin bà nhớ rằng tôi không phải là một chính trị gia, cũng không có ý định hoạt động chính trị. Nhưng cũng xin nói đôi lời thô cạn để rõ lòng nhau. Một điều tức cười là thuở nào tới giờ, tôi chưa thấy một đảng phái hay đoàn thể nào không có đám đông hậu thuẫn lại đòi hòa giải với một chính quyền có sức mạnh quân sự đứng đầu Đông Nam Á. Không phải vì ngu xuẩn mà họ đòi như vậy, mà vì tham vọng... Vâng, chỉ vì tham vọng mà ra cả... Tôi nói ít, mong bà hiểu nhiều. Xin dứt lời.

Không khí hội trường trở nên nặng nề như đông đá. Tôi bắt được cả

hơi thở mình lòn lách giữa những sớ phổi. Đột ngột một cánh tay mảnh khảnh cất lên giữa những hàng người sát vai. Phiên trỏ tay, cười xòa:

- A, Quyên. Con muốn hỏi bác Đạt chuyện gì?

Rồi Phiên đập nhẹ lên vai tôi:

- Con gái của tớ đó cậu.

Quyên đã đứng dậy, khuôn mặt tươi tắn, trắng hồng như một con búp bê Nhật Bản. Cô bé dạn dĩ cất lời:

- Cháu đọc văn bác khá nhiều, có truyện cháu cảm được, có truyện không. Cháu muốn biết, các nhân vật trong truyện của bác có thật bao nhiêu phần trăm?

Nhiều tiếng cười nổi lên làm tan chảy khối băng lạnh. Có người cao giọng trêu ghẹo: "Một trăm phần trăm, em ơi, một trăm phần trăm". Tôi do dự, liên tưởng tới những hình bóng đã chia sớt cùng tôi một đoạn đường tâm đắc. Sôi sục rồi lắng xuống. Náo nhiệt rồi lặng câm. Trời lên khuấy động vài lần rồi rã rượi ngả xuống, như ma hoang đợi phút trăng lên khều nắm tay tôi dạo chơi trong vườn hoang tưởng. Tôi rối trí thật sự trước câu hỏi này, ậm ừ:

- Khó nói... Cũng không biết là bao nhiêu... Vì tiểu thuyết là sản phẩm tưởng tượng, nhưng có điều tưởng tượng nào lại không gói ghém ít nhiều tâm trạng người viết? Thế này đi, không có phần trăm nào cả vì toàn là những nhân vật hư cấu, lại có trọn vẹn trăm phần trăm vì phản ảnh đúng tâm trạng bác, đồng ý không cháu?

Quyên liến thoắng:

- Cháu đồng ý với bác sáu mươi phần trăm.

- Còn bốn mươi phần trăm kia?

- Cháu nghĩ đó là... là.. *vision*. Không biết tiếng Việt gọi là gì?

Có người nhắc:

- Là không tưởng.

Ý nghĩ của cô bé khiến tôi chú ý. Phần trăm không tưởng trong văn chương tôi là bốn mươi, còn của những người khác là bao nhiêu? Câu hỏi này bám lấy tôi như vết chàm vừa khám phá ở một nơi khó thấy trên thân thể. Sau đó tôi đối đáp cùng đám đông với tâm trạng của một người bỏ cuộc nửa đường. Mọi sự bỗng hóa thành vô nghĩa. Màu sắc nhợt nhạt, âm vang giảm dần. Tôi kín đáo liếc nhìn đồng hồ. Phiên bắt được ý nghĩ tôi, phát biểu thêm vài câu kiểu cách rồi mời chào mọi người mua sách. Tôi lên tiếng cám ơn, đẩy ghế đứng dậy. Hội trường thức giấc. Đèn như sáng hơn. Tấm màn vô hình cuống quýt khép kín. Vài người nán lại trò chuyện cùng tôi và Phiên thêm đôi điều. Một số

tới xin tôi ký vào sách. Thoáng sau, chỉ còn lại mình tôi, vợ chồng Phiên, Ngàn và đứa con gái bốn mươi phần trăm trong căn phòng rộng thênh. Chúng tôi sắp đặt bàn ghế vào chỗ cũ. Tấm biểu ngữ được gỡ xuống. Sách chất lại vào thùng, khuân trở ra xe. Vợ chồng Phiên mời chúng tôi đi ăn tối tại một câu lạc bộ Tây Ban Nha.

Tối thứ bảy, quán đông nức người. Chúng tôi phải đứng chờ một lát mới có bàn trống. Trên bục, một nhạc sĩ tây ban cầm đang gập người đệm cho một vũ nữ *Flamingos* áo đỏ. Gương mặt người đàn bà mê thiếp đau đớn. Gót giày gõ nhịp hối hả lên sàn gỗ. Tay bấm phách giòn giã. Chuôi áo lất phất qua lại như đuôi cá sấu quẫy té lên mặt nước âm thanh. Bên dưới, vài người đàn ông uốn mình theo điệu nhạc rực nắng. Tôi thấy ra đám đông reo hò vang dậy vây quanh đấu trường. Gã *Torero* ưỡn ngực cắm mũi dáo sau cùng vào gáy lưng bò mộng. Con thú lảo đảo gập chân khuỵu xuống. Máu tuôn dòng man rợ, đọng vũng trên mặt đất vô tâm. Cảnh thảm sát biểu dương nam tính ngạo mạn, ngốc nghếch như ý nghĩ tôi giây phút này... Nhạc vừa dứt, tiếng vỗ tay huýt gió nổi lên ào ào đưa tôi về thực tại tầm thường thấp bé.

Tôi muốn uống vang trắng. Ngàn nhắc tôi, còn phải lái xe về. Phiên phát tay bảo:

- Cậu và cô Ngàn về nhà tớ đêm nay. Tớ và cậu tha hồ uống, con Quyên lái xe được mà.

Quyên cong môi đòi:

- Con cũng muốn uống tí rượu.

Phiên mắng:

- Bày trò! Chỉ tốn rượu.

Quyên kêu lớn:

- Bố, con đã mười chín tuổi rồi.

- Mà lúc nào cũng tí hon như nàng út ống tre của tao, đừng có láo.

Ngàn cười ngặt nghẽo:

- Anh Phiên chưa uống mà đã như say.

Vợ Phiên bây giờ mới lên tiếng:

- Ủa, cô không để ý ông ấy uống tù tì suốt buổi giới thiệu sách sao? Cái ly nước màu vàng giống như nước táo, anh ấy cầm trong tay, thật ra là rượu đấy.

Ngàn lắc đầu nhìn Phiên, ngờ vực. Phiên đùa:

- Tôi say văn anh Đạt ấy mà.

Quyên vẫn kêu nài:

- Con uống một ly vang nhé bố!

- Ừ, nhưng một thôi, còn đưa tao về nhà.

Vợ Phiên nghiêng người, trỏ vào tấm thực đơn trên tay Ngàn, đề nghị:

- Cô Ngàn dùng thử món tôm biển đút lò ăn với bánh mì và xà lách này, được lắm. Hay cô thích ăn cơm cho chắc bụng? Người Tây Ban Nha có món cơm chiên Paella với nhiều loại hải sản, cũng lạ miệng. Món ăn chơi, mình gọi mực lăn bột chiên nhé! Không, mùa này có chem chép Bắc Hải, phải đãi anh Đạt và nhất là cô Ngàn, người từ phương xa tới, một đĩa chem chép nướng với bơ tẩm rau thơm chứ!

Ngàn gấp tờ thực đơn lại, cười tươi:

- Nghe chị nói, thấy món nào cũng ngon, nhờ chị gọi cho vậy.

Phiên chen vào:

- Mình gọi mỗi thứ một phần rồi chia nhau ăn, vậy là biết gần đủ mùi vị đặc thù Tây Ban Nha.

Trong khi chờ thức ăn, Quyên trở lại đề tài văn chương, hỏi tôi tìm ý sáng tác từ đâu. Tôi bảo đùa, trời cho, rồi nói tiếp:

- Ý văn tới bất ngờ lắm Quyên ạ! Không báo trước bao giờ. Nghe kể một câu chuyện thú vị, xem một đoạn phim hay, đọc một dòng chữ đẹp, hoặc đôi lúc đang đứng chờ xe lửa, đầu óc bác chợt nẩy hứng. Thoạt đầu chỉ là một đốm nhạt màu, rồi sáng dần, cuối cùng lóe rực rỡ trên giấy trắng.

Vừa nói tôi vừa để ý ngắm nhìn nét mặt Quyên. Tóc ngắn ngang vai, úp vào ngấn cổ trắng như búp huệ. Tia mắt khi long lanh, khi chếnh mảng khép hờ như hai mắt mèo. Cặp môi nũng nịu chỉ thoa một lớp son bóng làm dáng. Trong mắt môi kề cạnh ấy, tôi hình dung ra khuôn mặt Tường Vân cùng cái bào thai ngoài ý muốn và một tối trăng hè đàn ca bên lửa trại. Hai gương mặt thanh xuân, một thực một ảo, lòe loẹt nấp vào nhau trong ảo tưởng tôi bất tận. Lúc nào, ở đâu, trước mắt tôi vẫn là những họa hình lem nhem của nét cọ màu nước lan ra vải lụa. Chữ hóa ra hình, ý tụ thành linh hồn. Mực hòa với tim óc thành máu lệ văn chương. Vào một đêm trăng ngồn ngộn từ tính, giai nhân từ những trang sách bước ra, cùng tôi say sưa nhấp chén hoan lạc vô cùng.

Quyên hỏi:

- Theo tử vi Tây phương, bác sinh nhằm sao nào?

- Hổ cáp.

Quyên tròn mắt kêu lên:

- Cháu cũng vậy.

Tiếng kêu của Quyên làm Ngàn đang tỉ tê trò chuyện với vợ chồng Phiên phải ngừng lại, hỏi:

- Tuổi hổ cáp thì sao?

Tôi nhớ mang máng đôi điều đã đọc qua, cười cợt:

- Người tuổi hổ cáp sinh vào cuối năm, mùa đông, là ngọn đèn phực sáng trước khi tắt lụn. Tâm tính họ bề ngoài có vẻ lạnh lùng, thờ ơ nhưng bên trong rất sôi nổi, tha thiết. Họ luôn cảm thấy thiếu, lúc nào cũng khao khát tìm kiếm. Họ là người bạn đời tốt vì tính thủy chung. Họ là mẫu người cô đơn, thiếu cởi mở, nhưng chân thành và có tâm hồn độ lượng, khoáng đạt. Đầu óc họ nhiều tưởng tượng, suy tư phong phú gần như viển vông. Họ có thêm tính nông nổi, sẵn sàng lao xuống vực nếu cần. Nói chung, người tuổi hổ cáp thuộc loại khó tính!

Vợ Phiên che miệng cười hể hả. Phiên vỗ tay tán thưởng lẹp bẹp. Ngàn bĩu môi nhìn tôi, mắt có đuôi. Quyên mở sắc tay, lục tìm giấy viết trao cho tôi, láu táu:

- Bác phải ghi lại cho cháu đoạn tử vi vừa rồi mới được.

Tôi nhún vai:

- Chuyện phịa mà, nhớ sao nổi.

Tuy vậy tôi cũng nguệch ngoạc vài hàng cho Quyên vui lòng, còn nắn nót vẽ thêm con bò cạp có cái đuôi chĩa mũi nhọn hoắt.

Tàn bữa cơm tối trong quán ăn huyên náo như một ngày *fiesta*, tôi và Ngàn cáo từ gia đình Phiên trên vỉa hè phủ kín tuyết. Vợ chồng Phiên một mực kêu tôi và Ngàn về nhà họ ngủ qua đêm. Phiên viện cớ vì tôi uống quá nhiều rượu. Tôi từ chối, bảo Ngàn biết lái xe, chỗ chúng tôi ở chỉ cách đây hơn trăm cây số, về nhà ngủ cho thoải mái. Ngàn không nói gì, cứ ôm riết cánh tay tôi, đầu tựa vào vai tôi an phận. Kèo nài, khuyên bảo thêm một đỗi, cuối cùng gia đình Phiên đành để tôi và Ngàn ra về, dặn dò Ngàn lái xe cẩn thận.

Vào ngồi trong xe, cài nịt an toàn xong xuôi, tôi nắm tay Ngàn, khẽ hỏi:

- Em sợ không?

Tôi thấy hai mắt Ngàn lấp lánh trong bóng đêm lạnh toát. Nàng chậm rãi đáp:

- Có anh bên cạnh, em không sợ gì cả.

Ngàn thử cài số vài lần rồi nhấn ga cho xe trườn ra mặt lộ duỗi mình chờ ngủ. Sương giăng mờ. Những trụ đèn đêm xếp hàng nhòa sương trông đáng thương như những vì sao không bao giờ gặp gỡ. Tôi bảo Ngàn bật một bài nàng thích. Lát sau, tôi nghe nàng cất giọng chơi với:

"*Tìm nhau trong hoa nở. Tìm nhau trong cơn gió. Tìm nhau trong đêm khô hay mưa lũ. Tìm nhau khi nắng đổ. Tìm nhau khi trăng tỏ. Tìm nhau như chim mộng tìm người mơ. Tìm trong câu thơ cổ. Tìm qua tranh tố nữ...*". Tôi thấy hồn mình nhấp nhô trên mặt nước rung cảm. Trên xa lộ, sương bủa chập chùng, chỉ có mình tôi, Ngàn và cặp mắt đèn sương rọi úa. Lâu lâu mới thấy hai vệt sáng ngược chiều quét vào lòng xe. "*Gặp nhau trong hơi thở của cuộc đời, người ơi. Gặp nhau hãy nép hơi in trong hương mới. Gặp nhau trong nhân tình đầy bác ái hỡi người. Gặp nhau trong kinh cầu một hồi chuông...*".

Từ đó đến khi tới nhà, tôi bồng bềnh trôi trên sông nước, khó khăn như cụm lục bình phải len lách qua những rào ngăn của chiến tranh và thù hận. Vào phòng, tôi ngả người xuống nệm, thở ra khoan khoái. Cảm giác nhọc nhằn trôi tuột đâu mất, chỉ còn lại rác rến mệt mỏi. Ngàn tắm rửa, thay quần áo xong, ra quỳ xuống cạnh tôi, âu yếm mở những hạt nút. Tôi khép mắt lại. Va chạm này đã dan díu cùng tôi bao lần giữa những dòng chữ hoang đàng. Của Rita hay của Long trong đêm mùa đông nào xa tắp? Của Hansi và Long vào một tối say mềm trong gian nhà bên hồ nước mờ sương khói. Của người đàn bà làng chơi khi Thạc đồ dẫm tìm về chốn cũ trong cơn mê ám cuối năm... Ngàn nghiêng mặt cúi xuống ngực tôi, hai cánh tay luồn dưới lưng tôi, khóa lại. "Đạt ơi, anh Đạt ơi". Không tiếng đáp. Tôi đang đứng bên này vách núi, ngửng mặt, bắc loa tay gọi lớn tên ai. Không một âm vọng. Tín hiệu bặt tăm vào không gian chập chùng hiểm trở. "Anh Đạt ơi, anh ơi". Trong chốc lát này, tôi thấy ra một điều vô lý, rằng Ngàn không phải là âm bản như tôi vẫn nghĩ mấy ngày nay. Mà tôi, chính tôi là âm bản của dương bản văn chương mình.

*

Hội trường tôi tới đọc sách cho một số đồng hương tỵ nạn ban ngày còn là phòng ăn, ban đêm là nơi tụ họp xem truyền hình. Thính giả lần này là những người sang Đông Đức cũ theo diện hợp tác lao động. Sau khi Đông và Tây thống nhất, một số qua đây xin tỵ nạn chính trị. Đa số đi từ Bắc Việt, sinh ra và lớn lên trong một xã hội băng hoại và cô lập.

Buổi chiều tôi cùng Ngàn đến đây gặp Quân, anh đã dặn dò:

- Khi đối thoại với những người này, anh nên giữ ý, vì vẫn còn nhiều vấn đề tế nhị chưa khai thông.

Tôi gật đầu:

- Tôi biết chứ.

Nói thế, nhưng khi ngồi trước vài chục ánh mắt soi bói, tôi không hề

nghĩ tới những khoảng cách tế nhị cần tránh né. Tôi tóm tắt hoàn cảnh lưu vong của mình, giới thiệu sơ qua một vài tập sách đã ấn hành, rồi vào đề thẳng:

- Có lẽ nhiều người trong số các anh chị hiện diện tối nay đang tự hỏi vì sao tôi đến đây. Tôi đến không phải để thuyết trình một đề tài rộng lớn nào, cũng không phải để giải thích một vài pháp lý, mà chắc hẳn tất cả các bạn đang nóng lòng muốn biết. Không, thành thật mà nói, tôi không thông suốt các dữ kiện nêu trên, tôi đến chỉ để đọc cho các bạn nghe một đoản văn vừa viết xong. Tôi chọn cho nó cái tựa là *"Tĩnh vật"*.

Nói đến đây, tôi ngừng lại giây lát, mở cặp rút ra vài trang giấy đánh máy, đặt lên đùi. Khi ngước lên, tôi bắt gặp tia mắt của một thiếu phụ ngồi chếch bên trái, trên tay bồng một đứa trẻ chừng như đang ngủ say. Tia nhìn Đông phương mềm mại, quyến rũ khác thường. Lòng tôi dấy lên vài câu thơ của Hoàng Cầm: *"Váy Đình Bảng buông chùng cửa Võng. Chị thẩn thơ đi tìm..."*. Tôi lặng người vài giây, rồi cất giọng:

"Thuở nhỏ, tôi vẫn tin rằng mỗi tĩnh vật đều có linh hồn. Khi tôi lấy viết gạch một đường hằn học lên mặt bàn, gỗ sẽ nhức nhối xót xa. Khi tôi lỡ tay làm đứt quai chiếc cặp da, cặp sẽ bật khóc vì đau đớn. Điều này tôi chỉ cảm chứ không thể chứng minh, vì nỗi đau của mặt gỗ, niềm bất hạnh của chiếc cặp đều vô âm. Không một giọt nước mắt. Không một lời oán trách. Một tiếng chặc lưỡi xuýt xoa cũng không nốt. Tất cả đều tĩnh lặng, hoàn toàn tĩnh lặng. Chỉ mình tôi cảm nhận niềm giao cảm mơ hồ ấy.

Bây giờ, đôi lúc ngồi một mình trước trang giấy trắng mời gọi giục giã, trong căn phòng thắp mỗi ngọn đèn [illegible]ng, trong không gian lắng đọng đặc quánh như đã hóa thạch, tôi chợt nhận ra tính phẫn nộ khốc liệt của im lặng. Có ai cảm thông tôi, chuyện thấy ra chân lý hay không, chẳng quan trọng. Quan trọng chăng là những hậu quả khác nhau khi con người tìm về cõi tĩnh.

Thời nay, tại quãng trường trung tâm thành phố Rostock thuộc Đông Đức cũ, vào mỗi thứ bảy có người bản xứ đứng cầm một cột biểu ngữ phản đối các vụ bạo hành người ngoại quốc trong những tháng vừa qua. Ai đồng ý, dừng lại một đỗi. Không thấy xin chữ ký để dâng kiến nghị. Không nghe loa khuếch âm phát động ồn ào. Không khua môi tranh luận phải trái. Mà họ chỉ đứng lặng vây quanh cột biểu ngữ. Người này đi, có người khác tới. Cái vòng tròn câm trông cảm động không khác gì cảnh người lính Đông Đức cầm vũ khí nhảy qua rào kẽm gai năm 1964, hay cảnh người đàn ông Trung Hoa đơn độc giơ tay cản đoàn thiết giáp xa

hồng vệ quân tại Thiên An Môn năm 1989. Nếu những kẻ có đầu óc bài ngoại cực đoan hay những nhóm phát xít cực hữu ý thức được linh hồn của tĩnh vật, họ đã không phẫn nộ hủy hoại đốt phá. Nếu như họ cảm được tính lặng yên chấp nhận cuộc sống lưu xứ của chúng ta, họ đã không đột nhập các trại tạm cư để cướp bóc, hành hung và mưu toan cưỡng hiếp. Nếu như họ nhận thức được rằng họ yêu mến, tự hào quê hương xứ sở họ bao nhiêu, thì kẻ khác cũng yêu quý đất nước họ bấy nhiêu, dù phải đang tâm lìa bỏ, vì nơi đó cả sự im lặng đối kháng cũng không được tôn trọng...".

Tôi vừa chậm rãi đọc, vừa liên tưởng tới khung ảnh truyền hình chiếu cảnh lửa táp ngùn ngụt các ô kính vỡ. Thanh niên bạo loạn điên cuồng. Đám đông phía sau vỗ tay hò reo theo từng chai bom xăng ném trúng mục tiêu. Những nhếch cười thỏa mãn, khinh bỉ và những ánh mắt rực lửa thù hận ngước nhìn các tầng cao ốc bỏ trống. Lửa đêm Pha lê bài trừ dân Do Thái của năm 1938 lại phực cháy. Lửa của tính kiêu căng dân tộc lại bừng dậy thiêu rụi cả lương tâm Đức quốc. Cơn lốc chính trị giao mùa từ Đông Âu lấn sang một mảnh Tây Âu, mà nạn nhân lại là những kẻ vô can.

Khi tôi đọc xong một vài ý vụn được ghi lại vội vàng vào những đêm mất ngủ vừa qua, quay nhìn thì không thấy thiếu phụ và đứa bé ngồi đấy nữa. Chiếc ghế nhựa sơn xanh xô lệch trơ trọi trông cô độc như một dấu cắt còn tươi vết. Tôi xếp lại xấp giấy, cất tiếng:

- Tôi đề nghị chúng ta nên trao đổi cùng nhau một vài suy tư để hiểu rõ nhau hơn. Thưa, ai có ý kiến gì không ạ?

Không phải chờ đợi lâu, một người đàn ông trẻ đã đứng lên, giọng Bắc đặc sệt:

- Xin tự giới thiệu, tên em là Quang, sang hợp tác lao động tại nước Cộng Hòa Xã Hội Dân Chủ Đức vào năm 1989, qua đây xin tỵ nạn vào mùa xuân 1990, đến hôm nay vẫn còn tạm trú trong trại, không được phép đi làm, chuyện di chuyển vẫn còn bị hạn chế tối đa. Từ vài tháng nay, em và các bạn đồng trại hằng đêm lo sợ bị bọn "phủi" tấn công. Bọn đàn ông chúng em có thể tự vệ được, nhưng còn những người đàn bà và một số trẻ sơ sinh, chúng em phải làm sao khi gặp trường hợp đó?

- Thưa anh, im lặng phản đối không cùng nghĩa với thờ ơ đứng nhìn hay đang thân hứng chịu. Thế hệ các anh ở miền Bắc, thế hệ chúng tôi ở trong Nam đã cam phận đón nhận số phận ngần ấy năm trời, bây giờ có lẽ không ai muốn như vậy nữa. Chắc anh cũng đồng ý với tôi rằng, chống lại những chai xăng lửa bằng cách ném trả những chai xăng lửa, không phải là cách giải quyết thuận lý. Anh có thể tưởng tượng lòng tôi

nóng nảy thế nào không, khi so sánh hai hành động sát nhân: một của bọn đầu trọc đối với người ngoại quốc và một là ngược lại. Trước đôi mắt mù bên phải của nữ thần công lý xứ này, hai hành động trên sẽ được phán xử khác nhau. Trước hay sau, có hay không có những cuộc đăng hành phản đối các vụ bạo động nhắm vào ngoại kiều vừa qua, chúng ta vẫn là những kẻ ở trọ. Tuy nhiên nơi đây, may mắn thay, vẫn có luật pháp bảo vệ người ở trọ và nhân quyền còn được tôn trọng một cách tương đối.

- Có một vài điểm trong bài văn anh vừa đọc cho chúng em nghe, em không hoàn toàn đồng ý. Em thấy cảnh biểu tình câm ở Rostock có khác với hành động anh hùng của nhân dân Trung quốc tại Thiên An Môn, anh nghĩ sao?

- Vâng, có một vài điểm khác, nếu như anh muốn nói tới nguyên nhân xui khiến người dân phải xuống đường và cường độ phản kháng. Nhưng xét kỹ, tôi thấy giống, rất giống nhau. Các thanh niên Trung Hoa không ngốc nghếch tới độ muốn đọ sứ người với một sức mạnh được trang bị bằng xe tăng và súng đạn. Họ chỉ muốn gióng lên một tiếng chuông cảnh tỉnh. Không may cho họ, theo tôi nghĩ, thời khắc chưa thuận lợi. Và điểm đáng quan tâm hơn, vì họ là thành phần trí thức của đất nước. Anh thử nghĩ, giới lãnh đạo ngu dốt đang nắm quyền lực quân sự, làm sao chịu nổi cảnh một bọn trẻ con trí thức tiểu tư sản đòi hỏi này nọ. Dẹp ngay, bằng bất cứ giá nào. Hậu quả ra sao, chúng ta đã rõ.

- Như vậy, các nước nhược tiểu, chậm tiến, lại bị nhóm người đốt nát lãnh đạo sẽ không bao giờ có cơ hội phát triển sao?

- Có chứ, nhưng lúc nào cũng lẽo đẽo theo đuôi ăn mót những rác rưởi văn minh vất lại. Vì muốn phát triển tột bực và nhanh chóng, họ phải mở cửa gần như vô giới hạn. Như thế thì còn gì là hào quang chỉ đạo siêu việt của đảng và nhà nước nữa.

Bấy giờ Quân mới đứng lên, ôn tồn:

- Hai anh cho phép tôi góp lời. Có lẽ hai anh đã bỏ hơi xa cái ý chính của buổi họp mặt tối nay. Anh Trần Trung Đạt tới không phải để tranh luận với quý đồng hương về một đề tài chính trị nào, mà chỉ để đọc và giới thiệu quyển sách vừa phát hành của anh ấy trong tinh thần giao cảm của văn chương. Tôi xin nhắc lại để chúng ta cùng lưu ý.

Vài khuôn mặt đảo nhìn lơ đễnh nơi khác. Có người giơ tay che miệng ngáp. Cũng có đôi ba chiếc đầu vươn ra lóng ngóng như nóng lòng. Tôi cười nhẹ, hướng mắt về người đàn ông tên Quang:

- Tôi và anh đi xa thật, phải trở lại, không thôi lạc đường. Tôi xin có đôi lời về tập sách mới nhất mang tựa đề "*Âm bản*". Đây là quyển trung thiên tiểu thuyết viết về mối tình giữa một nhà văn bị treo bút và một thiếu nữ trẻ hơn ông ta gần hai mươi tuổi. Truyện lấy bối cảnh trong nước sau 1975. Khi viết truyện này, tôi đã vận dụng tối đa trí tưởng tượng của mình, cũng như đã thăm dò tìm hiểu các dữ kiện cùng địa danh sau ngày chính quyền cộng sản lên lãnh đạo toàn cõi Việt Nam, vì tôi rời nước trước 1975. "*Âm bản*" là một chuyện tình đơn giản, không bị vẩn đục bởi bất kỳ ám ảnh nhục dục nào. Có chăng là trong bộ óc nhiều giả tưởng của ông nhà văn. Truyện không có nhiều tình tiết, mà chỉ gồm một chuỗi suy tư dằng dặc nửa thực nửa ảo trong nhãn quan chưa hội nhập trọn vẹn vào cảnh sống mới của nhà văn. Sự có mặt của nhân vật nữ là vệt nắng lóe trong dòng đời ngập sắc xám, là tiếng cười sẽ sàng độc nhất trong cõi lặng thinh của mất mát, là quyển tiểu thuuyết sống thực còn lại khi văn nghiệp của ông bị hủy diệt hoàn toàn. Lúc ấy ông văn sĩ mới nhìn ra sự bất lực, tính phi lý, vô dụng đầy không tưởng của chữ nghĩa. Văn chương không đem lại cơm no và áo mặc. Văn chương không cứu rỗi được những linh hồn chết trừng mắt. Văn chương không hóa giải được những hờn căm ngất trời. Văn chương chỉ là một trò giải trí trong một nơi khuất gió. Chưa có ai đang nhọc nhằn với mưa bão cơm áo mà thèm khát đọc một tác phẩm văn chương. Tuy nhiên cũng nhờ văn chương mà nhà văn được một phen bản lai chân diện mục. Văn chương là âm bản của nhà văn, hay ngược lại đều tùy vào mức độ cảm xúc trong mỗi trường hợp. Ngoại cảnh là cô con gái còn luyến tiếc dòng văn chương phóng đãng trước 1975. Ngoại cảnh cũng là chế độ độc đoán bóp nghẽn mạch sáng tác của nhà văn, làm nẩy sinh thứ nội tâm tích lũy no nê chất chứa cảm hứng. Nhà văn tìm ra một cách sáng tác mới: đọc cho cô gái nghe. Cô gái và nhà văn trở thành âm bản và dương bản của nhau từ dạo ấy.

Tôi dứt lời, chỉ còn hơn chục người ngồi trước mặt. Những nhân dáng gầy gò thu mình trong những hàng ghế lỗ chỗ nhiều khoảng trống, trông như tĩnh vật. Niềm hoang tưởng thuở ấu thơ cho rằng mỗi tĩnh vật đều có linh hồn trở về cùng tôi đêm nay, vô cùng rõ nét. Những tĩnh vật biết ăn, ngủ, thở và yêu đương; biết oán hờn, cay đắng, dằn vặt nhau; biết tủi hổ trước thân phận sống tạm nơi đất khách. Và còn đau xót biết thêm rằng mỗi tĩnh vật đều là nạn nhân của trò bi kịch kéo dài gần nửa thế kỷ nay. Tuy vậy vẫn lặng lẽ chịu đựng.

Quân đứng lên ngỏ lời cảm tạ mọi người rồi quay sang tôi, chờ đợi. Tôi cũng đứng dậy, mời những người còn lại sang bàn bày sách để tôi

ký tặng. Tự nhiên tôi cảm thấy vẫn còn một khoảng cách nào đó giữa họ và tôi, cái khoảng cách mơ hồ nhưng có thật.

- Em xin anh một quyển sách nhé!

Giọng đàn bà nhỏ nhẹ cất lên. Tôi ngẩng đầu, bối rối nhận ra đấy là thiếu phụ bồng con khi nãy. Tôi mỉm cười, mở bìa sách, khẽ hỏi:

- Chị cho biết tên để tôi đề tặng cho thêm thân mật.

- Em tên Bạch.

Tôi nguệch ngoạc hàng chữ: "Món quà sơ giao gửi tặng chị Bạch...", ký tên rồi gấp sách lại trao cho người đàn bà trẻ. Nụ cười nở trên môi chị Bạch hàm chứa một chút bẽn lẽn con gái và một chút an phận đàn bà. Chị là người cuối cùng nhận sách, chị liếc mắt nhìn Ngàn ngồi cạnh tôi, chậm rãi cất tiếng:

- Em vẫn thường theo dõi bài viết của anh trên nguyệt san *Văn Chương*. Em yêu nhất nhân vật cô Dung trong "*Men trăng*". Hoàn cảnh cô ta tội nghiệp quá. Cả nhân vật xưng tôi tên Duy cũng đáng thương nữa. Em thấy hầu hết các nhân vật truyện của anh đều không có hạnh phúc.

Tôi xào lại mớ chân lý cũ mèm:

- Nếu chị định nghĩa được "hạnh phúc" là gì, tôi sẽ cho chị biết rằng chị có hạnh phúc hay không!

- Cảm thấy hạnh phúc là đủ, đâu cần phải hiểu đó là cái gì.

Tôi phân vân, rồi gật đầu:

- Đồng ý với chị điểm này.

Và nhận thấy chị Bạch trò chuyện rất duyên dáng. Trong khi tôi chuyện văn với chị, Ngàn xô ghế rời chỗ ngồi, ra đứng bên cửa sổ cạnh Quân. Cả hai nhìn ra khung kính cắt cảnh đêm bên ngoài một mảnh nhạt ánh đèn vàng, lất phất những sợi tuyết giăng nghiêng.

- Anh cho em hỏi một câu hơi tò mò.

Tôi xoay lại nhìn vào ánh mắt tinh nghịch của chị Bạch:

- Chị cứ hỏi.

- Có bao giờ anh nghĩ rằng anh đang bị lệ thuộc vào văn chương?

Tôi ngần ngừ giây lát, hỏi ngược lại:

- Tại sao chị hỏi tôi câu này?

- Em đọc văn anh, thấy ra tính đam mê vô biên và lòng ưu ái gần như quy lụy của anh đối với văn chương.

Tôi cười xòa:

- Trí tưởng tượng của chị phong phú quá. Đời nào tôi lại quy lụy vào

văn chương, tôi xem đó như một trò chơi. Có người thích đánh cờ, đánh bạc, kẻ khác mê rượu, ghiền trà; riêng tôi lại thích ghi chép lăng nhăng một vài suy tư khó lòng tâm sự cùng ai. Cũng là một thú vui như nhiều thú vui thường tình khác.

- Em thấy khác, vì một khi văn chương trở thành giấy trắng mực đen, không còn là của riêng anh nữa.

Tôi gật đầu:

- Tôi bắt buộc phải đồng ý với chị thêm lần này.

Tiếng cười trong trẻo của người đàn bà vang lên khiến Ngàn và Quân cùng lượt quay lại. Quân bước lại, miệng tủm tỉm:

- Anh chị trò chuyện vui vẻ nhỉ.

Ngàn thản nhiên khoanh tay đứng nhìn, không nói. Bầu không khí tự dưng nặng trịch nhạt nhẽo. Chị Bạch gật đầu chào từ giã Quân, Ngàn rồi xoay qua tôi, giọng đằm thắm:

- Khi nào có dịp ngang đây, anh nhớ đến thăm chúng em. Suốt ngày không có chuyện gì làm, đôi lúc đâm ra lẩn thẩn anh ạ. Thôi, em phải lên phòng, kẻo con giật mình không thấy, khóc toáng lên làm mất giấc ngủ người khác, thế nào sáng mai cũng có chuyện phiền hà. Em mong anh tiếp tục thù tạc cùng văn chương, vẫn với lòng đam mê vô biên, và nhất là với cái ý lành của tâm nhân ái.

Nói xong, chị đặt tay lên vai tôi vỗ nhẹ, rồi quay lưng bước đi. Dáng chị hơi nghiêng như bị ánh đèn chất nặng một bên vai. Tôi rợn người nhớ tới những khuya đơn độc trước trang giấy trắng trước mặt, cây viết cầm tay, chụp đèn vàng rọi sáng như mở lối. Đêm hè năm ấy tôi đã thả hồn rong chơi cùng cô Dung, chú Huấn, anh Tường và cậu thanh niên tên Duy trong "*Men trăng*" đêm Bắc Hải. Tôi đã lạc bước vào cõi văn chương hay các nhân vật hư cấu kia đã từ những trang bản thảo bước ra cùng với tôi vui vầy trong những đêm vằng vặc mùa trăng giao cảm? Từ đó cho đến lúc chở Ngàn tới nhà vợ chồng Quân trọ qua đêm, tôi cứ bần bật xoay trở với những ám ảnh còn tươi màu, không để ý hỏi han Ngàn. Tuyết vẫn lơi lả rắc bông. Thời tiết lạnh nhưng trong lòng tôi còn nguyên hơi ấm từ bàn tay chị Bạch truyền sang khi nãy. Một cuộc gặp gỡ kỳ thú, tưởng như chỉ có thể xảy ra trong tiểu thuyết.

- Hôm nay anh làm sao ấy.

Giọng Ngàn rướn cao trách móc. Tôi cười giả lả:

- Có làm sao đâu. Tôi đang vui, em không thấy sao? Một niềm vui không thể mua được bằng tiền bạc. Hát cho tôi nghe đi!

- Không thích.

- Thì tôi hát vậy.

Và tôi lẩm nhẩm ngâm nga mấy bài mà Ngàn đã hát hôm trước, câu được câu mất. "*...Bạn lòng thân mến, đây tôi hiến bài ca, mong ai hát vui hòa. Bạn là xuân thắm, cho tôi đón nhiều hoa, gieo hương mái tranh nhà...*". Một lát, tới chỗ tôi không thuộc, Ngàn góp giọng vào. Chúng tôi say sưa hát hết bài này sang bài khác như côn trùng tấu nhạc đêm hè. Những biến loạn thời sự nơi đất khách, những ray rứt chính trị ở quê nhà, những quan điểm văn học bất đồng cùng loạt tan biến. Chỉ còn lại mình tôi với Ngàn cùng những giai điệu chưa phai và cơn mưa tuyết xiên xéo bên ngoài.

Nhà vợ chồng Quân mở lò sưởi nóng hầm như lò nướng bánh, vậy mà chị Tứ, vợ Quân, vẫn khoác đùm đụp chiếc áo len trên tấm thân mỏng. Khi chị cúi lưng, tưởng như có thể gấp lại làm đôi. Cổ chị còn quấn thêm chiếc khăn nỉ, chân mang vớ xỏ trong dép nhung. Chị đón chúng tôi bằng nụ cười tươi trên khuôn mặt tái:

- Tôi nghe anh Quân nhắc tới anh mãi, hôm nay mới thấy mặt, rất hân hạnh.

Tôi đáp lễ bằng một câu khách sáo tương tự, giới thiệu hai người đàn bà với nhau, rồi theo chân Quân vào phòng khách. Trong khi chị Tứ và Ngàn chộn rộn trong bếp, Quân mở tủ kính lấy chai rượu rót ra ly. Bàn tay anh run nhẹ khi cụng ly cùng tôi. Quân khà một cái, cất giọng hỏi:

- Ông tiên đoán tình hình ra sao? Tôi ngớ mặt:

- Tình hình gì?

- Tình hình Việt Nam chứ còn gì nữa. Bao giờ cộng sản sẽ đổ?

Tôi nhún vai:

- Tám năm trước có người từ Bắc Việt sang tỉnh tôi đoàn tụ gia đình, nói với tôi năm năm nữa chúng nó sẽ tiêu đời. Cách đây vài năm, cũng chính người đó tuyên bố, cộng sản Đông Âu sụp đổ thì chúng nó không còn lý do gì tồn tại lâu dài. Tôi tin lắm và cứ ngóng cổ chờ chúng nó xuống hố cả lũ, mà quên rằng mấy lời đoán mò trên đều được thốt ra bên bàn rượu.

- Đôi khi rượu vào lời ra cũng thực tế lắm chứ.

- Nhưng tôi thấy bất nhẫn làm sao ấy. Trong bàn nhậu, mình chỉ nên ăn tục nói phét cho sướng miệng.

- Ông khó tính quá.

Tôi nhấp thêm một ngụm nhỏ, chép miệng:

- Chắc vậy.

Chợt tôi nhận ra vẻ vắng lặng trong nhà Quân. Tôi nhìn quanh quất, hỏi:

- Mấy đứa nhỏ đi đâu hết rồi?

Quân cười sượng:

- Vợ chồng chúng tôi chưa có con, ông ạ.

Chữ "chưa" thốt lên nghe như niềm ước vọng âm ỉ. Tôi chống chế:

- Tôi cứ tưởng... Chắc tôi lầm với người khác.

Quân nâng ly rượu, lắc đầu. Màu rượu vàng lườm, trong vắt như ngậm cả mặt trời miền Nam Pháp. Quân nốc một hơi gần cạn, há miệng thở ra như người thợ lặn vừa trồi lên mặt nước. Anh cất tiếng khẽ khàng: - Vợ tôi mang bệnh hiếm muộn sau hai lần hư thai. Kể từ đó bà ấy bị vướng thêm chứng bệnh tưởng, nằm nhà thương cả thảy năm lần, bác sĩ vẫn không tìm ra căn bệnh. Người cứ héo dần. Bà ấy ăn rất ít, ngủ không đẫy giấc, cứ vài đêm lại nằm mộng thấy về Việt Nam, rồi tấm tức khóc cho tới sáng. Tôi không biết phải làm sao, chỉ còn cách hy vọng nước mình sớm thay đổi, bọn tôi cuốn gói về ngay.

Tôi chạnh lòng nghĩ tới những khuya gió lớn, giật mình tỉnh dậy, sật sừ đi tìm đóng những ô cửa hé, rồi không ngủ tiếp được nữa. Tôi lủi thủi bật đèn, mở tập bản thảo, trừng mắt đăm đăm vào trang giấy trống trải lạnh người. Chữ nghĩa bỗng trở thành một thứ cực hình. Cái không tưởng giết đầy vũ khí, xấn tới trước mặt, lua khua đe dọa.

Tôi thở dài, lập lại lời tiên đoán cũ:

- Cũng không lâu nữa đâu.

Quân khịt mũi, rót thêm rượu vào ly, vừa lúc chị Tứ và Ngàn ồn ào mang thức ăn ra bày trên bàn. Có tôm ram, món xào kiểu Trung Hoa và một tô canh dền tây. Chị Tứ vừa múc cơm ra chén cho tôi và Ngàn, vừa vui vẻ kể:

- Tôi xào món chay đãi anh Đạt và cô Ngàn.

Ngàn hỏi:

- Chị có thường ăn chay không ạ?

Chị Tứ cất giọng cười giòn giã:

- Hằng bữa đó chứ. Nhưng tôi vẫn nấu món mặn cho anh Quân, thỉnh thoảng lạt miệng, tôi gắp một đũa. Ăn mặn nặng bụng quá, cô Ngàn, anh Đạt ạ. Người khác trông tôi ốm yếu, tưởng tôi bệnh hoạn gì. Không đâu, tôi vẫn khỏe mạnh bình thường, chỉ lâu lâu lại cảm cúm xoàng xĩnh vì trở trời đó mà.

Anh Quân góp tiếng:

- Nhà tôi gọi đó là chứng cảm lạnh tháng mười.

Chị Tứ gật đầu tán thành:

- Vâng, mỗi năm tới tháng mười là tôi bị cảm lạnh. Riết rồi quen, tới hẹn tôi lại sửa soạn chờ bệnh với quần áo ấm, thuốc men quen dùng như đón một người thân từ xa tới chơi.

Ngàn cười thành tiếng. Tôi mỉm môi nhẹ, thấy cách pha trò của người đàn bà bi thảm nhiều kịch tính.

- Thôi, chúng mình cầm đũa. Vợ chồng chúng tôi mời cô Ngàn, anh Đạt dùng cơm.

Tiếng mời mọc lao xao, chuyện đối đáp khơi dậy trong trí tôi những bữa cơm thời niên thiếu ở quê nhà. Trong bàn ăn, tôi và các anh ngồi cạnh ba, chị cùng các em ngồi gần má. Tự nhiên vậy, không ai sắp đặt cả. Tôi nhớ tới những món khoái khẩu của người lớn, qua cách nhìn trẻ con, rất oái oăm khó hiểu. Ba tôi thích ăn phao câu và đầu gà. Má tôi chuộng hai cái chân. Còn chị tôi mê gặm cái cổ. Tôi chỉ thích ăn thịt, miếng gan béo mềm, chùm trứng non, hay hai hòn trứng của con gà giò. Bây giờ nhớ lại, tôi sững sờ thấy ra bầu không khí tẻ ngắt trong những bữa ăn của mình suốt nhiều năm qua. Tại sao vậy?

Chị Tứ gắp một con tôm ram với chấy mỡ bỏ vào chén cơm cho tôi, cười cợt:

- Trông anh Đạt như thể vừa ăn cơm vừa làm thơ hay viết văn vậy.

Tôi chỉ con tôm, nói:

- Nhìn con tôm ngon lành như vầy, ai chẳng động lòng.

Ngàn xoe mắt nhìn Quân:

- May mà anh Quân không phải là văn sĩ.

Chị Tứ buông đũa xuống bàn, giọng r[illegible]hiêm trọng hẳn:

- Này anh Đạt, tại sao anh viết văn?

Tôi suýt phì cười, không phải vì câu hỏi đã được đặt ra mòn nhẵn, mà vì nét mặt trịnh trọng cường điệu của chị Tứ. Tia mắt Quân cũng hướng về tôi, chờ đợi. Tôi nhíu mày, rùn vai, thành thật đáp:

- Nếu tôi biết rõ lý do tại sao, chắc tôi đã không cày cục khổ sở viết lách ba lăng nhăng, lại còn lội tuyết tới đây để tặng sách cho vài người chưa hề quen biết. Đâu ai bắt tôi làm vậy? Cô đồng cậu bóng nào nhập vào tôi, xui tôi làm, chứ tôi nào muốn thế.

Ngàn trợn mắt:

- Anh nói nghe ghê.

Tôi gật đầu:

- Tôi không nói đùa. Mà không phải mình tôi cảm thấy vậy, bất cứ

ông bà văn sĩ nào cũng đều trải qua cảm giác ấy. Có kẻ cứ tưởng đó là cảm giác mới lạ, chỉ mình họ cảm nhận. Không đâu...

Tôi ngập ngừng, bưng chén canh rau dền lên húp cạn, rồi gác đũa lên miệng chén, nói tiếp:

- Thật ra chẳng có gì mới lạ cả. Những đề tài văn chương được viết ra hiện giờ đã được nhiều người khác viết cả rồi, mới lạ chăng là cái cảm xúc riêng tư của tác giả. Giống như một trường hợp sát nhân, cuối cùng đều dẫn tới cái chết, khác chăng là hành động giết người và mỗi thủ phạm đều để lại dấu tay riêng.

Quân cãi:

- Có kẻ giết người không để lại dấu vết gì cả.

Tôi lắc đầu:

- Tôi muốn nói tới cái dấu tay của lương tâm, ông ạ!

Quân chép miệng:

- Dấu tay của lương tâm, ngôn ngữ gì mà cầu kỳ.

- Kẻ sát nhân khéo, xóa mất dấu tay để phi tang, nhưng vẫn còn rành rành cái lương tâm không thể bôi sạch đó. Một nhà văn viết về bất kỳ vấn đề gì, đều gói ghém ít nhiều cá tính riêng. Người nào viết mà không lưu lại dấu tay giữa những dòng chữ là một văn sĩ tồi. Nói tới đó, tôi giật mình nín bặt. Có lẽ nhận thấy vẻ lúng túng trên gương mặt tôi, chị Tứ xuề xòa cất lời:

- Nghe hai ông nói chuyện, tôi chẳng hiểu gì cả. Đang bàn về văn chương, tự nhiên nhảy qua chuyện giết người rồi còn dấu tay, dấu chân trong đó nữa.

Ngàn đặt tay lên vai tôi, vuốt nhẹ:

- Anh Đạt không phải là người đơn giản đâu chị.

Tôi vớt vát:

- Nhưng cũng không phức tạp tới độ không hiểu được.

Ngàn nói như phân trần:

- Em yêu những điều em chưa hiểu được ấy.

Quân cười hề hề:

- Có kẻ so sánh người vợ giống như đôi giày, mới mua về mang đau chân lắm, nhưng sau đó rất thoải mái.

Chị Tứ và Ngàn đồng loạt lắc đầu kêu "trời ạ", rồi đứng dậy dọn bàn ăn. Quân rủ tôi ra hàng ba hút thuốc. Anh lại khơi chuyện các hội đoàn và đảng phái tại đây. Tôi lừng khừng góp ý, bảo không rành rẽ chuyện nội bộ của họ, và lắng nghe Quân rên siết chỉ trích với tâm trạng thờ ơ.

Một khối dửng dưng đọng lại đặc quánh tận đáy lòng tôi. Nhiều cuộc xung đột nghe như chuyện khôi hài. Không ít người, lòng đầy tham vọng, trong khi đời sống gia đình và cơm áo của họ chỉ là một mảnh vá víu. Nhưng mọi sự đều không dính líu gì đến tôi. Ngẫm lại, tôi thấy tất cả giống như một vở kịch dài bất tận với đầy đủ hai vai trò. Có cả tôi trong đó.

Vợ chồng Quân dành cho tôi và Ngàn căn phòng nhìn ra cảnh vườn phía sau. Tuyết đã thôi rơi. Đất ngập tuyết phản chiếu ánh đèn trăng trắng lấm tấm những chấm li ti. Tôi tưởng tượng đó là những tinh tú chín rục rụng đầy địa cầu. Mỗi tinh tú là một ước nguyện không thành. Tôi nằm ôm Ngàn trong tay, miên man nghĩ về những mộng vỡ rơi kín mặt đất. Bàn tay tôi lần xuống bụng nàng, dừng lại. Ngàn xoay mình, dúi mặt vào ngực tôi. Thân thể tôi ngai ngái mùi mồ hôi ngọt nồng của một ngày sống động. Chờ một lát, không nghe tiếng thở đều của Ngàn, tôi hỏi nhỏ:

- Em chưa ngủ sao?

Một tiếng thở hắt, giọng Ngàn ráo hoảnh:

- Lạ nhà, khó ngủ quá.

Tôi luồn tay vào đầu tóc ít ỏi của Ngàn, lòng rung động nhẹ:

- Biết được con người và đời sống thật của tôi, em có thất vọng hay nuối tiếc gì không?

- Cho tới bây giờ không. Anh và văn chương anh là một.

Tôi thảng thốt gọi "Ngàn, Ngàn", rồi bưng mặt nàng, hôn tới bời lên má môi. Ngực nàng áp sát ngực tôi, mềm ấm. Hai đùi nàng đang rộng, mở ra đón lấy dương lực tôi mãn khai. Chúng tôi ghép chặt vào nhau, nằm yên nghe ngóng, dọ dẫm, đo lường cảm giác của thực và mộng. Chuyện tôi quen biết rồi gặp gỡ nhân vật Ngàn vẫn còn quá mới. Màu vôi tô lên trần vách ngôi nhà cũ vẫn còn tươi, còn nồng nê sinh lực của một lần tái sinh. Tôi cắn đau môi mình để biết rằng những diễn tiến mấy ngày nay không phải mộng.

*

Ngàn lớn tiếng trách tôi đã ve vãn cợt nhả với chị Bạch trong buổi đọc sách vừa qua. Tôi thấy chuyện vô lý, không bào chữa. Ngàn càng bực dọc, đem những điều không đâu ra gây sự với tôi. Nét mặt nàng trông hung dữ lạ lùng. Hai mắt xếch ngược, mép môi nhếch cong, lửa chữ qua hai hàng răng nghiến khít. Thỉnh thoảng nàng còn đập mạnh vào người tôi làm lệch tay lái, chiếc xe bẻ ngoặt một đường như tránh né. Con đường vắng, ngập tuyết, nằm giữa hai hàng cây trụi lá và cánh

đồng mênh mông trắng xóa. Tuyết không còn đê mê thơ mộng nữa mà lạnh lẽo hun hút một khoảng không đục lòa. Ngàn vẫn không ngừng đay nghiến tôi, lời lẽ càng lúc càng nặng nề. Tới một lề đường rộng, tôi dừng xe lại, chồm qua mở cửa, bảo Ngàn xuống xe. Hai mắt nàng nhìn tôi trân tráo. Tôi quát to: "Đi ngay!", Ngàn chần chừ giây lát, rồi cầm xắc tay, vùng vằng bước xuống. Tôi đóng sập cửa lại, nhấn ga bỏ chạy. Bóng đứa con gái chới với mờ nhạt, nhỏ dần và mất hút sau luồng khói đục lờ trong tấm gương chiếu hậu. Được một đỗi, lắng giận, tôi tấp xe vào bãi đậu bên đường, gục đầu xuống tay lái. Hồn tôi rụng tơi tả những vì sao mộng ước đêm nào. Sao lấp kín mặt đất, trông như tuyết phủ. Người tôi run lên. Cơn chấn động nội tâm theo thủy triều ầm ầm dâng sóng. Khóe mắt tôi đong đầy lệ, bất phân giữa thương và oán. Và tôi bật khóc nức nở. Niềm đau này, trời ơi, chính là niềm đau văn chương tôi đã giấu kín bấy lâu nay, bây giờ mới có dịp bột phát. Tôi vừa khóc vừa mở máy, vòng xe lại dáo dác tìm Ngàn. Màu trắng khi nãy bỗng đổi sắc, dịu dàng như ngàn búp huệ nở cánh cùng lúc. Tôi thấy Ngàn đang ngồi co ro bên trạm xe buýt liên tỉnh. Tôi dừng xe, mở cửa, hối hả chạy qua như đứa con về lại nhà sau nhiều năm xa cách. Ngàn đứng lên, hai mắt nhòe nhoẹt nước. Chúng tôi ôm siết nhau trong không gian và thời gian xám bầm những nghịch lý. Ngàn thều thào: "Em lạnh!" Tôi buông Ngàn, trở ra xe khuân chồng sách chất đống trước mặt nàng. Ngàn mở to mắt nhìn. Tôi rưới xăng lên những trang sách vô nghĩa, bật diêm. Lửa bốc phừng phực giận dữ. Chữ nghĩa nám cong quắt queo. Tiếng lửa kêu lắc rắc như trách móc. Tôi và Ngàn co mình tìm hơi ấm bên những trang sách cháy. Lửa táp rát bỏng như cái nóng nhiệt đới từ quê nhà ùa sang.

Tôi bật ngồi dậy, thức giấc. Lửa mộng rịn mồ hôi khắp người. Hai mắt tôi thao láo quanh quất trong bóng tối lập lờ. Dáng Ngàn nằm ngủ trông đáng yêu quá, cong như con tôm luộc, gương mặt úp nghiêng, một tay xòe bám trên mặt nệm. Tôi cúi xuống, nhẹ hôn lên tay Ngàn. Tôi sẵn sàng đốt sách để sưởi ấm năm ngón tay kỳ diệu này. Tôi sẵn sàng tung hê tất cả để phục vụ thân xác tuyệt vời này. Cũng như tôi sẽ bẻ bút tức thì nếu không may lâm vào cảnh sống trong một chế độ độc tài khắc nghiệt.

Có tiếng chim thức sớm chíu chít gọi nhau ngoài vườn tuyết. Tôi bước xuống giường, mặc quần áo, rời phòng. Đi ngang căn bếp sáng đèn, tôi thấy chị Tứ đang cặm cụi nấu nướng bên bếp lò mờ khói. Tôi khựng chân lại. Hình ảnh này, không khí đầm ấm sớm mai này là tiếng bật máy chiếu lại cuốn phim quá khứ trong hồi tưởng tôi. Ngọn đèn dầu soi yếu gian bếp miền quê thơm lừng mùi lá chuối. Tiếng nước sôi lục

sục trên bếp lửa reo mừng. Bầy vịt lạp cạp đòi ăn nơi ngạch cửa. Một mảnh rạng đông hắt ánh sáng nhợt nhạt qua vuông cửa quê nghèo. Khuôn mặt ngoại tôi ngẩng lên, móm mém... Khuôn mặt chị Tứ quay lại, trắng bệch hom hem.

- Anh Đạt dậy rồi đấy à!

Tôi "vâng" một tiếng nhỏ.

- Thức chi sớm vậy anh? Tôi nói dối:

- Tôi vẫn thức vào giờ này đó chứ.

Chị Tứ cười hiền:

- À, văn sĩ các anh, thức sớm để sáng tác chứ gì?

Tôi mỉm cười, không đáp. Chị Tứ đon đả:

- Anh đi rửa mặt rồi vào đây uống với tôi ly nước sớm. À, anh uống trà hay cà phê nhỉ?

- Chị cho tôi xin một tách cà phê.

- Có ngay.

Kể từ lúc gặp chị Tứ, đối đáp cùng chị đôi điều, tôi vẫn không tin rằng chị là người mang bệnh tưởng. Diện mạo chị trông bệnh hoạn thật, nhưng cách ăn nói của chị, tuy vồn vã nhưng không suồng sã, không gieo vào lòng tôi một tính khí bất thường nào.

Chị Tứ mở nắp nồi, nhón tay bốc một chiếc bánh, vừa xuýt xoa kêu nóng vừa nhanh tay mở gói giấy nhôm.

- Bên này không có lá chuối, tôi phải gói bánh bằng giấy nhôm, cho nên không có mùi thơm của lá, nhưng biết làm sao bây giờ. Mà anh còn nhớ người ta gọi bánh này là bánh gì không đã?

Tôi giả vờ bảo không biết để chị giải ích cho vui miệng.

- Bánh giò xứ Bắc đó anh. Cách gói bánh trông giống như chiếc bánh ích của người miền Nam, nhưng làm bằng bột gạo, nhân thịt xào với hành củ và mộc nhĩ, ăn kèm giò lụa hay chấm nước mắm không, cũng ngon lắm. Anh dùng thử xem sao!

Chị đẩy đĩa bánh tươm khói thơm lừng tới trước mặt tôi, mời mọc, rồi quay lưng sửa soạn đong cà phê vào máy lọc. Tôi lấy nĩa xẻ đôi chiếc bánh trắng mịn, thấy bên trong ẩn hiện lờ mờ cái tâm mình còn vướng nặng những đá sỏi thô cứng. Tất cả được nén chặt trong lớp bột trắng, còn bọc thêm nhiều lớp lá bên ngoài. Tôi nhớ tới một câu thư viết gửi Ngàn hôm nào: "Tôi muốn em là chiếc bánh gói trong nhiều lớp lá để tôi chậm bóc với tâm trạng nô nức khám phá...".

Chị Tứ đặt tách cà phê xuống bàn. Tôi ngước nhìn chị, tia mắt vướng đầy khói:

- Tôi nhớ quá chị ạ!

Gương mặt người đàn bà nghiêng nhẹ, ánh mắt ngờ vực một thoáng rồi trở lại dịu dàng. Chị kéo ghế ngồi đối diện tôi trong tư thế chờ đợi. Tôi buông tiếng thẫn thờ:

- Nhớ quê hương, nhớ gia đình, nhớ lay lắt mỗi thứ một chút.

Chị Tứ thở dài:

- Từ bao lâu vậy anh?

- Cũng không rõ nữa.

- Tâm trạng đó, tôi biết chứ. Đấy là chứng bệnh tôi mang theo kể từ ngày rời quê nhà sang đây. Mấy ông bác sĩ, ngay cả anh Quân, đều cho rằng tôi mang bệnh tưởng... Lúc trước, nếu biết vậy tôi đã không đi.

Tôi an ủi vụng về:

- Nghe nói dạo này người ta về thăm nhà nhiều lắm.

Chị Tứ khép mắt, cúi nhìn những ngón tay đí trên mặt bàn:

- Ai về thì về, tôi không. Thà ở đây mang bệnh tưởng, còn hơn về nhà mang bệnh thật. Vả lại tôi đâu còn ruột thịt nào trong Nam, tất cả đều ở ngoài Bắc. Về làm gì? Không khéo lại rước họa vào thân, không những cho mình mà cả anh Quân cũng bị vạ lây. Dây dưa với ai chứ với họ, khó lường lắm anh ạ!

Cảm tình tôi dành cho chị Tứ trong giây lát tâm sự, mở rộng gần như tuyệt đối. Tôi kể lể như đang ngồi trước mặt chị tôi:

- Chị biết tôi có cảm tưởng gì khi gặp chị không?

Hai mắt chị Tứ mở rạo rực:

- Nói đi, anh!

- Tôi tưởng chị là hóa thân của cây tre mọc đầu ngõ quê mình.

Lần đầu tiên tôi thấy đôi má chị ửng hồng. Nụ cười chị bẽn lẽn như gái quê trước lời tán tỉnh của trai làng. Giọng chị đầy cảm xúc:

- Tôi... ốm lắm, phải không anh?

- Chị có dáng mảnh khảnh của một thân tre chịu đựng.

- Anh biết không, tối qua khi anh và cô Ngàn đã vào phòng rồi, tôi mở cuộn băng của anh Quân thâu lại buổi đọc truyện của anh ra nghe. Có nhiều đoạn, anh làm tôi xúc động lắm. Anh không có tính hoạt bát khách sáo của một người sành sõi, cũng không khéo léo rào đón như một người đầy hậu ý. Tôi thích sự thành thật, anh ạ. Đôi khi quá thật, đâm ra vụng về, có lúc làm mất lòng người khác, nhưng thà vậy còn hơn cứ mãi thân thiện với nhau bằng chiếc mặt nạ giả dối. Đất nước mình toàn những người đeo mặt nạ, nên cứ nghèo đói hoài. Chán quá.

- Vâng, chán thật.

Tôi nâng tách cà phê, hớp một ngụm. Chị Tứ không phải là người mang bệnh tưởng như mọi người nghĩ, chính tôi và rất nhiều kẻ khác vướng bệnh ảo mà không biết. Văn chương tôi chỉ là kết quả sau những lần tâm lý tôi lâm vào cơn khủng hoảng bệnh hành.

*

Trong khi Ngàn thu xếp hành lý, tôi vào bếp sửa soạn bữa cơm cuối cùng. Trưa mai nàng trở lại nhà bên kia biển lớn. Hai tuần sang chơi với tôi trôi qua nhanh quá. Tôi vừa xắt rau, thái thịt, vừa nghĩ ngợi mông lung. Câu hỏi tại sao Ngàn lại rơi vào những thường nhật phẳng lặng đời tôi vẫn còn nguyên đó. Chúng tôi cho nhau xúc cảm thân xác dễ dàng như lẽ tự nhiên, không thắc mắc hay đặt điều kiện vớ vẩn.

Có tiếng Ngàn đàn hát từ phòng ngoài vọng vào. Hôm nay, tiếng hát nàng nghe u hoài hơn những lần trước. Vẫn *"Bạn lòng thân mến, đây giây phút hồn tôi nghe chan chứa hương đời..."*. Tôi ngừng tay xắt thịt, lại thấy hồn mình dật dờ giạt về chốn không bao giờ có thật. Cũng trong căn bếp chật nhà Long, Khải đã tìm thấy người bạn lòng chân tình nhưng không dám thố lộ. Những tường thành sừng sững của luân lý đám đông đã ngăn cách không biết bao nhiêu tấm lòng thành. Cái đạo đức áo khoác đã che đậy vô số những bạo hành vô luân trong bốn bức tường phòng ngủ...

Đêm qua, tôi và Ngàn nằm cạnh nhau xem phim *"Dead poet's society"* trên truyền hình. Một cuốn phim tuyệt vời với những nhân vật lội ngược. Cảm động nhất là đoạn cuối, khi một số học sinh đứng lên bàn học đưa tiễn ông thầy khác thường. Im lặng. Những gương mặt ngẩng cao quan sát mọi sự bằng nhãn quan mới, trong khi một số khác vẫn ngồi im, đầu cúi gầm. Xem xong phim, cảm xúc tôi bời bời như mọc gai. Tôi nói với Ngàn, tôi muốn đưa tâm trạng bứt phá của giới trẻ vào một tác phẩm nào đó, nhưng chưa biết phải khởi đầu ra sao. Tôi không muốn vì vụng về mà châm vỡ quả bóng tuổi trẻ no đầy sinh lực và rực rỡ những vọng ước. Vì đứng trên bàn học quan sát mọi việc không có nghĩa là bước hẳng chân khỏi mặt đất. Càng không có nghĩa tách rời với cội nguồn. Tôi rã rượi nhớ lại tuổi trẻ mình quẩn quanh trong tháp ngà mơ mộng. Tôi không đứng, cũng chẳng ngồi, chỉ váng vất bám bên lề những biến động của đất nước. Nhưng tuổi trẻ của tôi hôm qua và tuổi trẻ của Ngàn hôm nay không có những oán hận vu vơ, cũng không phải van xin bàn tay nắm. Chúng tôi không cần biện hộ vì không hề mang anh hùng dân tộc ra bôi nhọ. Chúng tôi mang ơn đất nước vì đã khôn lớn nhờ gạo muối quê hương. Chúng tôi tạ ơn vùng đất

tạm dung, dù chưa một lần cảm nhận nơi này là quê hương mình. Chúng tôi không đứng về phe thiểu số nắm quyền để gia công bóp nghẽn lực đối kháng của đám đông. Trước mặt các đồng chí ly khai, chúng tôi không xun xoe bắt tay mời chào, nhưng sau lưng lại mắng "...là cục cứt gì". Chúng tôi sẵn sàng đứng lên, không phải để sau này được ghi danh vào "Hội những nhà thơ chết", mà để những người cùng đứng lên biết rằng, còn có nhiều cách nhìn khác... Tôi sật sờ nhìn ra linh hồn mình vừa trườn khỏi xác, chỉ vào mặt tôi, mắng: "Mày hãy tự xét đã làm được gì cho quê hương đất nước chưa. Nếu chưa thì câm miệng lại!" Tôi hoang mang với vô số suy tư và ảo tưởng chồng chất, đành phải tâm sự cùng Ngàn. Tháo xong gánh nặng oằn vai, tôi gục đầu xuống vai nàng, thủ thỉ: "Em ghét tôi lắm không?" Ngẫm nghĩ giây lát, Ngàn gật đầu nhẹ: "Ghét. Anh làm em khổ sở vì những chuyện không đâu". Tôi dúi mặt vào tóc nàng, giọng dồn dập: "Xin lỗi, tôi xin lỗi em. Sao cái tôi đáng ghét thậm tệ". Ngàn đẩy nhẹ tôi ra, xoáy thẳng vào mắt tôi, hỏi: "Anh có hối tiếc điều chi không?" Tôi đáp không lưỡng lự: "Tôi tiếc chưa đền đáp được ơn dưỡng dục thì cha tôi đã mất. Tôi vẫn còn mang nợ quê hương, một món nợ có vay mà chưa trả, quê hương cũng không đòi, vì chuyện đền đáp tùy thuộc vào hảo tâm và ý lành của mỗi người".

Tôi bưng dĩa xào ra, đặt xuống bàn. Ngàn đã châm hai ngọn nến, bày sẵn chén, đũa, ly và khăn giấy. Tối nay chúng tôi uống vang trắng. Căn phòng hẹp trở nên ấm cúng khác thường. Ngàn chọn một dĩa nhạc, mở máy. Tấu khúc "*Quê tôi*" của Smetana. Âm thanh vĩ cầm lúc lững lờ du dương, khi tất bật náo loạn, vẽ ra trong trí tôi dòng lịch sử thăng trầm của đất nước. Thân phận nước nhỏ bi đát như cỏ dại nép mình bên đại thụ.

Ngàn khen tôi nấu ăn khéo. Tôi cười:

- Sống một mình, riết rồi phải biết nấu ăn, em à! Tôi vẫn còn ghi đậm cảnh gia đình tụ họp nấu nướng vào những dịp giỗ tết. Mỗi người một tay. Người lớn lo phần chính, trẻ con phụ vòng ngoài như lặt giá, xay tiêu hay lột vỏ đậu phọng.

- Anh gắn bó với quá khứ nhiều quá. Anh tự làm khổ thân anh, biết không?

- Biết chứ, nhưng làm sao bây giờ? Em xem, sau ngần ấy năm xa nhà, tôi còn giữ gần như trọn vẹn những đồ vật đã có thời bầu bạn cùng mình, dù không còn sử dụng tới. Chúng được tôi nhân cách hóa thành bạn thân thiết, lẽo đẽo cùng tôi trên đoạn đời xa xứ. Em tin không, từ từ rồi tất cả sẽ mang nhân tính.

Ngàn nhoẻn cười, thôi ngậm đầu đũa giữa lòng môi:

- Nếu anh tin có, sẽ có.

- Tại sao lại có chuyện tin hay không tin ở đây, sự thật hiển nhiên mà.

Sau bữa cơm, vào giường nằm, Ngàn cao giọng hỏi:

- Anh còn nhớ người đàn bà đối đáp sắc sảo trong buổi giới thiệu sách cuối cùng ở thành phố gần biển Bắc không?

- Nhớ chứ.

- Bà ấy bảo nhà văn, nhà báo các anh toàn là những người nhiễu sự.

- Đúng đấy. Các ông, các bà nhà báo nhiễu sự cách nào, tôi miễn bàn. Còn tôi cứ chật vật vẽ voi vẽ chuột, vẽ cả những đớn đau và hạnh phúc, rồi tự hành xác mình.

- Hình như anh hối hận?

Tôi ngả người sang bên, nhìn trần nhà vôi trắng gắn những chụp đèn xoay về nhiều hướng. Tôi cất tiếng, câu trả lời mang hơi hướm ngờ vực:

- Dường như không, vì tôi vẫn còn say mê chữ nghĩa. Ai đó đã viết, nếu một người cảm thấy hạnh phúc, họ đã không sờ tới cây bút. Em tin tôi đi, mang nghiệp văn vào thân là một bất hạnh.

Ngàn xoay nghiêng, ngón tay vẽ chờn vờn trên môi tôi.

- Cũng nhờ văn chương mà em tìm đến anh, là bất hạnh sao?

Tôi nhắm mắt, tưởng ra những mai kia không còn ai kề vai áp má trong những tối tha hương quạnh quẽ. Sống lưng tôi lạnh buốt niềm cô đơn móng sắc. Một thoáng, hai mắt tôi đã cay xè. Tôi giữ chặt bàn tay Ngàn, hôn tới tấp lên đó, giọng đứt quãng:

- Em là... là một... bất hạnh lớn. Em tới làm gì... để rồi đi?

Ngàn trườn người phủ lên thân thể tôi còn tươi rói cảm xúc. Hai dòng lệ vô cớ lăn chậm xuống thái dương tôi. Ngàn lấy tay lau lệ, đưa vào miệng tôi. Tôi ngoạm lấy hối hả như trẻ thơ. Chúng tôi từ tốn ráp vào nhau như hai bộ phận được chế tạo đúng ni tấc của động cơ sinh hóa khổng lồ. Tôi bật kêu "ư ử", nhớ tới lớp lớp bọt sóng tấp vào bãi ven bờ Bắc Hải. Trời hôm đó nặng trĩu mây mù. Chân trời và mặt biển đan vào nhau thành vòng cung màu khói thuốc. Vài cánh hải điểu oác gọi rã rời trên lưng chừng trời. Tôi cùng Ngàn cấp tay thả bộ trên bãi vắng. Những lối đi lót ván phơi ngoằn ngoèo trên đồi cát lướt thướt lau sậy. Gió và sóng biển khua âm căm phẫn. Chúng tôi dừng lại, nhìn ra xa. Biển ô nhiễm sủi đầy bọt trắng. Biển của một ngày ám khói đục lờ như mất lòa. Biển trời lưu vong không còn màu ngọc thạch ửng nắng trong vắt của đại dương thời thơ ấu. Tôi gọi thầm "em, em", thấy mình mất hút lao chao rơi xuống vực thẳm chia đôi thời gian và không gian. Ngàn

gập người ép sát ngực tôi như con thằn lằn bám cành. Mặt nàng kề xuống mặt tôi. Hơi thở trở nặng, gấp rút. Bộ máy sinh hóa hoạt động liền lạc, nhịp nhàng như thoa mỡ. Cảm giác tôi trơn tuột, lún sâu, ngứa ngáy, vỡ ra từng hồi những vòng tròn lớn dần, rộng mãi và tan biến vào khoảng không vô biên. Răng Ngàn nghiến sâu vào bả vai tôi đau buốt. Tôi dang rộng tay chân, mở xoạc tất cả cửa nẻo cảm tính, cho đi và nhận lấy không một chút đắn đo. Những phiền toái nhân sinh bỗng chốc trở nên kệch cỡm ngô nghê. Những ray rứt văn chương trong phút giây tiếp cận cùng hoan lạc thân xác hóa thành vô nghĩa. Tất cả chỉ là một tuồng hát. Khi tấm màn cuộc đời buông xuống, mọi sự sẽ kết thúc. Chỉ còn lại những trang sách là dương bản của một âm hồn chờ siêu thoát. Tôi ôm lấy âm bản tôi, ứa lệ lặng lẽ.

Đức, 7-3-1993

HUỲNH LIỄU NGẠN

bến sông nào rồi cũng đợi thuyền đi

chiều qua ngã phố rẽ vào hồ nước Tịnh Tâm
ở trong Thành Nội
chiều đứng đợi xe đò bỗng dưng cơn mưa xuống
những chiếc cột đèn đường chao động ánh đèn vàng lẩy bẩy
những cơn gió lùa từ mặt hướng sông lên
mưa giọt xuống lề đường ngã tư anh đứng co ro bên hè
thưa thớt người qua
nhìn xuống dòng sông lăn tăn con nước xuôi
dưới chân cầu Gia Hội
chiếc đò chở khách về làng chạy từ hồi xế chiều
anh đợi người thân từ quê lên để nhớ lại những ngày
còn trẻ thơ chưa biết phố xá tỉnh thành
đợi một nồi cá kho xấp nước mẹ gởi lên người quen
cho con ăn học
đem về phòng trọ nấu nồi cơm gạo ruộng nước mắt chực trào
buồn như Huế mưa phùn lâm thâm bên giàn hoa giấy phòng trọ
rung như nỗi lòng mình chao nghiêng bên bến đò mỗi sáng
bến sông nào rồi cũng đợi thuyền đi

*

vắng bóng mẹ già đã hơn một thập niên đời xuôi ngược
bao nhiêu mùa nước lên
bao nhiêu mùa nước xuống
và bao nhiêu mưa nắng của cuộc đời
làm lòng anh se lại mỗi chiều ngồi đợi chút mưa xanh
rơi lác đác xuống mặt hồ xưa bên con đò xưa
và tiền kiếp nào trỗi dậy
không phải là tôi hay là em mà là Huế của dĩ vãng trôi xa
thời của lãng du đẩy đưa mái chèo quẫy bọt lên đến
thượng nguồn sông Hương hay về hạ nguồn Vỹ Dạ
xuôi ra cửa Thuận và làng nước và bãi cát trắng
và thuyền chài nhấp nhô ngoài phá
lại một thập niên đời xuôi ngược
bến sông nào rồi cũng đợi thuyền đi

*

thôi em cứ để cho nỗi đời kia lắng xuống
cứ lắng xuống bến bờ xưa
hoài niệm xưa
để hoàng hôn xưa không còn là nỗi nhớ thương cũ kỹ
thôi em đừng về lại làm chi
cho màu mắt xưa không còn thơm tho
như màu bông sứ nở
về lại làm chi
vì ngày xưa không phải là hôm nay
và hôm nay đã khác với ngày xưa
đã khác rồi đừng để bến đò xưa
con sông xưa
không còn chỗ đợi
em cứ nghĩ như anh
phải
em cứ nghĩ như anh
bến sông nào rồi cũng đợi thuyền đi

*

còn buổi chiều nào qua ngã phố
rẽ vào hồ nước Tịnh Tâm ở trong Thành Nội

HUỲNH LIỄU NGẠN

JOHN COLLIER
TRƯƠNG MỸ VÂN dịch

liều linh dược

John Collier (1901-1980) là một văn sĩ Anh sinh trưởng tại Luân Đôn trong một gia đình danh giá, chú ông là văn sĩ Vincent Collier nổi tiếng một thời và ông cố từng là ngự y của vua William IV, trước triều đại nữ hoàng Victoria vào hậu bán thế kỷ thứ 19. Ông khởi sự làm thơ năm 21 tuổi, nhưng lại nổi tiếng về các tác phẩm văn xuôi, như His Monkey Wife và Full Circle. Năm 30 tuổi ông sang Hollywood viết kịch bản cho phim ảnh và sống luôn tại Mỹ.

Ông là một người thông minh, lịch lãm với con mắt tinh đời và nụ cười hóm hỉnh. Tác phẩm của ông vì thế phản ảnh cá tính này nên tuy thanh nhã nhưng không kém phần sâu sắc và hắc ám. Ông nổi tiếng về sở trường châm biếm nên có nhiều tác phẩm phải xuất bản lén lút vì cơ quan kiểm duyệt Anh không dung thứ ngôn ngữ sắc bén và ngòi bút cay độc của ông. Truyện của ông không hề dùng tình cảm để gây xúc động mạnh nhưng vẫn gợi lên được sự mong manh của những tương quan hệ lụy giữa con người.

Truyện ngắn "Liều Linh Dược" được dịch từ nguyên tác "The Chaser". Nguyên tựa đề truyện này cũng gây ra lắm sự rắc rối vì mới nghe qua "The Chaser" có nghĩa là người săn đuổi, như kẻ yêu đương đang đuổi bắt người tình, nhưng thật ra John Collier đã tinh quái dùng nghĩa thứ hai của chữ chaser để ám chỉ một ly nước lã hay nước ginger ale (nước bia có gừng) thường uống sau khi dùng rượu mạnh để dung hòa tác dụng của rượu và làm dịu cơn say. Ở đây chữ này còn ám chỉ liều độc dược mà kẻ si mê phải dùng đến để thanh toán cuộc tình.

Biệt tài châm biếm của John Collier lúc viết truyện này được thể hiện qua ba khía cạnh. Trước hết tình tiết câu chuyện tự nó đã éo le (irony of situation) vì nhân vật chính đang yêu tha thiết và nghĩ rằng chỉ cần được yêu lại là đủ thấy hạnh phúc rồi, nhưng kết thúc câu chuyện lại dành cho độc giả một sự bất ngờ lý thú. Điểm thứ hai gây một ấn tượng sâu xa hơn (dramatic irony) là sự đối nghịch giữa nhân vật chính và độc giả. Khi

theo dõi tình tiết câu chuyện, độc giả có thể đoán được điều gì sẽ xảy ra trong tương lai, nhưng nhân vật chính trái lại hoàn toàn không hay biết. Điểm thứ ba được thể hiện qua ngôn từ (verbal irony) trong đó lời nói nhân vật thứ hai bao hàm nhiều ngụ ý khác hẳn nhau khiến cho anh chàng Alan Austen, nhân vật chính, chỉ chấp nhận giá trị bề ngoài của lời ông già bán linh dược nhưng không hề hiểu thâm ý ông ta.

Alan Austen dò dẫm trong bóng tối bước lên những bậc thang kêu kẽo kẹt ở khu phố đường Pell, lòng bồn chồn lo lắng và phải mất công tìm kiếm hồi lâu mới thấy bảng tên viết lờ mờ trên cánh cửa.

Theo lời dặn trước, chàng đẩy cửa bước vào một căn phòng trơ trọi, đồ đạc không có gì ngoài một cái bàn đơn sơ và hai chiếc ghế xoàng xĩnh. sát vách tường vàng ố dơ bẩn là mấy cái kệ với khoảng mười thứ chai lọ.

Trên chiếc ghế xích đu, một ông già đang ngồi đọc báo. Chẳng nói chẳng rằng, Alan đưa ra tấm danh thiếp và ông già lễ phép bảo chàng:

- Mời ông ngồi, ông Austen. Tôi hân hạnh được biết ông.

Alan hỏi ngay:

- Có phải ông có nhiều thứ thuốc pha trộn vô cùng hiệu nghiệm không?

Ông già trả lời:

- Thưa ông, hàng hóa tôi ít - tôi không có thuốc xổ và thuốc rà lợi cho trẻ con lúc mọc răng - tuy ít, thế nhưng tôi lại có nhiều loại thuốc khác nhau và không có thứ thuốc gì tôi bán lại không có hiệu quả kỳ diệu.

Alan ấp úng:

- Thật ra thì...

Ông già ngắt lời chàng và với tay lấy một lọ thuốc trên kệ:

- Thí dụ đây là một thứ thuốc không màu sắc, không mùi vị, sẽ tan ngay trong sữa, cà phê, rượu hay bất cứ món giải khát nào, và ngay khi giải phẫu thi hài người ta cũng không thể nào tìm ra nó được.

Alan hoảng hốt la lên:

- Ông bảo đây là độc dược à?

Ông già lãnh đạm trả lời:

- Ông có thể gọi nó là thuốc tẩy nếu ông muốn. Có khi đời người cần tẩy rửa. Hay gọi nó là thuốc tẩy vết dơ cũng được. Vết dơ biến mất và đời người cũng tan theo (1). Đúng không?

Alan lắc đầu:

- Tôi không cần thứ thuốc này.

- Cũng chẳng sao. Ông có biết giá chai thuốc này bao nhiêu không? Chỉ cần một muỗng trà thôi là đủ đấy nhé. Vậy mà tôi đòi năm ngàn đô la, không thiếu một xu.

Alan lo ngại hỏi:

- Hy vọng các thứ thuốc khác của ông không đến nỗi đắt như vậy?

- Ồ, không đắt đâu ông. Nếu tôi bán liều mê dược hay thuốc yêu đương với giá này thì vô ích thôi vì giới trẻ đang cần loại thuốc này lại rất ít khi có được năm ngàn đô la. Nếu họ có tiền họ đâu cần mua thuốc của tôi làm gì!

Alan mừng rỡ đáp:

- Nghe ông nói vậy tôi mừng lắm.

Ông già tiếp lời chàng:

- Tôi nghĩ thế này nhé, nếu khách hàng hài lòng với một món hàng của tôi, họ sẽ trở lại khi cần một món hàng khác. Dẫu cho món hàng thứ hai này có đắt bao nhiêu họ cũng cố gắng dành dụm để mua cho kỳ được nếu họ cần.

Alan đáp:

- Vâng, thế ông có bán mê dược không?

Ông già với tay lấy một lọ thuốc khác và bảo chàng:

- Nếu tôi không bán mê dược thì đâu cần phải giới thiệu với ông về thứ thuốc tẩy kia làm gì? Chỉ khi nào người ta giúp đỡ được kẻ khác mới có thể nói riêng với nhau những điều bí mật như vậy được.

Alan ấp úng:

- Thế còn những thứ thuốc này, có phải chỉ là...

- Ồ không đâu. Những mê dược này có hiệu quả vĩnh viễn và ảnh hưởng của chúng vượt ra ngoài những đam mê xác thịt. Dĩ nhiên là có gây đam mê xác thịt chứ, nhiều lắm, liên tục và không bao giờ ngừng.

Alan tỏ vẻ hờ hững:

- Lạ quá nhỉ!

- Nhưng phải xét đến khía cạnh tâm linh chứ.

- Dĩ nhiên rồi!

Ông già nói tiếp:

- Mê dược này sẽ khiến người ông yêu thay đổi tâm tính hoàn toàn. Thay vì hờ hững và coi thường ông, cô ta sẽ hoàn toàn hiến dâng tình yêu và say mê ông. Ông chỉ cần bỏ tí xíu thuốc không mùi vị này vào

nước cam, trà, hay rượu khai vị cho nàng uống, ông sẽ thấy nàng thay đổi hoàn toàn. Từ người nhẹ dạ vui tính, ưa thích chuyện nhảm nhí nàng sẽ thích yên tĩnh và ở cạnh ông thôi.

- Thật tôi không tin nổi. Tính cô ấy thích tiệc tùng lắm.

- Rồi cô ta sẽ không thích tiệc tùng nữa và cô sẽ sợ những người đẹp mà ông gặp ở các buổi tiệc đó.

Alan vui sướng thét lên:

- Cô ta sẽ ganh tị vì tôi? Thật không?

- Thật chứ! Cô ta sẽ muốn cô là tất cả đối với ông.

- Ngay bây giờ cô ta là tất cả đối với tôi, có điều cô không hề quan tâm đến tôi tí nào, thế thôi.

- Sau khi uống thuốc này, cô ta sẽ hết lòng lo lắng, để ý đến ông và bấy giờ ông sẽ là niềm vui thú độc nhất của đời cô ta thôi.

- Thật tuyệt quá!

- Cô ta sẽ muốn biết tất cả những điều ông làm, tất cả những gì xảy ra cho ông trong ngày. Cô sẽ muốn biết từng điểm một. Cô ta lại còn muốn biết ông đang nghĩ gì, tại sao bỗng dưng ông mỉm cười, tại sao ông lộ vẻ buồn bã.

Alan reo lên:

- Đó đúng là tình yêu rồi!

Ông già đáp:

- Đúng thế! Cô ta sẽ chăm sóc ông cẩn thận, sẽ không bao giờ để ông mệt, để ông ngồi nơi có luồng gió lạnh, hay chểnh mảng miếng ăn cho ông. Nếu ông về trễ một giờ, nàng sẽ hốt hoảng lo sợ, nghĩ rằng ông đã bị giết hay bị một người đàn bà đẹp nào quyến rũ mất rồi.

Alan sửng sốt bảo:

- Tôi không thể nào tưởng tượng ra Diane như vậy được.

- Ông sẽ không cần dùng trí tưởng tượng của ông nữa. Và này, vì lẽ bao giờ cũng còn vô khối đàn bà đẹp quyến rũ đàn ông nên nếu ngộ nhỡ sau này ông sa bước, ông chớ quá lo lắng vì cuối cùng nàng sẽ tha thứ cho ông. Dĩ nhiên nàng sẽ bị tổn thương nhưng rồi rốt cuộc nàng vẫn tha thứ cho ông.

Alan hùng hổ nói:

- Điều đó sẽ không bao giờ xảy ra.

- Dĩ nhiên là không rồi, nhưng nếu có ông cũng đừng lo vì nàng sẽ không bao giờ ly dị ông. Ồ, không đâu! Và dĩ nhiên nàng không bao giờ cho ông một lý do nào khiến ông phải cảm thấy bực bội về nàng.

Alan hỏi:

- Vậy thì thuốc này giá bao nhiêu?

- Không đắt như thuốc tẩy kia đâu, thứ thuốc tẩy vết dơ mà ông và tôi đã xem lúc nãy trị giá năm ngàn đô la không thiếu một xu đấy. Muốn xài thuốc đó phải lớn tuổi hơn ông, phải dành dụm tiền mới mua được.

- Còn thứ mê dược này thì sao?

- Ồ, thuốc đó à? Chỉ một đô la thôi.

Ông già mở ngăn kéo trong nhà bếp lấy ra một cái lọ nhỏ bẩn thỉu. Alan chăm chú nhìn ông đổ thuốc vào lọ và bảo ông:

- Tôi cảm ơn ông vô cùng.

- Tôi thích làm ơn cho khách hàng, rồi họ sẽ trở lại sau này khi họ đã thành công trên đường đời và muốn nhiều thứ đắt tiền hơn. Thuốc đây ông. Ông sẽ thấy nó vô cùng hiệu nghiệm.

- Tôi cảm ơn ông một lần nữa. Chào ông. Alan đáp.

- Vâng, sẽ gặp lại ông sau. Ông già trả lời.

---

(1) Nguyên văn "Out, damned spot! Out, brief candle!" hai câu thơ trứ danh trích từ bi kịch Macbeth của văn hào Anh William Shakespeare. Câu đầu ám chỉ lòng hối hận vì tội sát nhân và câu thứ hai chỉ cuộc đời ngắn ngủi.

TRẦN LONG HỒ

người múa lân

(Tiếp theo kỳ trước)

Sau ngày thắng giải múa lân tên tuổi An đã vang khắp vùng Sài Gòn và Chợ Lớn. Người ta không những khen tài nghệ của An mà còn ca ngợi lòng nhân đạo của anh. Quan tổng đốc rất vừa lòng về kết quả cuộc thi và tin tưởng đó là dấu hiệu may mắn cho ông. Khoảng nửa tháng sau An được chọn vào làm trưởng đội tuần phòng cho dinh tổng đốc.

Đối với ông Vinh, đó là sự may mắn cho gia đình. Ông vội viết thư cho ông Sang hay và bày tỏ sự hãnh diện về đứa cháu. Nhưng chuyện này làm An không vui vì anh nhận được thư thả lời của cha anh, cho biết ông rất lo lắng về hướng đi trong tương lai của anh. Ông Sang không đồng ý những việc làm của anh và cho rằng chuyện đó không thể đem lại sự hiển hách cho bản thân anh cũng như cho dòng họ.

An phải hứa hẹn làm theo những điều cha căn dặn và bắt ông Vinh không được viết thư về nhà anh nữa. Anh muốn theo đuổi những điều anh đã vạch ra và anh tin tưởng đó là con đường ngắn nhất để đạt được mục tiêu. Anh không muốn cha anh can thiệp vào việc làm của anh. Ông biết những điều ông muốn nhưng ông không biết phải làm gì. Anh nghĩ như vậy và làm theo ý anh.

Thấm thoát An đã vào làm việc cho quan tổng đốc được sáu tháng. Công việc của anh đòi hỏi anh phải biết hết đường đi nước bước trong dinh và giờ giấc sinh hoạt của quan tổng đốc và tiểu thư Linh. Anh có dịp để dò biết những sở thích của hai người. Một trong những điều anh biết rõ là quan tổng đốc thương con gái hơn tất cả mọi sự trên đời và tiểu thư Linh đã có tình cảm với anh rất nhiều. An cho đó là những yếu tố then chốt cho anh thực hiện những dự tính sắp tới.

Hàng ngày An và ông Vinh ăn trưa trong chuồng ngựa. Công việc của ông Vinh không nhiều, chỉ lo săn sóc mấy con ngựa, cho chúng ăn uống và làm vệ sinh chuồng trại. Việc huấn luyện thì đã có người khác lo. Còn việc làm của An cũng không nhiều. Anh lo giữ an ninh trong dinh và hướng dẫn tráng đinh tập võ nghệ. Ngoài ra, anh không phải làm công việc gì khác.

Tiểu thư Linh chỉ đi học vào buổi sáng. Có người đưa rước cho cô tận cửa nhà. Ngày nào cũng vậy, An phân việc cho người gác cổng và gặp cô hai lần sáng và trưa. Sự gặp mặt thường xuyên giữa hai người càng lúc càng thắt chặt tình cảm hai bên. An biết tiểu thư để ý đến anh như thế nào qua ánh mắt và nụ cười của cô trong mỗi lần gặp mặt.

Một lần tiểu thư đánh rơi khăn tay qua cửa xe lúc xe ngựa dừng lại ở cổng dinh. Tiểu thư mở cửa định bước xuống thì An đang đứng gần đó đã nhanh nhẹn bước đến.

Hai người đột ngột cúi xuống cùng một lúc. Hai khuôn mặt bỗng nhiên kề sát nhau. Tình thế xảy ra nhanh quá khiến hai người không biết phải hành động ra sao. An đang cúi người xuống và đành phải giữ yên tư thế đó. Mũi anh ngửi được một mùi thơm rất nhẹ, cứ thoang thoảng từ người tiểu thư tỏa ra.

An ngẩng đầu lên. Lần đầu tiên An mới nhìn được tận dung nhan tiểu thư. Tóc cô búi ra sau, được giấu trong chiếc khăn trắng quấn ngang đầu. Trên khăn có thêu những cánh hoa hồng. Khuôn mặt cô thon đều, mắt to đen láy. Cánh mũi cô cao và thanh tú. Miệng cô mím lại, hai môi đỏ hồng. An nhìn sững tiểu thư một lúc, còn cô cúi gầm mặt xuống đất. An thấy bàn tay cô bọc trong đôi găng nhỏ nhắn đang cố với cái khăn dưới cửa xe.

An cũng vươn tay định lượm cái khăn lên. Hai khuôn mặt đã cận kề nhau lắm rồi nhưng hai bàn tay vẫn cùng đưa gần lại. Cả hai cùng biết làm như vậy sẽ phải chạm nhau nhưng có điều gì đó giấu kín trong lòng đã thôi thúc hai người tiến tới. An cố tình đưa tay chậm hơn và anh đã nắm lấy bàn tay tiểu thư cùng cả chiếc khăn trắng. Cả hai cùng giữ im lặng trong tư thế đó. An cảm thấy bàn tay tiểu thư thật mềm và làn da mịn màng dưới lớp găng mỏng. Mặt tiểu thư đỏ hồng và hơi thở cô trở nên nặng nề. Hương thơm, trong người cô, do đó, cũng tỏa ra nhiều hơn. An cũng cảm thấy hồi hộp không kém. Anh không dám nhìn lên nhưng anh biết tiểu thư đang xúc động bồi hồi. Bàn tay cô đang rung nhè nhẹ trong tay anh.

Lúc đó, những người chung quanh không biết An và tiểu thư đang làm gì. Mà dù cho họ thấy cũng không dám hé môi.

Một khoảnh khắc trôi qua mà An cảm thấy lâu lắm. Tiểu thư cũng nhận thấy như vậy, nhưng hai người đều không làm gì khác hơn là giữ yên tình trạng đó. Một lúc sau tiểu thư cựa quậy bàn tay định rút ra nhưng An cố giữ lại. Cô không dám cử động mạnh và An cũng không dám bám chặt.

Vài phút trôi qua, An nghiêng đầu qua một bên và tiểu thư cũng ngẩng mặt lên. An thấy mặt tiểu thư vừa như giận dỗi vừa như nũng nịu. Đôi mắt cô đong đầy nước mắt, long lanh như muốn khóc. An bàng hoàng thả bàn tay tiểu thư ra. Anh vội đứng lên và tiểu thư cũng lui vào trong xe.

Chiếc xe từ từ chạy qua cổng. An còn thấy tiểu thư Linh nghiêng đầu nhìn lại, đôi mắt cô mở lớn sau kính xe. Ánh mắt vừa lo lắng lại vừa xấu hổ.

Sau buổi gặp gỡ ngoài cổng dinh, tiểu thư Linh có vẻ dạn dĩ hơn nhiều. Cô hay ra khỏi dinh, xuống chuồng ngựa thăm ông Vinh và mỗi trưa cô thường mang thức ăn cho ông. Tiểu thư đem thức ăn rất nhiều, dĩ nhiên một người già như ông Vinh không thể nào ăn hết được. Cô lại mang nhiều món mà ông Vinh chưa từng nếm qua trong đời. Ông đoán những món này phải là thức ăn của quan tổng đốc.

Tiểu thư chỉ trò chuyện với ông Vinh, thỉnh thoảng cô hỏi An vài câu. Ông Vinh biết tiểu thư đem thức ăn cho ông nhưng chính thật muốn cho An. Do đó ông chỉ ăn qua loa rồi ra sau sân tập ngựa. Bên trong chỉ còn có hai người. Tiểu thư không nhút nhát như An tưởng. Cô gắp thức ăn cho anh. Trong khi An ăn, cô hỏi rất nhiều về gia đình và đời sống của anh.

Thời gian trôi qua thấm thoát đã gần một năm từ ngày An vào làm việc trong dinh quan tổng đốc. Chuyện tiểu thư Linh xuống thăm và mang thức ăn cho ông Vinh đã thấu tới tai quan tổng đốc. Từ đó quan cấm không cho tiểu thư rời khỏi dinh. An không còn dịp gặp được tiểu thư. Mỗi ngày anh chỉ thấy cô bên khung cửa sổ trên lầu cao. Hai người chỉ liên lạc bằng thư từ qua bà vú. Những cánh thư thay cho lời nói cũng làm An bớt bực bội và tiểu thư cũng khuây khỏa. Nhưng tình trạng ấy kéo dài không lâu.

Một hôm An biết được quan tổng đốc dự định gả tiểu thư cho con một vị quan lớn đồng liêu. An biết những dự tính của anh khó lòng thực hiện được, nhưng anh quyết không thua cuộc.

Ngay ngày hôm đó An tìm đến ông Vinh để nhờ ông hỏi quan tổng đốc về chuyện hỏi cưới tiểu thư. Ông Vinh trông thấy gương mặt thiểu não của An từ mấy ngày nay. Ông hiểu tâm trạng An nhưng ông biết chuyện liên hệ giữa anh và tiểu thư không thể kéo dài hơn được. Ông biết An ái ngại nên phải mở lời trước:

- Bác sẵn sàng giúp cháu nhưng việc này không thể làm được đâu.

An lo lắng hỏi:

- Bác có biết chừng nào quan tổng đốc sẽ gã tiểu thư hay không?

- Bác nghe nói đâu khoảng sáu tháng nữa.

Thấy ông Vinh ngần ngại, An biết đến lúc anh phải hành động. Anh hiểu thân phận ông Vinh cũng như anh trong nhà này. Tổ tiên anh, xưa cũng là quan trong triều, nhưng qua nhiều đời dòng họ anh đã xuống hàng dân giã. Quan tổng đốc không đời nào chịu hạ mình ngang hàng với gia đình anh.

Sau buổi ăn trưa, trời trở nên u ám và mưa bắt đầu rơi. An đến bên cửa sổ nhìn ra ngoài trời. Những hạt mưa nhỏ rơi nghiêng từ trên cao, xéo ngang mái dinh quan tổng đốc và chạm lộp bộp vào vách tôn chuồng ngựa. An thấy rõ vài hạt mưa như nối khung cửa sổ từ lầu cao tới nơi anh đứng. Mưa liên tục và anh cảm thấy ấm áp với những sợi giây mong manh và đứt đoạn ấy.

Mưa không lớn nhưng dây dưa hoài không dứt được. An nhìn quanh không thấy ông Vinh đâu. Trời mưa như thế này, ông lại ra sân tập ngựa làm gì. Ngoài đó chắc bùn đã dậy lên dày cả tấc rồi.

An dẹp chén đũa vào trong túi xách. Mưa buồn bã như thế này làm anh không còn can đảm muốn làm bất cứ chuyện gì khác hơn việc đứng yên bên cửa sổ nhìn ra ngoài trời.

Mưa dai dẳng và đều đặn. Mưa như mang nặng u sầu từ nghìn xưa đổ lại. Mưa làm nước tuôn róc rách từ máng xối chạy lan qua sân gạch, xuống rãnh nước bên vách chuồng ngựa, tạo thành một dòng suối nhỏ.

An nhìn qua bên kia sân gạch thấy hai người đi lúp xúp sau màn mưa, tận bên kia sân. Anh nhìn kỹ biết người đi đầu là ông Vinh. Ông đang men theo bờ tường, đi cúm rúm để tránh mưa. Một tay ông cầm dù che mưa cho người kia. Người đi sau dáng mảnh mai, An nhìn thoáng qua đã biết người đó là ai rồi. An cảm thấy rộn rã trong lòng. Anh chưa biết tiểu thư đội mưa xuống gặp anh có chuyện gì, nhưng anh không màng tới, anh chỉ cần thấy mặt tiểu thư là mãn nguyện rồi.

Hai người đi co ro qua sân gạch rồi bước nhanh vào trong. An vội tránh ra một bên. Anh thấy mặt tiểu thư nhợt nhạt. Tóc cô búi cao nên khuôn mặt cô trông ốm hơn ngày thường. Tiểu thư run lập cập còn anh lúng túng nhìn quanh chưa biết phải làm gì. Ông Vinh hiểu ý, lấy cái áo lạnh của An đưa cho anh. An vội tháo cái áo khoác của tiểu thư đã thấm ướt nước mưa. Anh trùm cái áo của anh cho cô.

An thấy mặt ông Vinh tái nhợt và ông đang bị lạnh. Người ông cứ run nhè nhẹ. Ông Vinh hiểu An đang lo cho ông nhưng ông không màng đến chuyện đó. Ông kéo An lại gần, rỉ tai:

- Tiểu thư có chuyện muốn nói với cháu.

Anh đã đoán được điều này từ khi trông thấy hai người xuất hiện trong mưa, bên kia sân gạch. Bây giờ tiểu thư đang đứng bên cạnh và có vẻ như chờ đợi anh mở lời.

Ông Vinh nhìn sâu vào mắt An, hạ thấp giọng:

- Cháu nói chuyện với tiểu thư đi. Quan tổng đốc bận việc tới tối mới về.

Ông Vinh bước ra sau gài cái chốt cửa sau rồi trở ra ngoài khép hờ cánh cửa trước lại. Ông đứng dựa vào khung cửa nhìn ra ngoài mưa.

An quay lại phía tiểu thư. Anh vẫn không biết nên làm gì trong lúc này. Anh thấy mặt tiểu thư vừa buồn bã vừa nũng nịu như giận dỗi. An nhìn ra cửa trước. Cánh cửa đã bị ông Vinh khép lại rồi. Ông lại đứng chắn bên ngoài khe hở nên ánh sáng không soi rõ được bên trong.

Bên ngoài, trời lại u ám nên ánh sáng không đủ soi sáng bên trong. Mọi vật chìm trong cảnh tranh tối tranh sáng.

An còn đứng tần ngần chưa biết phải làm sao thì tiểu thư Linh đã tiến gần một bước. An thấy mặt tiểu thư thật buồn, đôi mắt cô long lanh như chực khóc. Anh xoay người đối diện với tiểu thư. Cô yên lặng tiến tới một bước nữa. Bây giờ hai người đứng thật sát nhau. Cả hai đều im lặng nhưng An hiểu hết những gì tiểu thư muốn nói với anh. Ngược lại ánh mắt tiểu thư không những biểu lộ nỗi lòng u uất mà cô còn bắt được điều mà An chưa dám thố lộ ra.

Hai người đứng sát bên nhau, lâu lắm. Hương thơm từ người tiểu thư cứ bay ra thoang thoảng. An cảm thấy lơ mơ. Hai tay anh bỗng đưa ra phía trước và cả người tiểu thư ngã ngay vào lòng anh.

An ôn gọn thân hình tiểu thư. Người cô thật nhỏ nhắn và mềm mại. Hai cánh tay An không những đủ quàng cả người mà bàn tay anh còn với được bờ vai gầy guộc của cô. Bỗng dưng An cảm thấy lòng anh đầy nhiệt huyết và anh không còn hồi hộp nữa. Tiểu thư cũng vậy. Anh cảm thấy người cô ấm dần và rung động nhè nhẹ trong lòng anh.

Trong khung cảnh yên lặng và riêng tư này cả hai không còn cảm thấy một trở ngại nào nữa. Không còn quan tổng đốc, không có sự phân biệt giàu nghèo hay sang hèn. Không khí như yên lặng hơn và bóng tối cũng bao trùm và ấp ủ hai người.

Cả hai quyện vào nhau và tựa người vào cột nhà. Tiểu thư không còn một chút rụt rè nào nữa và An cũng không e ngại.

Mưa bên ngoài vẫn rơi rỉ rả. An mơ màng nghe tiếng ho khúng

khẳng của ông Vinh vọng vào. Sau đó cả hai không còn nghe một âm thanh nào từ bên ngoài nữa.

*

Sau buổi chiều mưa hôm đó, tiểu thư thường lén xuống thăm An và ông Vinh. Chuyện gặp gỡ kín đáo của hai người diễn ra một cách đều đặn và ông Vinh trở thành một người gác cửa trung thành.

Trong khi đó quan tổng đốc vẫn tiến hành cuộc hôn nhân cho tiểu thư bất chấp sự kháng cự của cô. Quan đã quyết định và không muốn thay đổi bất cứ điều gì. Mọi người đã làm việc cho ông đều biết rõ như vậy thì tiểu thư phải hiểu chuyện này hơn ai hết. Nhưng tình cảm giữa tiểu thư và An đã sâu đậm lắm rồi. Cô không thể thối lui và quay lưng lại phía An được nữa.

Thời gian thấm thoát đã hơn hai tháng. Một buổi chiều, tiểu thư đến tìm gặp An. Cô cho An biết hai người không thể kéo dài tình trạng này được nữa. Nét mặt tiểu thư quá lo lắng làm An không an tâm. Anh thấy ánh mắt cô xa vắng và hai quầng quanh mắt cô thâm lại quá nhiều. Người cô đã mảnh mai bây giờ càng trông ốm yếu hơn.

An biết tiểu thư đang chờ đợi và lo lắng rất nhiều. An muốn an ủi cô nhưng chính anh cảm thấy những điều hứa hẹn đều mong manh. Nó không có cơ sở gì bảo đảm và anh cũng không tin anh có thể làm được. Tiểu thư cũng biết như vậy, cô buông thõng lời nói như một tiếng thở dài:

- Anh không còn thời gian nữa đâu.

An nhìn sâu vào mắt tiểu thư như chờ đợi một điều gì. Nhưng tiểu thư không nói nữa, cô ngồi xuống chiếc băng cây rồi nhìn ra ngoài cửa sổ. Bên ngoài trời thật u ám. Buổi chiều, trời thường hay mưa. Hôm nay không mưa nhưng bầu trời đầy mây xám. Mặt trời biến mất tự lúc nào nên mới xế trưa mà ánh sáng của một ngày tàn đã phủ chụp lên mọi vật.

Thấy tiểu thư im lặng, An ngồi xuống đống rơm dưới chân cô. Anh nắm chặt đôi hài màu xanh nhạt của tiểu thư. Trong thái độ lặng yên ấy An đã tỏ lộ sự chờ đợi để lắng nghe cô.

Tiểu thư luồn bàn tay nhỏ nhắn vào mớ tóc An, cô ôm lấy đầu anh, nhỏ nhẹ nói:

- Chúng ta không thể chờ đợi lâu hơn được vì...

Tiểu thư buông lửng câu nói, cô kéo bàn tay An đặt lên bụng rồi cúi xuống nhìn anh. Ánh mắt cô vừa lo lắng lại vừa trìu mến.

An nhìn sâu vào mắt tiểu thư, anh khẽ gật đầu và cô cũng đáp trả lại. An cảm thấy một sự rung động rất mạnh lan khắp cơ thể. Anh nhìn

ra bầu trời xám xịt ngoài khung cửa sổ. Anh đã tiên đoán được chuyện này. Bây giờ anh không mừng rỡ mà chỉ lo về những điều sẽ xảy ra trong tương lai.

Tiểu thư nắm chặt bàn tay An đang đặt trên bụng mình. Cô nhìn An và chờ đợi thái độ của anh. Cô biết mình muốn gì nhưng không biết sẽ phải làm gì.

An quay lại nhìn tiểu thư, cắn chặt hàm răng, giọng cương quyết:

- Anh sẽ nhờ bác Vinh nói chuyện với quan tổng đốc.

Tiểu thư trố mắt nhìn An. Tuy cô biết anh sẽ làm gì nhưng cô không tin chuyện anh làm có thể thành công được. Cô run giọng:

- Cha em sẽ từ chối.

An nhếch mép cười:

- Chúng ta nhất định phải có một đám cưới hẳn hòi. Em là con của quan tổng đốc mà.

- Không được đâu.

- Tại sao lại không được?

- Cha không bao giờ hạ mình với kẻ dưới tay bao giờ.

- Em nói ai?

- Bác Vinh và...

An ngửa mặt lên trời. Mặt anh đanh lại, vừa uất ức vừa ngạo mạn.

- Và cả anh phải không? Em phải thuyết phục cho đến khi nào quan tổng đốc ưng thuận lời cầu hôn của bác Vinh.

Tiểu thư gục đầu xuống vai, hạ thấp giọng:

- Không được đâu anh.

An ngẩng đầu lên, quắc mắt:

- Chúng ta chưa thử mà, tại sao biết không được?

Tiểu thư nhìn An, van lơn:

- Chúng ta không thể ở đây được, cha em không bao giờ đồng ý đâu.

An đứng thẳng người lên. Tiểu thư cũng đứng theo. Khuôn mặt hai người kề sát nhau. An thấy mặt tiểu thư tái nhợt và đầy vẻ lo âu.

Phía sau khuôn mặt tiểu thư, ngoài cửa sổ, nền trời cũng u ám, những đám mây xám xịt dính nhau từng mảng, dày đặc.

An cắn chặt hàm răng lại, giọng đanh thép:

- Quan tổng đốc không thể từ chối được. Nguyễn An này đâu phải là kẻ thấp hèn.

Tiểu thư nhìn anh. Cô lắc đầu, vẻ mặt thật buồn thảm. Ngược lại,

An nhìn thẳng ra ngoài trời, chân mày anh nhíu lại và mắt long lên. Đôi môi anh mấp máy, giọng đanh thép:

- Em phải thưa với quan tổng đốc để xúc tiến việc hôn nhân cho chúng ta càng sớm càng tốt. Ngài phải nghĩ tới đứa cháu ngoại tương lai chớ.

Tiểu thư run giọng nói:

- Nếu cha em không bằng lòng thì sao?

An nhếch môi:

- Em phải thuyết phục cho quan tổng đốc ưng thuận. Chúng ta chỉ có một đường tiến mà thôi, không thối lui và không trốn đi đâu cả.

Tiểu thư Linh ôm mặt khóc. Cô nhìn An thật lâu rồi lẳng lặng bước ra cửa. Bên ngoài, trời đột nhiên chuyển động mạnh, mây đen kéo dày đặc và gió thổi tốc đến. Ngoài sân, gió cuốn bụi mịt mù. Bóng tiểu thư chạy lao đao trên sân gạch. Tóc và áo trắng của cô tung bay trong gió. Tóc cô vương vãi tựa mây trời bị xé rách bươm và màu áo trắng nhạt nhòa, phất phơ theo gió. Dáng nhỏ nhắn và thanh thoát của cô nhỏ dần rồi mất hút sau màn bụi.

*

An nhìn qua khung cửa sổ. Mặt trời đã lên cao. Nắng tràn ngập sân nhà và khu vườn trước mặt. Ông sực nhớ hôm nay là ngày sinh nhật thứ năm mươi. Thời gian thấm thoát đã ba mươi năm từ ngày ông rời nhà lên thành phố. Bao nhiêu chuyện trải qua trong suốt thời gian đó. Ông cố quên nhưng không thể nào quên được.

An rời khung cửa sổ, trở lại bàn nhấp một chút trà nguội còn sót lại trong đáy chung. Trên vách, trước mặt An, ảnh của cha mẹ, ông Vinh, và tiểu thư Linh được đặt một hàng trên bàn thờ. Khuôn mặt người nào cũng buồn bã và nghiêm nghị. Họ vẫn không quên những gì đã ký thác cho ông. Thời gian qua ông đã phụ lòng họ. Ông đã làm gì?

Ông Vinh và An bị quan tổng đốc đuổi đi sau khi tiểu thư Linh qua đời. Sáng sớm hôm đó bà vú vào gọi tiểu thư dậy mới biết cô đã chết. Nguyên do cái chết của tiểu thư chưa được xác định rõ nhưng mọi người đều biết cô đã tự vận. Tại sao cô tự vận thì ai cũng hiểu được. Do đó quan tổng đốc truy ra duyên cớ và ngay trong ngày đã ra lệnh đuổi ông Vinh và An.

Sau đó sức khỏe ông Vinh cũng suy yếu rồi qua đời khoảng vài tháng sau. An ở trong nhà ông và bắt đầu cuộc đời mới. Anh mang đầu lân đi biểu diễn khắp nơi và anh trở nên một người rất nổi tiếng. Cả

vùng Sài Gòn, Chợ Lớn, và các nơi lân cận đều biết tiếng An. Những dịp có hội hè đình đám người ta không bao giờ quên đội lân của An.

Trong thời gian mười năm An sống trong sự kiêu hãnh về một thứ hào quang của tiếng tăm. Mỗi lần đầu lân của anh xuất hiện ở đâu người ta đổ xô đến xem và gia chủ cũng cảm thấy vinh hạnh về sự hiện diện của anh. Từ đó An quên bẵng đi cái chết của tiểu thư Linh với cái bào thai trong bụng và cả hình ảnh của ông Vinh cũng phai mờ trong trí anh. Cho đến ngày cha mẹ anh qua đời anh cũng không hay biết. Anh chỉ biết tin qua một lá thư của một người trong họ và anh cũng không màng chuyện về thăm mồ mả.

Có một điều An bắt đầu cảm nhận ngay khi anh được mọi người ngưỡng mộ mà chính anh không thể chịu đựng nổi. Người ta chỉ biết đầu lân của An chứ không ai biết anh là ai. Người ta chỉ hoan hô An khi anh đội đầu lân, khi anh múa may quay cuồng trong tiếng trống và phèng la. Càng ở lâu trong nghề anh càng cảm thấy thứ danh vọng mà anh hưởng thụ được không phải của chính anh. Nó không đích thật thuộc về anh. Cái danh vọng đó thuộc về đầu lân. Cái danh tiếng ấy do đầu lân tạo ra, anh biết như vậy, mặc dù anh là người điều khiển nó. Đầu lân được phô diễn ra cho mọi người thưởng ngoạn, nó tạo tên tuổi cho nó và tự nó qua thời gian đã có một đời sống riêng. Anh trở thành một kẻ khác, một người đi bên cạnh và hưởng ké danh vọng đó. Anh không đội đầu lân thì người ta không biết anh là ai. Chính đầu lân mới quan trọng, còn anh trở thành một kẻ thứ yếu, đi bên cạnh và mờ nhạt theo thời gian.

Nhiều năm trôi qua An càng cảm thấy thứ danh vọng của đầu lân chỉ là hư ảo. Anh đã từ bỏ những giá trị chân thật của đời sống để bám lấy một dự tính đã không thành trong cuộc sống. Anh muốn đi đường tắt, con đường ngắn nhất mà anh tự vạch ra để thực hiện hoài bão của cha anh và ước mơ của dòng họ. Tiếng tăm, danh vọng, và vẻ vang gia tộc đều tan biến theo thời gian. Chỉ có giá trị chân thật của đời sống mới tồn tại mãi mãi với cuộc đời. Ít nhất cho phần đời anh trước đã. Anh không muốn nói tới những điều xa xôi của cuộc sống. Anh đã mất hết những gì anh phải có và phải giữ gìn. Trước tiên anh tiêu pha tuổi thanh xuân của mình vào những cuồng vọng và ảo tưởng. Danh tiếng của một đầu lân chỉ là những ồn ào của đám đông, những réo gọi nhất thời của sự kiêu hãnh cá nhân. Sau đó, điều đau đớn nhất mà cũng là điều sai lầm nhất là anh đã đánh mất một niềm yêu thương quí báu nhất trong đời anh. Hạnh phúc gia đình bao giờ cũng có một giá trị vĩnh cửu trong

đời sống. Nó là cái có thật. Nó không phải là thứ có thể bị bán rẻ hay là một phương tiện để mưu cầu cho một hư danh nào.

Sau đó, mấy mươi năm vùn vụt qua, sức khỏe của An càng ngày càng suy giảm. Anh không còn đủ sức để điều khiển đầu lân như ý muốn và thỏa mãn yêu cầu của đám đông. Người ta không còn ngưỡng mộ đầu lân của An nữa. Nhiều đội lân khác nổi lên và chiếm hết cảm tình của dân chúng. An bị đẩy dần vào sự lãng quên của khách mộ điệu.

An lui về sống trong nhà của ông Vinh và xoay qua việc huấn luyện lớp trẻ trong nghề múa lân. Nhưng càng về sau trong những dịp hội hè, đình đám người ta không còn chuộng múa lân nữa. Cho đến một lúc An cảm thấy không những nghề múa lân mà chính cả bản thân anh phải bị đẩy lui qua bên lề của xã hội. Cuối cùng An đành trở về quê cũ. Sống lại trong căn nhà xưa với một đứa cháu họ.

Bây giờ An đã năm mươi tuổi. Sáng hôm nay ông nhìn ra khu vườn cũ, ông vẫn còn nghe lời cha văng vẳng bên tai. Ông đã hoang phí tuổi thanh xuân và phụ lòng cha cũng như hoài bão của gia tộc.

Đứa cháu của An, thằng Cui, có lẽ đã thức dậy từ sớm. Ông nghĩ nó đang lo việc xách nước, tưới rau và chăm sóc cây cối trong vườn. Nó là con một người chị họ, gọi ông bằng cậu. Năm nay thằng Cui đã được mười sáu tuổi. Trước khi cha An qua đời đã gọi nó về coi sóc nhà cửa và vườn tược. Đến lúc An trở lại nhà, nó vẫn làm công việc đó.

An chậm chạp lau chùi đầu lân. Bao năm rồi ông bỏ nó trong một xó nhà, bụi bặm đóng đầy và nhện giăng tứ tung. Ông mang đầu lân ra sau nhà, chất nó lên đống củi khô. Hôm nay An nhấc đầu lân lên mới biết sức khỏe mình đã kiệt. Ông đã phí sức quá nhiều trong thời trẻ và ngày nay, mới năm mươi, mà ông cảm thấy già yếu như đã quá sáu mươi.

Thằng Cui đang từ phía vườn sau đi lại. Dáng nó cao lớn. Nó chỉ mặc cái quần đùi, ở trần trùng trục. Bắp thịt nó nổi cuồn cuộn. Trông dáng dấp nó, ông biết nó khỏe mạnh hơn ông thời trẻ gấp mấy lần.

Mặt trời vừa lên cao khỏi ngọn xoài trước sân. Nắng ban mai chiếu xiên một nửa sân sau. An đặt đầu lân ở giữa sân. Ánh nắng chiếu vào mắt lân và những lục lạc bạc tỏa ra ánh sáng lấp lánh.

Thằng Cui dừng lại ở góc sân, giương mắt nhìn cảnh tượng trước mắt. Nó nhìn đầu lân một cách ngây ngô.

An ngước lên nhìn thằng Cui. Ánh nắng chiếu suốt thân hình nó. Dáng nó đứng sừng sững thật hùng tráng. Tóc nó hớt ngắn, mặt vuông, chân mày đậm, mắt to, mũi vừa lớn lại vừa tẹt. Miệng nó rộng với cặp môi dày và thâm xì.

Lâu lắm rồi An không nhìn kỹ thằng Cui. Dưới mắt ông, nó chỉ là thằng nhỏ lem luốc, làm chuyện lặt vặt trong nhà và ngoài vườn. Sáng nay ông mới có dịp nhìn kỹ nó hơn. Ông thầm nghĩ, nó không còn là một đứa nhỏ, nó là một thanh niên đầy đủ sức khỏe và cả trí khôn. Nó phải làm được chuyện lớn, nếu không, ít ra cũng phải hơn ông.

Thằng Cui nhìn sững An một hồi rồi buột miệng hỏi: - Cậu làm gì vậy?

An nhìn lại nó, ánh mắt khinh miệt. Ông im lặng và giữ cái cách đối xử với nó như thường ngày. Đối với ông, nó không có quyền hỏi bất cứ chuyện gì. Nó chỉ có bổn phận phải chấp hành lệnh của ông.

Thấy An không trả lời, thằng Cui ấp úng hỏi lại:

- Cậu đem đầu lân ra đây làm gì vậy?

An liếc mắt nhìn nó, gằn giọng:

- Mày hỏi làm gì. Vô lấy cây củi cháy ra đây.

Thằng Cui hoảng hốt hỏi:

- Cậu đốt đầu lân phải không?

An gật đầu, quắc mắt nhìn thằng Cui, ngầm trách cứ thái độ trịch thượng của nó. Thằng Cui không để ý đến ánh mắt An, nó buột miệng nói:

- Cậu không được đốt đầu lân.

An ngạc nhiên về kiểu nói mạnh mẽ của thằng Cui. Ông ngạc nhiên nhìn nó. Mọi khi nó không dám nhìn thẳng vào mặt ông, đừng nói chi đến chuyện hạch sách ông việc này việc nọ. Ông vừa bực nhưng trong lòng cảm thấy khoan khoái. Ít ra ông cũng có thằng cháu can đảm.

Thằng Cui nhìn An, giọng quyết liệt:

- Nếu cậu muốn đốt đầu lân thì con sẽ xin nó.

An hằn học:

- Mày không được giữ nó.

Thằng Cui đỏ phừng mặt, thở hổn hển:

- Con phải cất giữ đầu lân. An nhìn thằng Cui, ngạc nhiên hỏi:

- Mày cất nó làm gì?

- Con phải noi gương cậu.

- Mày noi gương gì ở cậu?

Thằng Cui thản nhiên đáp:

- Con sẽ là một người múa lân nổi tiếng như cậu. Con sẽ làm rạng danh dòng họ theo lời ông dặn.

An cắn chặt hàm răng, lớn tiếng nói:

- Mày làm vẻ vang gia tộc thì được nhưng không thể làm bằng cách múa lân.

Thằng Cui đứng ưỡn ngực, ngẩng đầu hỏi:

- Tại sao con không được làm việc đó?

An gầm lên:

- Tao nói mày không được làm. Mày phải lo học hành, tu thân để trở thành một người hữu dụng cho xã hội.

Thằng Cui tiến tới một bước:

- Con phải làm theo cậu.

An trừng mắt, la lớn:

- Không được.

Thằng Cui vẫn bước tới, trông vẻ nó muốn đoạt lấy đầu lân. An xông ra giữa sân, án ngữ trước mặt nó. Thằng Cui thấy dáng điệu hung dữ của An, nó ngần ngại xuống giọng:

- Cậu cho con xin đầu lân.

An trợn trừng mắt, hét lớn:

- Tao đã nói không được.

An giơ hai tay xô mạnh vào ngực thằng Cui. Ông dùng hết sức đẩy tới nhưng nó vẫn đứng yên. Ông càng rán sức càng bị mệt đuối chớ không lay chuyển nổi nó.

An thối lui ra sau vận sức xô mạnh tới nhưng chẳng làm gì được thằng Cui, trái lại ông bị dội ngược té ngã ngửa ra sau. An cảm thấy nguy hiểm lắm rồi, sức ông quá yếu, không thể giữ nổi đầu lân. Nhưng bằng bất cứ giá nào ông cũng phải hủy diệt nó.

Thằng Cui tiến tới, khom người định lấy đầu lân nhưng An đã chụp được một thanh củi lớn và phang vào đầu nó thật mạnh.

Sức đánh của An mạnh quá làm thằng Cui té bật ra sau, máu loang ướt đỏ cả mặt nó. An không buông tha, ông với tay rút cái rựa bên vách nhà và đứng thẳng dậy.

Thằng Cui vừa lồm cồm đứng lên đã thấy An múa cái rựa trước mặt. Nó vội vàng quay lưng cắm đầu chạy. An không buông tha. Ông trợn mắt, gầm lên một tiếng rồi chém với theo. Cái rựa chém trúng vào một bên vai của thằng Cui. Máu nó phun ra ướt một bên lưng và nhuộm đỏ một khoảng sân.

An điên tiết vừa vung rựa vừa đuổi theo, miệng la hét chửi rủa không tiếc lời. Thằng Cui không dám quay mặt lại, nó cắm đầu chạy

thẳng một mạch. Chỉ một thoáng, nó đã mất hút sau đám cây trong vườn.

An ném cái rựa xuống sân, vừa cười sằng sặc vừa đi vào nhà. Ông lấy một thanh củi đang cháy đỏ châm lửa vào đống cây trên sân.

Cây khô bén lửa thật nhanh. Gió thổi qua làm ngọn lửa bốc cháy ngùn ngụt. Trong chớp mắt lửa đỏ đã bao trùm đầu lân. Tiếng cây khô và giấy bồi cháy kêu răng rắc, lách tách. Lửa bốc lên thật cao và khói bay mịt mù. Trong đám lửa vàng rực hình ảnh cha mẹ An, ông Vinh, và tiểu thư Linh hiện ra, chập chờn, khi mờ khi tỏ trước mặt ông. Vẻ mặt họ vừa buồn rầu vừa ai oán.

An chờn vờn bước tới gần ngọn lửa. Sức nóng và khói cay đẩy bật ông trở ra. Trong tiếng lửa reo An nghe giọng tiểu thư than oán và tiếng khóc đâu đó của một của hài nhi, réo gọi tên ông.

An đi quanh đống lửa vừa lẩm bẩm van xin vừa gần gừ kêu khóc.

Gió càng thổi mạnh hơn và tàn lửa bay tắp vào vách lá. Trong phút chốc, lửa phừng phực cất lên tận nóc nhà. Tiếng lửa reo, tiếng gỗ cháy, và tiếng kêu gào của An pha trộn thành một thứ âm thanh kỳ lạ.

An bước lần theo đường mòn ra phía trước. Lửa cháy xém cả tóc và quần áo ông.

An đi thẳng ra đường, miệng lẩm bẩm những gì không rõ. Con đường đê nhỏ và dài loằng ngoằng. Ruộng lúa hai bên đường vàng óng phơi mình dưới nắng. Sau lưng An, lửa cất cao lên trời. Gió vần, lửa reo, khói tỏa mịt mù. Căn nhà của dòng họ Nguyễn An sụp dần trong lửa.

An thất thểu bước đi. Ông cứ nhắm phía trước mà tiến tới. Người ta không biết An đi đâu và từ đó không còn ai biết đến tông tích ông.

Người đời sau ghi nhận rằng ở phần đất của dòng họ Nguyễn An, trên đống tro tàn, những đêm trăng người ta thường thấy những bóng đen ngồi quây quần và nghe nhiều tiếng khóc thật bi thương và áo não.

Trần Long Hồ

MAI KIM NGỌC

chị em

CHƯƠNG SÁU

CÔ THƯ KÝ

Hoàng tới phi trường National vào lúc chiều. Ba mẹ cô đã đợi sẵn ở khu hành lý. Bà Thuần chạy tới ôm lấy cô.

"Tội nghiệp con tôi," bà bảo. "Con gầy mà xanh quá. Con về với ba mẹ là phải..."

Bà lại nói:

"Các con bên ấy vui chị vui em thì cũng tốt, nhưng mẹ lo lắm. Con còn ở bên ấy ngày nào là mẹ còn lo ngày ấy..."

Rồi bà buông cô ra. Cái thoải mái khi thoát khỏi vòng tay mẹ làm cô thoáng ân hận. "Mẹ ơi, con thương mẹ lắm," cô thầm nghĩ, "nhưng mà sao chuyện gì mẹ cũng làm ra nặng nề đến thế?" Quay sang ông Thuần, cô ôm lấy ông:

"Ba ơi, con nhớ ba quá."

"Con gái của Ba..." ông vừa nói, vừa vỗ khẽ lên lưng cô.

Mùi thuốc lá quen thuộc trên ngực áo ông gợi về một quá khứ thân yêu.

Cô cảm thấy như bé lại, như sống lại thuở ấu thơ khi an ủi vỗ về của ông có thể làm mọi u buồn tan biến. Ngả đầu ra sau ngắm mái tóc đã bạc trắng của ông, cô nói:

"Ba. Tóc Ba đẹp quá, bạc như cước... Mà Ba còn tráng kiện lắm..."

Ông tráng kiện thật. Ông nhấc bổng chiếc va li của cô đặt lên xe đẩy. Đi bên ông ra bãi đậu xe, cô sung sướng nghĩ cô đã tìm được một công việc mới, một bổn phận mới. Cuộc đời cô bây giờ là lo cho ba cô. Cô sẽ pha cà phê sáng cho ông, sẽ hầu chuyện ông, sẽ chia sẻ những tâm sự của ông... Nhớ bữa trước ở điện thoại nghe ông nói bị máu cao cũng cần ăn uống kiêng khem, cô nghĩ cô sẽ nấu nướng cho ông.

"Ba, con sẽ chăm sóc cho Ba, con là cán sự y tế mà ba..." cô nói.

Ông mắng yêu con gái:

"Cô hãy lo lấy thân cô đi..."

Cô nhìn cha mở cửa xe. Lâu lắm cô không được ngồi bên cha khi ông lái xe, được nói với ông hết chuyện này chuyện nọ. Cửa xe mở, cô còn ngần ngại, mẹ cô đã mau mắn:

"Con ra băng sau cho rộng rãi..."

Cô chui vào xe đóng cửa lại. Từ ghế trước, mẹ cô quay đầu nói vọng lại:

"Ba con nói đúng. Ba mẹ trừ mấy bệnh già không ra bệnh, không đau ốm gì. không thiếu thốn thứ gì... Mẹ chỉ lo cho con. Con gái mẹ thua thiệt nhất nhà..."

Cô cảm như có gáo nước lạnh dội vào cái vui đoàn tụ. Cô ngồi yên, không biết nói gì. Rõ ràng là bà chỉ thấy thất bại trong đời sống của cô. Bà như không hiểu được cuộc sống ấm áp với tình thương của đám trẻ mồ côi hồi trước thuở miền Nam thất thủ. Cái tình thân thương về sau phố quận nhỏ bé dành cho cô khi cuộc sống bắt đầu điều hòa trở lại, chắc bà chỉ thấy cái lam lũ của người y tá chích dạo.

Cô nghĩ đến Lương, đến mối ác cảm trường cửu của bà với anh...

Cô gắng gượng làm vui kể cho bà nghe cảnh sống sung túc của Tâm bên Cali. Vừa nói chuyện, cô vừa buồn bã ghi nhận là xa cách tâm tình giữa hai mẹ con vẫn còn nguyên đấy...

*

Xe đỗ lại trước một căn phố hai từng trong một khu chung cư xây bằng gạch đỏ.

"Nhà đây," mẹ cô bảo, "mình ở ngay từng dưới."

Ba cô nhanh nhẹn bước lên bậc thềm. Vừa mở cửa, ông quay lại nói với cô, "Ba mẹ con có món quà bất ngờ cho con."

Trong nhà đèn thắp sáng chưng và lố nhố khách khứa. Tiếng cười nói ngưng bặt, và mọi người quay đầu nhìn ra.

"Đây là con gái tôi mới ở Việt Nam qua," ông Thuần giới thiệu.

Mọi người vỗ tay. Từ đám khách đang lao xao chúc mừng, một người đàn ông tóc đã hoa râm, ăn mặc sang trọng chải chuốt, rắn rỏi bước ra đỡ lấy chiếc va li từ tay ba cô:

"Bác để con xách... Phòng Hoàng ở đâu, Bác chỉ con..."

Quay sang cô, anh nói:

"Cô Hoàng còn nhớ tôi không? Bảo đây."

"Dạ, anh Bảo."

"Tôi cất va li cho cô rồi trở lại liền..."

Nói xong, Bảo theo mẹ cô vào nhà trong. Bảo đi rồi, ba cô nói:

"Anh Bảo dễ thương lắm, tình nguyện tiếp khách giùm để ba mẹ ra phi trường đón con..."

Hạ thấp giọng, ông nói tiếp:

"Nhưng mọi chuyện hơi chóng mặt một tí, phải không con?"

Cô cười đồng lõa với cha, và cô bỗng thấy hết mệt. Cô theo ba cô một vòng chào hỏi bè bạn cũ mới của gia đình. Rồi cô vào nhà trong, thoa lại chút phấn và chải lại mái tóc.

*

Vừa trở ra phòng khách, cô thấy Bảo bước tới, mỗi tay một ly rượu vang trắng, đưa cô một ly, Bảo nói:

"Chúng mình uống mừng ngày tái ngộ nhé. Mấy chục năm rồi mới gặp lại em."

Đúng, cô nghĩ. Ngay từ hồi cô bị tai nạn là Bảo đã biệt tăm, tuy cùng ở Sài Gòn mà như ở thế giới khác.

Không ngờ Bảo bây giờ cũng ở Hoa Thịnh đốn. Đỡ ly rượu từ tay Bảo, cô nói:

"Tụi mình đã không gặp nhau hơn hai mươi năm rồi..."

Chưa hết câu, cô bắt được mẹ cô đang nhìn lại từ góc phòng, nét mặt bà sung sướng. "Thì ra là thế," cô thầm nghĩ.

Bảo lại nói:

"Nhưng anh vẫn có tin em, vẫn theo dõi cuộc sống của em. Anh rất kiêu hãnh nghe người ta kể những thành công của em, những công việc từ thiện em làm..."

Bảo vừa nói vừa sửa lại cà vạt. Vẫn cử chỉ đỏm dáng cũ. Cô khó chịu với lối xưng hô thân mật tự tiện xấn xổ, Bảo vẫn là Bảo. Cô đổi đề tài:

"Anh được mấy cháu nhỉ?"

"Năm."

"Chị đâu?"

"À... Chúng tôi đã ly dị."

"Nghe nói theo luật bên này, chắc các cháu ở với chị?"

Anh lúng túng:

"Không, các cháu ở với tôi... Chồng mới của nhà tôi không muốn bà ấy bận bịu với con riêng..."

Cô cười thầm ghi nhận mỗi câu hỏi của cô là mỗi lúng túng cho Bảo, dồn anh vào thế thụ động. Nhưng anh thụ động không lâu. Nhìn thẳng vào mắt cô anh, anh khẽ nói:

"Cháu út là gái, mới mười sáu, cũng tên Hoàng..."

Cô cúi đầu, khó chịu hơn là lúng túng. Biết Bảo chăm chăm nhìn, cô thản nhiên chấm dứt câu chuyện đang chớm mầu tâm sự:

"Bữa nào rảnh rang mình sẽ nói chuyện lâu. Bây giờ tôi đi một vòng tiếp khách nhé."

*

Cô sung sướng tìm lại được bác tham Lan. Bác cho cô hay bác gái đã mất gần hai năm, và bây giờ bác ở nhà con gái. Bác được hưởng trợ cấp xã hội dành cho người già nên cũng rủng rỉnh tiền túi, có phương tiện thỉnh thoảng gởi về chút đỉnh giúp anh em bè bạn còn kẹt lại. Bác kể cho cô nghe hoàn cảnh của những người quen biết cũ. Chân thành và hồn nhiên, bác hỏi thăm Lương:

"Anh ấy bên Cali có khá không cháu?"

Cô chưa trả lời kịp thì một bà cỡ trung niên xen giữa hai bác cháu. Bà thân mật nắm lấy tay cô:

"Hoàng đấy hả? Em còn nhớ chị không?"

Người đàn bà cỡ năm mươi trở lại, mái tóc đã hoa râm, dáng thanh lịch mảnh dẻ. Bà có nhiều nét nhăn nơi đuôi mắt khi cười, nhưng đôi mắt vẫn còn trong và đẹp. Bà có cái tự tại sắc sảo của người quen với điều hành và quyết định. Trông bà quen lắm, nhưng cô vẫn không nhớ ra. Bác Lan nhắc cô:

"Chị Quỳ đây, Hoàng quên rồi sao. Chị Quỳ trước làm với ba con ở bộ ấy mà..."

Bây giờ thì cô nhớ. Chị Quỳ ngày xưa là thư ký riêng của ba cô, nghe nói làm cho ông từ khi ông ở bên Pháp trở về. Chị đã theo ông tới những nhiệm sở mới, mỗi khi ông được thăng thưởng.

Cô nhớ thỉnh thoảng, ông sai chị mang hồ sơ về nhà buổi tối để làm với ông, khi thì đánh máy diễn văn cho ông, khi thì tóm tắt lại cho ông những bản phúc trình từ các ty sở địa phương gởi về. Thuở ấy chị còn trẻ lắm, nhan sắc trên trung bình, ăn bận nhã nhặn, cung cách nhu mì. Cô nghĩ chị rất quý ba cô, cái quý lẫn cái phục lộ liễu trong từng nụ cười ánh mắt của chị khi hai người ngồi làm việc với nhau...

Ông cũng rất quý chị. "Không có chị Quỳ chắc ba chết," ông vẫn thường nói với cả nhà, trước mặt cũng như sau lưng chị. Và mỗi lần được ông khen, chị đỏ mặt thẹn thùng nhìn xuống vạt áo, hay mân mê

cây bút máy Pilot, món quà ông mua tặng chị nhân một chuyến đi Pháp công du.

Mỗi khi xong việc, ông thường tiễn chị ra cửa, dặn dò chị đi đường cẩn thận. Nhiều lần cô đã tình cờ được chứng kiến cảnh tiễn đưa dễ thương ấy. Ông thường dừng lại ở ngưỡng cửa, đứng ngắm chị lúi húi treo chiếc sắc tay vào ghi-đông xe Velo Solex. Sau cùng chị sờ tay vào đôi găng trắng nhỏ, món thời trang phụ nữ bấy giờ. Khi chị ngẩng lên nhìn ông với đôi mắt nai ngơ ngác và mến phục, ông dơ tay vẫy chào. Và chị lọng cọng cuống quýt, nửa như muốn vẫy tay chào lại, nửa như thẹn thùng không dám làm cử chỉ táo bạo ấy. Sau cùng, khuỷu tay vẫn khép nép bên hông, vụng về một cách tội nghiệp, chị quơ nhẹ bàn tay trước ngực như vẫy chào lại, rồi vội vã nhẩy lên xe đạp đi.

Chị làm với ông cho đến đầu thập niên bẩy mươi khi ông về hưu. Về sau chị sang làm sở Mỹ, kết duyên với một người trung tá Mỹ, và theo chồng sang Virginia...

*

Cô nói với chị Quỳ:

"Em nhớ rồi. Chị viết tốc ký nhanh lắm. Ba em vẫn bảo chị giỏi việc nhất sở. Công văn chị thảo, nhiều khi ba em cứ việc ký mà không cần phải sửa lại một chữ..."

"Ba em tốt bụng mà quá khen thôi. Chị học được nhiều lắm ở ba em. Sở dĩ bây giờ chị làm sở Mỹ ở đây được là cũng nhờ học hỏi hồi còn làm với ông..."

Bác Lan xen vào:

"Chị Quỳ bây giờ làm lớn lắm cháu ạ. Ở sở xã hội, chị coi cả một khu, dưới quyền cả đống nhân viên, Việt cũng như Mỹ. Chị ấy lo giấy tờ an sinh cho bác và ba mẹ cháu đấy..."

Ba người mê mải nói chuyện, những câu chuyện quá khứ từ hồi xa xưa. Trọng tâm là ba cô, từ những việc quan trọng ông làm khi còn tại chức cho đến tài săn bắn của ông.

"Em ạ, có hôm 28 tết," chị bảo, "mẹ em đã sắm sửa đầy một nhà đồ ăn, ông còn đi bắn về bẩy tám con ngỗng trời. Mẹ em la quá, ông phải cho bác tài đem chia cho bạn bè và nhân viên. Chị được một con, mẹ chị đem rô-ti, ngon quá..."

Cô hoàn toàn không nhớ vụ chia ngỗng đó. Cô kiếm chuyện nói với chị:

"Anh nhà có khỏe không chị? Các cháu chắc đã lớn cả rồi."

"Anh mất mười lăm năm rồi. Mà chị không có con, Hoàng à."

Cô lắng nghe, thoáng ngạc nhiên thấy chị tóm tắt cả cuộc sống riêng tư của chị ngắn gọn như vậy. Cô lại nghĩ mười năm trước, chị chắc còn trẻ lắm, sao không tái giá. Bác Lan cắt nghĩa:

"Chị Quỳ ham công ham việc lắm, nhiều khi quên cả bản thân."

Rồi nhìn vội về góc phòng đối diện nơi ba cô đang vui chuyện với mấy ông bạn già, bác bảo:

"Hồi còn làm với ba cháu, cũng vì cái tật ham làm ấy mà chị quên cả lấy chồng. Bây giờ thì cũng vì bận bịu việc sở việc cộng đồng mà không chịu tái giá."

Chị đánh trống lảng. Quay sang Hoàng, chị bảo:

"Để chị dặn em, không lát nữa quên mất. Nghỉ ngơi ít bữa rồi ghé lại văn phòng chị lo thủ tục định cư nhé. Để chị đưa em danh thiếp chị. Em vào thẳng gặp chị... Chị sẽ dặn nhân viên là chị sẽ trực tiếp phụ trách hồ sơ của em..."

Chị lục ví tìm tòi. Rồi chị nói:

"Tiếc quá, chị hết danh thiếp rồi. Nhưng thế này tốt hơn. Ngày mai chị sẽ gọi điện thoại cho em. Nếu em thấy khỏe, chị sẽ nghỉ chiều mai đưa em đi chơi."

*

Khách khứa về dần. Chị Quỳ về sau cùng, và ba cô tiễn chị ra tận cửa. Ông dừng lại thềm cửa nhìn chị bước ra xe. Chắc chị đến sớm nhất, xe chị đậu ngay cửa garage. Chị lúi húi tra chìa khóa vào ổ, mở cửa xe chui vào. Chị nổ máy, rồi bất thần chị ngước lên nhìn lại vừa lúc ba cô đưa tay vẫy chào.

Cô nín thở. Trong khung cảnh mới, trong thân thế mới, ngót ngát ba mươi năm sau, liên hệ giữa ba cô và chị Quỳ vẫn không thay đổi. Chị lại quơ tay vẫy chào lại ba cô, vẫn cái quơ tay vụng về ngày xưa. Cô hoa mắt hay quá tưởng tượng? Trong một giây nhiệm mầu, ánh đèn đường như tụ lại trên khuôn mặt chị. Đôi mắt trải đời của thiếu phụ trung niên bỗng ngây thơ trở lại, ngơ ngác luống cuống như đôi mắt người nữ thư ký bé nhỏ đeo găng trắng đi Velo Solex năm xưa.

Hoàng nhìn trộm cha rồi vội quay đầu đi, cảm thấy như vô tình cô đã bước vào một vùng đất riêng tư cấm kỵ. Cô trở vào nhà. Lúc ba cô vào theo, ông nhìn mẹ cô tựa hồ có gì lúng túng trong việc ông tiễn người thư ký cũ ra tận cửa. Cô lại nhìn sang mẹ, thấy bà đăm đăm nhìn khoảng không đằng trước. Mặt bà thoáng nét đanh cứng, vẻ bất an mơ hồ nhưng quen thuộc của quá khứ mỗi khi chị Quỳ đến nhà làm việc tối với ba cô.

Ba cô nói:

"Chị Quỳ có nghĩa lắm. Mà thật ra ba không làm đặc ân gì cho chị khi chị còn làm ở bộ... Khi mới sang đây, mẹ con lâm bệnh nặng, phải nhập viện. Nằm nhà thương hơn một tháng, phí tổn gần một trăm ngàn. Mẹ hồi đó chưa đủ tuổi để hưởng trợ cấp người già, mà trợ cấp di tản lại vừa hết, may có chị Quỳ vận động xin cho hưởng quỹ đặc biệt, không thì không biết lấy gì mà trả..."

Giọng ông tự tại ôn tồn làm cô cười mình đã nhìn lầm sự việc. Thành thật, cô nói:

"Dễ thương quá, ba nhỉ. Con mới gặp lại chị ấy mà thấy gần gũi như người nhà."

Cô nghĩ bên những người cũ như chị Quỳ hay bác Lan, cuộc sống của ba mẹ cô những năm vừa qua chắc ít cô đơn hơn. Cô giật mình khi mẹ cô nói:

"Mang ơn người ta khổ lắm con ạ..."

Ba cô nhìn mẹ cô, nét mặt mệt mỏi. Nghiêm giọng, ông bảo bà:

"Đấy là tại bà nghĩ nặng ra thôi. Chị Quỳ đối với gia đình này trước sau không bao giờ thay đổi... Mình đừng nên nói thế, phụ lòng người ta..."

Mẹ cô gượng cười:

"Không, tôi không nghĩ người ta xấu. Nhưng địa vị mình là người chịu ơn, mình thấy nặng nề, thế thôi..."

Rồi bà đứng dậy đi vào phòng ngủ. Ba cô cũng đứng dậy theo.

Ngang qua tủ rượu, ông dừng lại. Ông lấy ve thuốc nhỏ giấu sau chai Henessy, đổ hai viên ra lòng bàn tay. Ông nhìn hai viên thuốc một giây rồi bỏ vào miệng và chiêu ngụm nước...

*

Còn lại một mình giữa phòng khách bừa bộn ly tách, cô tần ngần suy nghĩ. Cô lại tủ rượu, nhấc chai Henessy sang bên, để thấy sáu bảy ve thuốc. Món chính là thuốc cao máu, ve nào cũng đề tên ba cô với cách dùng bằng tiếng Việt. Ve mầu xanh ba cô vừa lấy ra uống là thuốc ngủ. Ngày bán ra ghi trên nhãn chưa đầy tháng mà ve thuốc năm chục viên đã gần hết chỉ còn hai ba.

Cô không ngạc nhiên với bệnh máu cao của cha. Ba cô đã già, tuổi này bệnh này cũng là chuyện thường. Nhưng cô áy náy với cách uống thuốc ngủ của ông. Ông không đợi trằn trọc một hai tiếng trên giường rồi mới dùng đến thuốc. Ông như biết sẵn là ông sẽ mất ngủ, như thể

ông quyết định dùng thuốc để trốn tránh những phiền toái sẽ quấy rầy ông đêm nay.

Cô nhớ lại cái không khí căng thẳng ngầm khi ba cô tiễn chị Quỳ trở vào. Đời sống ông không giản dị và hạnh phúc như cô vẫn tưởng. Cô nhìn về phía hành lang dẫn tới phòng bố mẹ. Trên chiếc giường ngủ vợ chồng ấy, đêm đêm nằm bên mẹ cô, ông trằn trọc chuyện gì? Tại sao ông lại phải lẩn trốn trong giấc ngủ nhân tạo?

Cô nghĩ đến Lương, đến cô, đến những lần ngày xưa cô thầm mơ ước tối tân hôn cô sẽ pha hai tách cà phê thật đậm cho hai đứa để cấm giấc ngủ tới quấy rầy hạnh phúc lứa đôi. Rồi cô xót xa cho cha mẹ cô. Nơi ông bà, cái ân sủng hoan lạc được ở bên nhau đã mất giá đến như vậy sao?

Cô thấy những ảo tưởng tan vỡ xung quanh cô. Đời sống cha mẹ cô không còn là mẫu mực của ấm êm, và mái gia đình không còn là một cái vịnh an lành mà chỉ cần nghĩ đến là đem lại thanh thản trong lòng cô. Rồi cô nghĩ đến Lương, đến cô, đến cha mẹ, đến chị Quỳ... Cuộc sống sao eo sèo phức tạp, và cô thấy vô cùng mỏi mệt...

QUỲNH GIAO

những khung cửa vào vườn thơ

Đọc *Tìm Thơ Trong Tiếng Nói* của Đỗ Quý Toàn (*) Nhiều người làm thơ mà không thích nói về thơ. Đối với họ, thơ tựa như Thiền, nên nín không nên nói, cảm nhận của mỗi người là một khám phá riêng. Đỗ Quý Toàn đã làm thơ còn cất công viết về thơ. Ông có khiêm nhượng dùng chữ "tiệp ký" (viết khi nhàn tản), người đọc vẫn thấy thâm cảm lòng yêu thơ của tác giả và thiện ý của ông với độc giả khi thấy ông công phu tìm hiểu và luận về thơ, rồi viết lại và in thành sách. Ông không viết để độc giả hiểu về thơ Đỗ Quý Toàn, điều hết sức đáng mến ở tác giả và cuốn sách, mà để chia sẻ những cảm nghĩ của nhà thơ khi sáng tác và có lẽ là để trao cho độc giả những mối chỉ dẫn dắt tới vũ trụ thơ nói chung.

Chẳng biết gì về thơ, nhưng là trường hợp rất phổ biến mà Đỗ Quý Toàn có viết trong bài dẫn vào tập sách, tức là thành phần yêu thơ nhờ những yếu tố thuộc về cảm xúc được hấp thụ từ tấm bé, tôi xin ghi lại những suy ngẫm của mình khi thong dong bước theo sự khám phá của ông.

*

Mượn ý tác giả *Hồng Lâu Mộng*, Đỗ Quý Toàn nhắn những người thích làm thơ hãy chịu khó đọc nhiều thơ. Rồi, y như lời Trương Tam Phong dạy Vô Kỵ, đọc xong, hãy quên đi. Đấy là sau khi đã thấm nhập chất thơ của tiền nhân. Nếu không, người sau vẫn chỉ quẩn quanh trong những vòng thơ của người trước, có khi còn bị cái nạn Cao Bá Quát có cảnh giác: "ăn món ăn của cổ nhân mà không tiêu hóa được". Làm sao thấm nhập, làm sao bước vào vườn thơ của người trước mà biết lối ra? Làm sao để khi ra không đem theo những chùm hoa héo, ngắt từ trong vườn người xưa dắt lên mình?

Một yếu tố được tác giả mở ra cho người đọc là ngoài phần cảm hứng phải sâu và mạnh (Tình), được nuôi dưỡng từ cái vốn của đời sống phong phú trong một tâm hồn tế nhị (Tính), người làm thơ còn cần

"ngâm tẩm hong phơi" hai phần Tình và Tính đó trong ngôn ngữ. "Nếu không được hít thở tiếng Việt luôn thì có ngày nguồn cảm hứng bằng ngôn ngữ sẽ cạn." Kinh nghiệm "ngâm tẩm hong phơi" nơi mỗi người làm thơ lại mỗi khác và có lẽ phải nổi lên từ những cảm hứng thật (ngược với "cảm hứng vờ" chữ của tác giả nhắc lại nhận xét của Thanh Thảo), nếu không thì sẽ chỉ là kinh nghiệm "mượn hoa" trong vườn cũ. Khi đó, ngôn ngữ có phong phú thì cũng chỉ làm bài thơ thành ra trơn, tròn mà sáo và rỗng mà thôi. Thơ quả là trò chơi ngôn ngữ nhưng là một trò chơi công phu nhất.

Trong lãnh vực âm nhạc, người viết cũng có đôi lúc bắt gặp những cảnh vay mượn này và có nghiệm ra một điều, được thấy Đỗ Quý Toàn nhắc tới: muốn làm thơ phải chịu khó đọc thơ. Đọc càng ít càng bị gò bó, đọc càng nhiều càng thoát khỏi ảnh hưởng của các thi sĩ đời trước. Bây giờ người Việt hải ngoại đã có điều kiện đọc cả thơ thế giới, có thể nhờ vậy mà cả người viết lẫn người đọc, người sáng tác và người thưởng ngoạn, sẽ tinh tường hơn, khó tính hơn. Khi đã biết rằng làm thơ phải có cảm hứng thật, tâm hồn thuần phác và ngôn ngữ phong phú, những người yêu thơ - đông hơn người làm thơ, dĩ nhiên - đã có vài viên sỏi trắng lần dẫn vào con đường của thế giới thơ.

Lúc đó mới thấy cái chuyện thơ quả khó nói.

*

Từ thuở ấu thơ, người Việt mình hình như ai cũng được tẩm đậm trong không khí thơ nhờ tiếng ru em, những lời đối ngẫu có vần có điệu, những câu ca dao êm ái du dương. Thuở đó có được hỏi thơ là gì thì mình nghĩ tới vần và điệu, nhất là vần. Khôn lớn lên mình mới biết là vè cũng có vần, và chỉ có vần, nên khác với thơ. Chê thơ ai chỉ cần nói giống như vè là cũng đủ... nhớ nhau suốt đời.

Đỗ Quý Toàn có phăng ra cho người đọc một mối nữa là sự rung động rất chủ quan ở mỗi người khi đọc thơ. Bài thơ như một cung đàn, nếu gây được những rung động trong tâm hồn của người đọc thì được khen là thơ "hay". Giữa cảm xúc và ngôn ngữ của người làm thơ với người đọc thơ phải có một cái gì đó đồng điệu. Thơ quả không dịch được, cùng với Frost (và Coleridge trong một ý khác) Đỗ Quý Toàn thường nhắc như vậy. Lời dịch chỉ chuyên chở phần ý mà khó dẫn ra phần tứ và càng khó làm nổi lên những cảm xúc chung giữa tác giả và độc giả vốn chỉ có thể truyền đạt bằng ngôn ngữ, một vốn liếng văn hóa chung và trình bày theo một cách riêng.

Trong thơ, mỗi chữ lại như một tín hiệu, một mật ngữ, khơi lên vô

số những ấn tượng hay liên tưởng trong tâm hồn người đọc thơ. Như vậy ở người này một bài thơ có thể tầm thường, người khác lại thấy mình rưng rưng xúc động. Thơ hay dở là nhận thức chủ quan của người đọc.

Nói tới nhận thức chủ quan của người đọc thơ, một lần nữa chúng ta lại thấy người yêu thơ càng có tâm hồn rộng mở càng có nhiều hy vọng cảm nhận được những rung động lớn của con người, của nhiều người. Sự tinh tế nhận ra nét độc đáo trong cách diễn tả của bài thơ để chia sẻ cái chung mà rất riêng tây đó là mối khác biệt giữa người sành hay không. "Thơ hay nhất là khi làm người đọc nghĩ chính họ là tác giả", Đỗ Quý Toàn viết như vậy. Nhưng, cũng giống như âm nhạc, những bài thơ dễ hiểu, dễ nhớ thường được độc giả chung chung ưa thích, còn những bài thơ độc đáo hay mới lạ thường kén người đọc hoặc là lâu thấm trong giới quần chúng. Đây là hoàn cảnh mà người xưa đã ví von "khúc hát càng cao càng ít người thưởng ngoạn".

*

Làm thơ là phải đọc nhiều mà đọc thơ cũng phải đọc nhiều nữa. Đọc nhiều chưa đủ, phải sống thật và sống nhiều và để tâm hồn ngập ứ những chất thơ như những hệ tín hiệu bén nhạy, sẵn sàng cảm nhận được cái đẹp bằng trực giác chứ không bằng lý luận. "Sống hời hợt thì rung cảm nghèo nàn. Rung cảm độc đáo bật ra tiếng nói độc đáo". Chỉ cần một câu bật ra đúng với ký hiệu là lập tức "trùng trùng duyên khởi", phút chốc thế giới bàng hoàng đổi khác.

Tính, tình, ngôn ngữ, vần điệu, sự cảm thông giữa chìa khóa ký hiệu của người làm thơ và hệ tín hiệu tích lũy trong tâm hồn người đọc thơ... đấy là một vài mấu chốt Đỗ Quý Toàn trao cho người đọc, trên nẻo đường tìm thơ.

Tôi thấy hứng thú nhất khi tác giả dành một chương viết về ma lực của tiếng nói trong thơ, như một câu thần chú.

Điểm lý thú và có lẽ sẽ còn cần nhiều lý giải khác là nếu kinh nghiệm sống của con người làm thay đổi tiếng nói thì "chính cách nói năng của chúng ta thay đổi cách chúng ta cảm thọ thế giới". Tôi nghĩ rằng nhận xét này phản ảnh tinh thần rất Thiền của tác giả. Tác dụng có tính chất ma lực của tiếng nói được phát huy mạnh mẽ nhất trong tiếng nói thơ. Có phải vì vậy mà bên cạnh mỗi bạo chúa người ta thường thấy xuất hiện một "nghệ sĩ" thủ cả vai tiên tri bói toán lẫn hô phong hoán vũ bằng ngôn ngữ để huy động thiên hạ? Tôi liên tưởng tới Mayakovsky, Alfred Rosenberg hay Quách Mạt Nhược. Tai hại nhất cho thơ, và tiếng nói, là khi nó bị tước bỏ hết ma lực vì được sử dụng

quá nhiều đến độ mất hết tính quyến rũ nguyên thủy. Đây là trường hợp thơ hay mà tụt xuống thành vè với hai tác giả tiêu biểu là Tố Hữu cùng Chế Lan Viên.

Chính là trong hoàn cảnh này người ta mới có nhu cầu "làm mới ngôn ngữ", có khi chỉ là đơn giản là trả lại cho ngôn ngữ sự giản dị chân thành. Làm mới thi ca có thể chỉ là nói tiếng chí thành. Một học giả Tây phương có đề nghị một tiêu chuẩn đo lường mức độ giải cộng thực hay giả, đổi mới có hay không, là tình trạng từ bỏ lối ngôn ngữ nói lấy được, lối người Pháp gọi là *langue de bois*. Bao giờ thấy lại được sự tinh ròng trong tiếng nói, ta có thể thấy thơ lại lên ngôi, với sức thần diệu là làm ta sống tuyệt vời chứ không sống theo khẩu hiệu, dù là thứ khẩu hiệu có vần có điệu.

*

Nhưng, như vậy thì nói sao về những kỹ thuật làm mới ngôn ngữ?

"Thơ trở thành thơ vì đó là tiếng nói đưa ta ra khỏi lối nói hàng ngày". Chuyện thơ quả khó nói. Độc đáo khác lập dị mà nông cạn ở chỗ nào? Đơn giản khác xuông đuột nôm na ở đâu? Thơ sáng và tối khác nhau làm sao? Từ một câu thông thường, bỏ phép tỷ giảo, đổi cách chấm câu, cất động từ, ngắt giới từ, hoặc chuyển đảo động từ thành danh từ, vân vân... thi sĩ đã có thể tạo ra những ấn tượng ý niệm mới, đánh thức những cảm xúc xưa cũ bằng những rung động khác lạ. Giữa một câu viết sai văn phạm với một câu thơ hay không chỉ là một kỹ thuật về ngữ pháp mà là một nghệ thuật. Người làm thơ hay, theo như chỗ tôi hiểu, không chỉ vung ra tung tóe những từ, những câu, những nhóm chữ và dụng công ghép nối lại một cách "không trật tự" thành những câu mới lạ, nghe như âm nhạc hiện đại, rất *dissonnant* là được. Cái khó, và cái hay, không chỉ ở chất mới lạ, để chóng thoát khỏi vòng thơ của người trước, mà có lẽ là ở khả năng đón bắt độc giả ở nơi bất ngờ nhất.

Nếu chỉ như vậy, có lẽ khó ai vượt lên lối thơ hài cú Nhật Bản hay chấm phá của Trung Hoa thời trước với những từ vừa (có thể hiểu) là danh từ lẫn động từ, và với lối viết không chấm phẩy, không ngắt câu. Tùy theo trình độ người đọc (khả năng ngắt câu cho đúng ý tác giả và khả năng thấu hiểu ngôn ngữ Trung Hoa) mà mỗi người lại cảm nhận một cách, dường như cách nào cũng mới mẻ, có khi còn mới hơn cả ý người viết. Đỗ Quý Toàn có nhắc đến hai câu thực trong bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du ("Thăm Chùa Thiền Tông") với cách ghép từ, ngắt câu và hiểu một danh từ ra động từ làm bài thơ khác hẳn ý nghĩa. "Lúc đó cả một thế giới bị đảo lộn" như ông viết. Tôi nghĩ đến kinh nghiệm

của Tô Đông Pha hiểu sai ngắt lộn thơ của Vương An Thạch, cho tới khi ông bị đi đầy mới thông tỏ và vỡ ra sự thâm thúy của họ Vương trong cả bài thơ và lẫn cái cách chỉ ra chỗ nông cạn của ông.

Cái khó là làm sao người đọc không nhìn ra dụng công "đảo mới" của tác giả, để thấy tất cả đều bất ngờ mà tự nhiên, từ ý tưởng đến ngôn ngữ. Hiểu như vậy e rằng không dễ, mà viết được như vậy nghe chừng còn khó hơn nữa! Đỗ Quý Toàn dẫn Wittgenstein: "Thiên tài là khi nào mình không nhận thấy có kỹ thuật" và Pasternak: "Chỉ có sự bình thường là thực sự kỳ diệu khi được bàn tay của thiên tài chạm tới". Tôi còn nhớ mang máng Kim Thánh Thán cũng có một ý tương tự khi so sánh thợ vẽ với thợ trời. Giữa cái bất ngờ mà tự nhiên, dụng công mà không thấy kỹ thuật, bình thường mà kỳ diệu, lằn ranh quả là mong manh hư ảo. Nhưng, dù không giải ra được cho rõ, người đọc vẫn có thể phân biệt được ngay những thói xạo đẽo gọt để làm mới ngôn ngữ, với những tác phẩm có giá trị.

Điểm cần nói thêm là ở từng thi sĩ, nhất là ở những thi sĩ đã có quần chúng thưởng ngoạn, có độc giả, tức là có tác phẩm có giá trị, việc làm mới thi ca vẫn là một nhu cầu. Nhiều người xuất hiện với những tác phẩm khá hay, và sau đó cứ loanh quanh trong vòng rực rỡ cũ mà không thoát ra được nữa. Họ không bị tiền nhân đè nén mà bị chính họ cầm tù. Đau buồn nhất là hình ảnh và ngôn ngữ độc đáo mới lạ của họ lúc ban đầu cũng trở thành ước lệ. Về trường hợp này, tôi nghĩ tới một câu nói của Phạm Duy. Trong mạch chuyện ông nói về việc đã qua Pháp học nhạc mấy mươi năm về trước: "Tôi đi vào âm nhạc, và đi ra chứ không ngồi trong đó". Nói về Phạm Duy, cố nhạc sĩ Vũ Thành nhận xét rằng ông là người thành công nhất chính là vì ông Việt Nam nhất. Phạm Duy học nhạc xong là đi về làm nhạc với cảm xúc và ngôn ngữ Việt Nam. Ông làm mới nghệ thuật của ông với những chất liệu rất gần gũi với người nghe. Ông đi ra được cũng là một cách thoát ra khỏi sự cầm tù của chính mình. Đỗ Quý Toàn có nhận xét về những nét mới trong thơ Trần Dạ Từ sau 1975, ở bên ngoài, tôi nghĩ tới thơ Du Tử Lê.

*

Trong các bộ môn nghệ thuật, thơ được người đời chiếu cố đông đảo nhất. Ai trong tuổi học sinh mà đã chẳng len lén làm thơ và... giấu biến đi? Nhưng thơ cũng là bộ môn ít người thành công nhất, vì những đòi hỏi sâu sắc người đọc nghiệm ra từ tập sách của Đỗ Quý Toàn. Tại Việt Nam, thơ cũng là lãnh vực được nhiều người thưởng ngoạn mà trong giới thưởng ngoạn ít người cảm được tới xương tủy của thơ. Tôi nghĩ rằng làm thơ khó, hiểu được thơ cũng không dễ, nhưng hiểu được đủ để

yêu thơ sâu đậm hơn là một tiến trình học hỏi của não bộ đi cùng sự cảm thụ của con tim. Trong ý hướng đó, tập sách của Đỗ Quý Toàn là một tập sách quý.

Đỗ Quý Toàn viết 18 bài tiệp ký trên không phải là trong một lần ở một khoảng thời gian ngắn như một tài liệu thống nhất. Ông đã viết đi viết lại nhiều lần, có khi ngay cả trong lúc sáng tác, và truyền cho người đọc một phần những suy tư khám phá của mình trong tiến trình vừa làm thơ vừa tách mình ra khỏi cảm hứng thơ nhìn vào sự việc làm thơ của mình. Với kinh nghiệm phong phú khi làm thơ và sự hiểu biết uyên bác khi học hỏi thêm về thơ việc thi sĩ viết về nghệ thuật thơ là một sự gặp gỡ kỳ thú. Sự chân thực và tính trào phúng của tác giả càng khiến người đọc dễ say mê theo dõi những tìm kiếm của ông. Vì vậy mà các bài tiệp ký có một sắc thái khác với những tập khảo luận về thơ.

Trong nhiều bộ môn khoa học nhân văn, người ta thường nghe nói rằng cách hay nhất để học hỏi về một lãnh vực nào đó là viết sách giảng dạy về chính lãnh vực đó! Đã viết là phải đọc, phải học và phải hiểu. Riêng trong thế giới thơ, tôi không tin rằng trường hợp đó đã đúng. Ở Đỗ Quý Toàn, trường hợp đó hoàn toàn sai vì ông luận giải về thơ với tài hoa đã có và kinh nghiệm đã chín mùi, của một nhà thơ. Khác với những trường hợp luận giải về thơ rất mô phạm, tập sách của Đỗ Quý Toàn sẽ làm người ta yêu thơ nhiều hơn, vì cảm được thơ thấm thía hơn. Đọc *Tìm Thơ Trong Tiếng Nói* người ta không thể biết làm thơ, chẳng ai làm thơ như vậy cả, nhưng người yêu thơ có thêm những hiểu biết cần thiết để thưởng ngoạn thơ sâu đậm hơn.

Tôi biết là nhiều nghệ sĩ đã phải buông bỏ cái nghiệp sáng tác của mình và thành công hơn trong vai trò mô phạm, giảng dạy về bộ môn sáng tác mình đã say mê. Trong tập sách, người đọc có thoáng thấy lời báo động của tác giả khi ông viết là cái tâm của mình đã bắt đầu thành chi ly lý luận, mất vẻ hồn nhiên thuần phác thuở làm thơ. Tôi nghi rằng ông dọa chơi như vậy thôi và chúng ta sẽ còn được đọc thơ tác giả "Mùa Xuân Yêu Em"... dài dài.

Quỳnh Giao
Tháng Ba, 1993.

(*)Tìm Thơ Trong Tiếng Nói, Tiệp ký của Đỗ Quý Toàn, Thanh Văn xuất bản, 1992.

THANH NGUYỄN

đọc "un excommunié..." của nguyễn mạnh tường

1- DẪN NHẬP

Sách viết bằng tiếng Pháp, với cái tựa đầy đủ của nó là: "Un excommunié Hànội 1954-1991: procès d'un intellectuel" ("Một kẻ bị khai trừ - Hà Nội 1954-1991: vụ án một trí thức"). Tác giả Nguyễn Mạnh Tường. Nhà xuất bản "Quê Mẹ", Paris 1992, 346 trang kể cả phần dẫn nhập của Võ Văn Ái; (riêng phần của tác giả là 331 trang).

Ông Nguyễn Mạnh Tường sinh năm 1909. Ông học trung học ở trường Paul Bert và Albert Sarraut tại Hà Nội. Năm 16 tuổi đậu tú tài Pháp. Năm 1927 ông đi Pháp, học Luật và Văn chương tại Viện Đại học ở Montpellier, một thành phố nằm ở bờ biển Địa Trung Hải, phía Tây của thành phố Marseilles. Năm 1932, ở cái tuổi 22, ông đậu một lúc hai cái bằng Tiến sĩ: Luật và Văn chương. Trở về nước, ông mở văn phòng luật sư tại Hà Nội và đồng thời giảng dạy văn chương Pháp và Tây phương ở Đại học.

Trong ngành nghề Luật sư thời đó, ông là Thủ lãnh Luật sư đoàn.

Năm 1945, Việt Minh cướp chính quyền ở Hà nội, ông theo Mặt trận Việt Minh. Năm 1946, trong phái đoàn Việt Minh ở Hội nghị Đà Lạt với Pháp, có ông tham dự do việc Hồ Chí Minh yêu cầu ông thảo lập trường quan điểm về mặt chính trị cho phía Việt Nam ở Hội nghị. Cuối 1946, sau khi mọi thỏa hiệp và điều đình với Pháp thất bại, rồi Pháp tái chiếm Hải Phòng và tiến vào Hà Nội thì chính phủ Hồ Chí Minh kêu gọi "Toàn Quốc Kháng Chiến". Ông Nguyễn Mạnh Tường cống hiến nhà cửa ở Hà Nội cho kháng chiến, cho "nhân dân", rồi vào chiến khu.

Thời gian kháng chiến, ông tham dự Hội nghị Bắc Kinh vào năm 1952, và Hội nghị Vienne năm 1953. Năm 1955, ông cùng toàn thể

quân cán chính trở về tiếp thu Hà Nội. Năm 1956, ông được Đảng và Nhà Nước cử làm Trưởng phái đoàn Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đi tham dự Hội nghị Bruxelles của các "Luật Gia Dân Chủ Thế Giới". Ông có sứ mạng đưa vào nghị trình ở Bruxelles "cuộc chiến đấu giành tự do tiến đến thống nhất tổ quốc của đồng bào miền Nam đang sống dưới chế độ thực dân mới của Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm". Thoạt đầu ban tổ chức Hội nghị không đồng ý vì tôn chỉ của Hội nghị là họp để thảo luận về các biện pháp bảo vệ và duy trì hòa bình thế giới, chứ không để cổ vũ đấu tranh. Ông Tường kèo nài mãi, rốt cuộc ban tổ chức Hội nghị đồng ý triển hạn phiên bế mạc 15 phút để đại biểu của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa lên micro. Kết quả thì Trưởng phái đoàn Nguyễn Mạnh Tường vẫn lên được micro để cổ vũ cho "cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam Việt Nam" và đề mục này cũng đã được đưa vào nghị quyết của Đại hội. Trên đường trở về nước, ông cùng phái đoàn Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ghé thăm hữu nghị các đồng chí Luật gia ở Tiệp và Liên Sô. Cùng thảo luận với họ về hướng đóng góp của các luật gia trong việc góp ý với Đảng và Nhà Nước ở xứ sở mình, làm sao cho các Đảng và Nhà Nước đó đừng càng ngày càng sa vào cái hố độc đoán, áp bức, phi nhân. Trở về nước, trong bối cảnh của một cuộc Cải Cách Ruộng Đất đã thất bại, đã gây ra không biết bao nhiêu là tội ác, và phong trào "Trăm Hoa Đua Nở, Trăm Nhà Đua Tiếng" từ Trung quốc lan qua, dẫn đến phong trào "Nhân Văn", "Giai Phẩm" ở Hà Nội, thì về phần ông Nguyễn Mạnh Tường, ông đã lên đến tột đỉnh của "danh vọng" dưới chính thể Cộng sản. Danh mục các chức tước của ông: 1- Khoa trưởng trường Đại học Luật khoa (đang chờ ngày giải thể); 2- Phó Chủ tịch Hiệp hội các Luật gia (một ngành nghề đang chờ bị giải thể); 3- Thủ lãnh Luật sư đoàn (một đoàn thể đang chờ ngày bị giải thể); 4- Phó Khoa trưởng trường Đại học Sư phạm; 5- Giáo sư trường Đại học Tổng hợp, phụ trách môn Văn chương châu Âu; 6- Ủy viên Trung ương Mặt Trận Tổ Quốc; 7- Thành viên Mặt Trận Tổ Quốc Hà Nội; 8- Thành viên hội Hữu nghị Việt Pháp; 9- Thành viên hội Hữu nghị Việt Sô; 10- Thành viên Ủy ban Bảo vệ Hòa bình Thế giới; 11- Chủ tịch Sáng lập viên Câu lạc bộ trí thức Đoàn kết. Người ta mời ông vào Đảng từ năm 1951 khi còn ở chiến khu nhưng ông đã từ chối. Nhưng để khỏi bị tình nghi là không có lập trường chính trị, ông gia nhập đảng "Xã Hội", một trong hai cái "Đảng" (cái kia là đảng "Dân Chủ") mà Cộng sản sử dụng như hình thức để tuyên truyền với thế giới là mình cũng "đa đảng, đa nguyên" như ai! Trong sách của mình, ông Nguyễn Mạnh Tường xác định rằng trong ngần ấy cái chức, cái tước,

không có cái nào ông tự ý mình xin được lãnh nhận. Tất cả đều do Đảng và Nhà Nước gán ghép. Từ chối thì hóa ra là chống đối, bởi thế ông đành nhận. Thế rồi thì với phong trào "Nhân Văn" "Giai Phẩm" đang rầm rộ, Đảng và Nhà Nước cử người mời ông tham gia đóng góp vào cao trào "Trăm Hoa". Ý Đảng và Nhà Nước thì muốn mượn ông góp tiếng để chấn chỉnh số văn nghệ sĩ trí thức đang đặt lại đủ thứ vấn đề với Đảng đương quyền. Nhưng ông lại tuân thủ tiếng nói lương tri của người trí thức để góp ý với Đảng và Nhà Nước là nên tạo điều kiện cho nhân dân được tự do nói lên những điều họ cho là sai trái hay bất công, bởi có như thế thì Đảng và Nhà Nước mới biết đường mà tự sửa mình để rồi mới có thể tạo dựng hạnh phúc và an lạc cho dân. Đích danh Xuân Thủy, Ủy viên Trung ương Đảng, gợi ý cho ông làm một buổi nói chuyện trước Ủy ban Mặt Trận Tổ Quốc Hà Nội về đề tài "Dân chủ ở Âu châu và ở Pháp". Tham dự buổi "Nói chuyện" vào ngày 30-10-56 đó ở trụ sở Mặt Trận Tổ Quốc Hà Nội có cả Bí thư thứ nhất của Đảng "Lao Động Việt Nam" là Trường Chinh tham dự. Đảng tính mượn diễn đàn của Mặt Trận Tổ Quốc, qua lời lẽ của nhân vật trí thức tầm cỡ thời ấy là Nguyễn Mạnh Tường, để cảnh tỉnh các văn nghệ trí thức đã ló mòi chống Đảng. Thay vào đó thì nhà trí thức Nguyễn Mạnh Tường lại lên lớp, dạy cho Đảng thế nào là con đường nên đi, phải đi nếu như muốn nói đến hai chữ "Dân Chủ". Bài nói chuyện của ông tựa là: "Từ những sai lầm của chính sách Cải Cách Ruộng Đất, thử phác họa một quan điểm về chính quyền". Nghe xong, các đồng chí cao nhất của Đảng thì bề ngoài một mực khen hay. Khen đến cái độ mà Xuân Thủy đề nghị tác giả bài nói chuyện cho xin nguyên bản của bài nói chuyện để về nghiên cứu nội bộ, để rồi còn tìm cách tiếp thu những ý kiến quý báu đã được đóng góp. Thực tế là Đảng và Nhà Nước cần có tài liệu cụ thể, giấy trắng mực đen để tính sổ với nhà trí thức Nguyễn Mạnh Tường! Ông Nguyễn Mạnh Tường cho đánh máy hai bản và giao tận tay Xuân Thủy. Thế rồi liền sau đó, Đảng tri hô lên rằng một trong hai bài lại lọt vào tay "địch". Ở phương Tây người ta cho phổ biến bài "nói chuyện" của ông Nguyễn Mạnh Tường. Thế là bắt đầu một cuộc vùi dập!

Người ta lôi ông ra trước Mặt Trận Tổ Quốc để các "đồng chí" trong Mặt Trận hỏi tội ông. Người ta lôi ông ra trước trường Đại học Tổng hợp để một học trò cũ và một đồng nghiệp mới thay nhau hạch tội ông. Sau cùng người ta lôi ông ra trước phiên họp kín và giới hạn (chỉ có ông và ba "phán quan") ở đảng Xã Hội để đảng Xã Hội "xét xử nội bộ" ông! Cả ba lần đối chất ông đều biện bác hùng hồn, rạch ròi, vững vàng theo quan điểm là lập trường của người trí thức được đào tạo theo dòng nhân

văn văn hóa dân tộc và Tây phương. Và những kẻ buộc tội ông cũng không phải là tay mơ. Họ cũng nghị luận vững chắc, rạch ròi và hùng biện. Chỉ có một điều cơ bản khác với ông: họ biện chứng theo quan điểm "nhân bản", theo thế giới quan về "văn hóa" của người tin theo giáo điều Cộng sản! Kết quả: Đảng và Nhà Nước không hề buộc ông vào tội gì; bởi Đảng và Nhà Nước đâu có xét xử gì ông! Ông là thành viên của Mặt Trận Tổ Quốc, tức một đoàn thể quần chúng, thì "đoàn thể" (Mặt Trận Tổ Quốc) thấy ông sai trái, họ có ý kiến với ông. Ông là giáo sư trường Đại học, Trường thấy ông sai trái thì họ cũng đã có ý kiến với ông. Ông là đảng viên đảng Xã Hội, đảng này thấy ông sai trái thì họ cũng đã có ý kiến với ông. Đảng và Nhà Nước chẳng có ghét bỏ gì ông, thế nhưng các đoàn thể quần chúng, trường Đại học, rồi đảng Xã Hội của ông người ta tẩy chay ông, bây giờ chả lẽ Đảng và Nhà Nước lại đi tiếp tục giữ ông ở các cương vị đương nhiệm? Bởi thế mà Đảng và Nhà Nước tuy tiêu diệt ông nhưng là qua tay người khác! Thoạt đầu họ cho người đến "nói riêng" để ông "biết đường lo liệu" mà chuẩn bị hành trang lên đường cải tạo. Đánh tiếng như thế rồi, rốt cuộc Nhà Nước vẫn không đưa ông đi cải tạo! Đảng sử dụng cái ngón độc ác nhất đối với người trí thức nhậy cảm và đa suy tư: họ để cho ông tự lý giải một cách "logique" là trước sau gì cũng bị bỏ tù, rồi họ cho người đánh tiếng để ông sửa soạn đi tù, nhưng họ không làm cái động tác đó, họ cứ để cho ông hết ngày này qua tháng nọ sống với tâm trạng là đêm hôm qua chúng nó chưa đến bắt giải đi thì thể nào đêm nay hoặc chậm lắm là đêm mai chúng nó cũng đến đưa mình đi! Và cạnh đó thì cái nghề luật sư bị giải thể: bao nhiêu chức tước và cương vị của ông trong ngành đều tự động tiêu ma. Trường Đại học người ta không xếp giờ cho ông đến dạy học. Đảng Xã Hội người ta không mời ông đi họp. Mặt Trận Tổ Quốc cũng không mời ông đi họp. Không làm thì tất nhiên là không ăn, không được cấp phiếu lương thực, v.v... Điều đó là tất yếu thôi; chứ Đảng và Nhà Nước đâu có làm gì ác đức đối với ông? Đảng và Nhà Nước chỉ có một "biện pháp hành chính" rõ nét đối với ông là: sau khi ông bị thất sủng thì bất cứ một người nào lăm le quan hệ với ông đều bị công an nhân dân hỏi thăm sức khỏe. Thế là bắt đầu một chặng đường trên 30 năm đói kém, cô đơn, sợ hãi.

Năm 1989 chả hiểu sao, tuy vẫn không đối xử tử tế gì hơn đối với ông về mặt vật chất, người ta vẫn mau mắn cấp giấy thông hành cho ông đi Pháp thăm các chỗ tình cũ nghĩa xưa. Trong sách, ông gọi nước Pháp là "Tổ quốc của trí tuệ" của mình; thế nhưng sau ngần ấy năm khốn khổ dưới chế độ Cộng sản thì Đảng và Nhà Nước lại cấp giấy

thông hành cho ông trong vòng có hai tháng, trong khi chính quyền nơi "Tổ quốc của trí tuệ" của ông (chính quyền của Đảng Xã Hội Pháp!) lại bắt ông chờ "de longs mois" trước khi cấp chiếu khán cho ông; (sách đã dẫn, tr. 339). Ở cái điểm này thì ông mỉm cười chua chát trong sách là "thế giới đã đảo lộn": cái thằng nó làm khổ mình bao nhiêu năm thì bây giờ lại dễ dãi với mình về mặt thủ tục giấy tờ hơn là cái anh ở nước xưa giờ mình vẫn coi như một trong những đốm sáng của văn minh nhân loại! Ông đi rồi ông lại trở về Hà Nội. Đoạn đời về sau này, nhờ bán xới được bàn ghế tủ gụ loại quý trong nhà cho một Việt kiều ở Mỹ về thăm nước nên cuộc sống cơm áo của ông có phần đỡ khổ hơn; và bạn bè ở nước ngoài thỉnh thoảng vẫn có gửi quà về giúp đỡ chút ít. Ông hoàn thành xong bốn tác phẩm: 1- Các chủ thuyết Sư phạm của Âu châu, từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 18 (từ Érasme đến Rousseau); 2- Eschyle và nền bi kịch của Hy Lạp; 3- Bản dịch tác phẩm "Oresteia" của Eschyle ra Việt ngữ, với phần nghiên cứu cho vào dẫn nhập; 4- Virgile và thiên sử thi La Tinh. Mỗi tác phẩm gồm 500 trang đánh máy. Ông đã đệ trình các tác phẩm vừa nêu lên các Ủy ban thuộc Trung ương Đảng, đặc trách về Giáo dục và Văn học Nghệ thuật. Các đồng chí hữu trách đều ngợi khen công trình trước tác của ông, tuy ngỏ ý tiếc là vì thiếu ngân khoản nên Nhà Nước không cho in được. Toàn bộ ước mong của ông về mặt trí tuệ là làm sao kết hợp, qua các công trình nghiên cứu của mình, hai nền văn minh Đông và Tây. Ông mơ ước làm được cái điều mà Rudyard Kipling cho rằng không có cách chi làm được; ("Đông là Đông, Tây là Tây, v.v...").

2- HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG CỦA SÁCH

Quyển "Un Excommunié..." được viết bằng tiếng Pháp. Sách gồm ba phần.

Phần I tựa là "La Montée au Capitole" (Đoạn đường dẫn đến đài danh vọng: tất cả các phần dịch thuật trong bài tiếp đây đều do người viết bài này) lược một số diễn biến trước ngày tác giả trở về Hà Nội vào năm 1955; kể về một số suy nghĩ tiêu cực của ông đối với các lãnh đạo và chế độ Cộng sản ngay từ thời đó; kể thời gian liền sau khi ông trở về Hà Nội; thêm những nhận định tiêu cực mới của ông về Đảng và Nhà Nước sau ngày hòa bình trở lại; kể về tình hình trong Nam và Hội nghị Bruxelles ở Bỉ; kể về các cuộc đối thoại với đoàn Luật gia Tiệp và Liên Sô trước ngày ông trở về Hà Nội.

Phần II gồm 9 mục (tạm gọi thế, bởi dưới mỗi phần trong sách chỉ có liệt kê các thứ tự cho từng đề tài chính):

1- "Tờ Nhân Văn và các tờ Giai Phẩm": Kể bối cảnh của tình hình thế giới các nước Cộng sản đàn anh thời đó: bên Liên Sô khi Khruschev tố cáo tội ác Staline dẫn đến giai đoạn dễ thở hơn một chút về mặt chính trị, tư tưởng, học thuật; bên Tàu khi Mao khởi xướng phong trào "Trăm Hoa", khiến cho Cộng sản Việt Nam cũng bắt chước làm theo. Chỉ có khác là ở miền Bắc lúc đó vừa qua thảm kịch của vụ Cải Cách Ruộng Đất; trí thức văn nghệ sĩ miền Bắc bèn nhân cơ hội thẳng cánh đặt vấn đề tự do sáng tạo, tự do được làm... người với Đảng. Chuyện rắc rối sắp sửa diễn ra.

2- "Chân dung một thẩm phán Việt Nam": Vẽ chân dung một tay quan lại thuộc thời thực dân, thời triều đình Huế, có căn bản về luật, đến thời kỳ đi theo kháng chiến rồi trở về Hà Nội sau ngày hòa bình 54 thì gắng sức đái công chuộc tội. Cái đám này sẽ đỏ còn hơn Cộng sản thứ thiệt. Và Cộng sản sẽ dùng loại người này để xử các tay "phản loạn" trong phong trào Trăm Hoa. Ý của Đảng là: "Đấy! Người xử bọn các anh là người cũ nay đã giác ngộ chứ chả phải là dân gốc gác vô sản hay bần cố nông như cánh Cộng sản thứ thiệt của chúng tôi".

3- "Tiếng sấm báo hiệu cơn mưa giông": Kể lại sự thể là chẳng bao lâu sau vụ Trăm Hoa ở bên Trung Cộng thì người ta mới vỡ nhẽ ra rằng Mao Trạch Đông giăng bẫy để nhử đám người có tư tưởng chống đối xuất đầu lộ diện. Và liền đó thì Mao cho khởi xướng vụ "Cách Mạng Văn Hóa" để thả bọn "Vệ Binh Đỏ" ra càn quét một cách cực kỳ dã man và đẫm máu. Cộng sản Việt Nam lập tức theo đuôi. Vụ án đầu tiên có liên quan đến một Giáo sư Đại học Văn khoa, bị kết tội là nhồi nhét tư tưởng bi quan, lãng mạn, phản cách mạng vào đầu giới trẻ khi diễn giảng và có khuynh hướng cổ xúy cho các tư tưởng trong thơ Lamartine.

4- "Màn đấu bò đầu tiên tại Mặt Trận Tổ Quốc": Kể việc Mặt Trận Tổ Quốc hỏi tội ông.

5- 6- 7- "Màn đấu bò thứ hai tại trường Đại học Tổng hợp", "Hai luồng nhân bản", "Hai luồng văn hóa". Ba mục nhưng thực chất là cùng đề cập đến màn "đấu bò" thứ hai. Đối đáp với tay học trò cũ nay lên kể tội thầy, ông tự so sánh ông với học trò như thuộc hai luồng nhân bản khác hẳn nhau: một thuộc truyền thống nhân bản kết hợp truyền thống dân tộc, di sản nhân bản phương Đông và di sản nhân bản phương Tây; còn một thì thuộc kiểu "nhân bản" Mác xít nhưng đến khi được đem ra áp dụng thì lại trở thành một thứ quái thai. Đối đáp với tay đồng nghiệp trẻ được đưa ra để hạch tội mình thì ông cũng lại tự so sánh mình với anh này như thuộc hai luồng văn hóa khác nhau, phát xuất từ hai mạch nguồn khác nhau như vừa nêu.

8- 9- "Màn đấu bò thứ ba tại đảng Xã Hội", "Thái độ của người trí thức trong thế giới Cộng sản". Hai đề mục nhưng thực chất cùng nói về vụ người ta hỏi tội ông trước ba phán quan của đảng Xã Hội. Lập luận của các phán quan là: người trí thức trong chế độ Cộng sản đứng trên lập trường giai cấp nên nhìn và nghĩ theo cách nhìn và cách nghĩ của Đảng. Lập luận của ông, ngược lại, là người trí thức cho dù sống dưới chế độ Cộng sản hay bất cứ một chế độ nào cũng phải nhìn bằng mắt của mình, nghe bằng tai của mình, và nói theo tiếng nói của lương tri mình. Người trí thức, theo ông, "lên tiếng tố cáo những nguyên nhân dẫn đến sai lầm và đề xuất những giải pháp thay thế" (sđd, tr. 228).

Phần III "Chuyến vượt qua sa mạc" Gồm 5 "mục":

1- "Lưỡi gươm trên đầu Damocles" kể những giờ phút chờ đợi sau ba màn "đấu bò". Bây giờ thì chỉ còn chờ công an nhân dân đến dẫn đi tù cải tạo.

2- "Chuẩn bị khăn gói chuyến đi không hẹn ngày về". Cũng vẫn những nội dung suy nghĩ tương tự như ở trên, tuy đến đây thì sự nơm nớp khắc khoải bắt đầu đi đôi với những khó khăn cực kỳ cụ thể trong đời sống hàng ngày.

3- "Thảm kịch của cái đói". Bị cắt hết các nguồn lương thực, ông, vợ ông và con gái ông bắt đầu chịu sự dằn vặt của cái đói. Thoạt đầu thì cúp bữa ăn sáng. Kế đến, thịt cá ngày một thưa thớt trong bữa cơm trưa và cơm chiều. Cho đến cả những ngày mà từ sáng đến tối mỗi người chỉ còn đúng một bát cháo.

4- "Bi hài kịch của những vụ bán xới". Kể việc ông tìm đủ mọi chước để bán xới các thứ đồ đạc của cải trong nhà để có tiền mua đồ ăn thức uống ngoài chợ đen. Tình trạng này kéo dài cho đến cuối thập niên 80; cho đến một ngày đẹp trời sau chính sách "đổi mới", khi có một Việt kiều ở Mỹ về thăm nước, đến mua bàn ghế sập gụ thuộc loại đồ cổ của gia đình ông thì bấy giờ ông mới gặp may. Sau khi hai bên chủ khách ngồi nói chuyện quốc gia đại sự năm châu bốn biển, bấy giờ khách bèn trả ông gấp đôi cái giá mà ông hằng mơ tưởng. (Trước đó, khi một tay mật vụ của nhà nước núp dưới chiêu bài khách hàng đến hỏi mua mớ sập gụ tủ gỗ đó thì thoạt đầu, khi chưa phát hiện ra chân tướng của "khách", ông đã ngỏ ý là muốn bán với cái giá khả dĩ có thể giúp gia đình ông sống lây lất thêm khoảng 15 năm).

5- "Thảm kịch của việc bị khai trừ". Mục kết luận; trong đó có nhắc một số suy nghĩ tổng kết, nhắc chuyện ông đi Pháp vào năm 1989, nhắc đến bốn công trình nghiên cứu mà ông đã hoàn tất và kỳ vọng là sẽ để đời.

3- MỘT SỐ SUY NGHĨ SAU KHI ĐỌC QUYỂN "UN EXCOMMUNIÉ..." CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN MẠNH TƯỜNG

3a- Suy nghĩ thứ nhất:

Cái thú và cái khó khi bàn luận về sách này đối với quảng đại quần chúng độc giả người Việt: Có một câu mà giới lãnh đạo văn học nghệ thuật Cộng sản Việt Nam thường vẫn cho là xuất phát từ "Bác Hồ" của họ. Cái câu ấy là: "Anh viết cho ai?" các nhà làm văn học nghệ thuật đều khẳng định rằng họ viết trên lập trường giai cấp, do đó mà những gì họ viết đều là vì quyền lợi của giai cấp công nông, vì "nhân dân". Và vì Đảng là đội quân tiên phong cho giai cấp công nông nên họ cũng chả lấy gì làm xấu hổ khi mạnh dạn xác định rằng làm văn học nghệ thuật thì trước hết là phục vụ đường lối của Đảng. Ông Nguyễn Mạnh Tường cũng như đám "Nhân Văn", "Giai Phẩm" đi lệch ra khỏi cái quỹ đạo ấy - tuy mỗi bên đều có những cái "đặc thù" riêng của mình - nên các văn nghệ sĩ trong nhóm "Nhân Văn", "Giai Phẩm" mới bị cho vào tù hoặc bị chặt bút, khóa miệng, còn ông Nguyễn Mạnh Tường thì bị bỏ đói suốt 35 năm. Đến khi có ngọn gió "đổi mới" thổi từ Liên Sô rồi Đông Âu qua Việt Nam thì các người cầm bút xưa kia, sau vụ "Nhân Văn", "Giai Phẩm", thuộc hạng quốc doanh đã không ít người hết còn chịu đựng nổi, và phản ứng bằng cách thổi bùng lên ngọn lửa "Nhân Văn, "Giai Phẩm" ngày trước. Họ vẫn tiếp tục viết cho độc giả người Việt ở trong nước là chủ yếu. Họ viết bằng tiếng Việt. Đa số những nhà văn nhà báo, những nhà trí thức Việt Nam sống ở hải ngoại năm 75, từ cô bằng tiến sĩ Tây Mỹ cho chí những trí thức không có đến cái bằng trung học đệ nhất cấp thì tuyệt đại đa số vẫn suy nghĩ, viết lách cho cộng đồng người Việt ở hải ngoại, với không ít ước mơ là những gì mình viết sẽ lọt đến mắt người dân trong nước. Bởi thế họ cũng đều viết sách, viết báo, viết nghiên cứu, viết hồi ký, v.v... bằng tiếng Việt là chủ yếu.

Trường hợp ông Nguyễn Mạnh Tường có cái lạ! Ông viết sách, kể về con đường đau khổ cùng muôn vàn suy tư của ông suốt bấy nhiêu năm dưới chế độ Cộng sản Việt Nam cho độc giả người Pháp và tất cả những ai sành sõi tiếng Pháp! Mà cái giới biết tiếng Pháp đó cũng phải lại là cỡ thượng lưu trí thức, cỡ dân tốt nghiệp đại học, tốt nghiệp về các ngành Sử học, hay Chính trị học, có thêm một cái "minor" về văn chương thì may ra mới lĩnh hội được những điều tác giả muốn nói. Còn bằng không thì đừng hòng! Thử bước ra giữa đường phố Paris, chận một anh người Pháp có gia phả từ đời Pépin le Bref hẳn hoi, rồi hỏi anh ta xem "La Roche Tarpeienne" nó là cái gì? (đấy là tựa đề của đề mục mà người viết ở đây đã dịch "thoát" ra là "Đoạn Đầu Đài").

Đọc hết cuốn "Un Excommunié..." của Nguyễn Mạnh Tường, người viết ở đây thấy rất muốn được dịch nó ra tiếng Việt để "chia sẻ" với những độc giả người Việt không rành tiếng Pháp. "Chia sẻ" cái gì? Cái này: đây là một trong những bản cáo trạng chế độ Cộng sản Việt Nam thuộc hạng đến nơi đến chốn nhất từ trước cho đến giờ. Viết bởi một người xưa kia thuộc lớp người thượng lưu được đào tạo theo Tây học từng ủng hộ đường lối kháng chiến chống Pháp của Cộng sản Việt Nam; khi ủng hộ kháng chiến thì vào chiến khu chứ không nằm ở "thành", vì khi có tư tưởng bất bình dẫn đến sự "góp ý" với Đảng và Nhà Nước thì là ngồi ở Hà Nội mà góp ý chứ không phải từ một vị trí an toàn mà phê phán hoặc chửi suông. Có thương hay ghét, có khen hay chê ông gì đi nữa thì cái điểm đầu tiên cần nói là: đấy là một trong những phẩm giá của kẻ sĩ! Và sau bao nhiêu năm bị Đảng và Nhà Nước vùi dập như thế, đến khi nhìn lại chặng đường đã qua, ông vẫn cẩn trọng trong từng chữ từng câu khi xét đến công và tội của Cộng sản Việt Nam - tuy phần tội ông kể ra suốt 331 trang sách nó lấn át cái "công" chẳng khác gì tỷ lệ của cái "Nhục" nó lấn át cái "Vinh" suốt quãng đời ông sống với Cộng sản. Sau này, khi chế độ Cộng sản Việt Nam chỉ còn là một cơn ác mộng trong ký ức của người dân Việt thì sách của những tác giả cỡ ông Nguyễn Mạnh Tường sẽ là một thứ tài liệu quý giá cho đám hậu sử; vì nó thuộc loại "mách có chứng" chứ không phải cái loại phê phán Cộng sản theo kiểu rẻ tiền! Nguyễn Mạnh Tường khác một Phùng Quán hay một Phan Khôi ở chỗ: sở trường của nhà văn là nói lên cái đẹp cái xấu vây quanh cuộc sống của con người, nói lên cái vui cái buồn, cái sướng cái khổ của kiếp sống của con người, còn sở trường của nhà Sử học, nhà Luật học, Chính trị học, Xã hội học... lại ở chỗ nói lên những cội nguồn sâu xa dẫn đến cái trầm luân sướng khổ đó. Mà xuất phát điểm của mọi thứ tai ương nghịch chướng do chế độ Cộng sản gây ra thì lại thuộc phạm trù chính trị mà ranh giới cùng quyền hạn của nó thì lại thuộc phạm vi của Luật học. Người ta chẳng quan niệm rằng hiến pháp là thứ luật pháp cao nhất của một nước là gì? Nói về cái "phải" cái "quấy", cái "đúng" cái "sai" của một chế độ chính trị thì còn ai có thẩm quyền chuyên môn bằng các nhà Luật học? Mớ tài liệu "sống" do tác giả Nguyễn Mạnh Tường có giá trị trong bối cảnh của một nước Cộng sản Việt Nam là như thế!

Nhưng đọc sách rồi thấy thích là một nhẽ, còn viết bài bình luận về nó bằng tiếng Việt, nhằm thông tin qua lại, trao đổi suy nghĩ giữa những người Việt với nhau thì có chỗ không ổn! Thứ nhất: người viết đây muốn trao đổi suy nghĩ với những người Việt Nam bình thường, mà

đối với độc giả Việt Nam bình thường, trong cũng như ngoài nước, thì khó có thể giả định rằng họ đều sành sõi, nhuần nhuyễn tiếng Pháp! Mà ngược lại thì khi bàn luận về một cuốn sách với người đọc thì nhất thiết phải giả định rằng hoặc họ đã có đọc qua quyển sách rồi, hoặc là rồi ra họ sẽ đọc nó. Nếu họ chưa đọc qua quyển sách đó rồi, hoặc nếu như ít có khả năng là họ sẽ đọc nó, thì hóa ra khi bàn luận về quyển sách là mình nói chuyện với mỗi mình mình hay thêm một số ít người nào đấy? Buồn vui của một đất nước là của chung; do đó bàn bạc về những việc có liên quan đến cái bi cái hùng, cái sướng cái khổ của một đất nước là cốt làm sao bàn bạc với càng đông người càng tốt, chứ không phải làm theo cái kiểu "Câu lạc bộ những nhà Trí thức"! Bởi thế mới dẫn đến cái ý thứ hai; tác giả quyển "Un Excommunié..." gói ghém toàn bộ tấn thảm kịch của đời mình trong quá trình sống với chế độ Cộng sản vỏn vẹn trong 331 trang sách, khổ 133x212mm, chữ "corps" lớn! Như vậy là rất ngắn so với những thiên "Hồi Ký" thông thường ta vẫn thấy bày bán ngoài chợ sách! Với tư thế và học vị vốn có của mình, tác giả viết với phong cách mà người Anh gọi là "self conscious", tức ý thức rõ ràng là người đọc sẽ theo dõi rất kỹ tư tưởng, bố cục, cách diễn ý v.v... của mình trên căn bản một nhà luật học lão thành, một người mà năm 22 tuổi đã có hai cái bằng tiến sĩ Luật và Văn chương của Pháp! Nhưng cũng vì lẽ này mà văn phong của tác giả, theo chỗ người viết ở đây nhận định, có vẻ cầu kỳ, tuy về mặt cú pháp và văn phạm thì khỏi phải bàn! Đọc văn Nguyễn Mạnh Tường thấy không được thoải mái như khi đọc cách viết tự nhiên và ung dung của một nhà văn Pháp chính cống! Trở lại chuyện bố cục thì thật vậy: bố cục quyển sách cực kỳ chặt chẽ, ý tình cuồn cuộn nhưng gắn bó, mà nếu để cho tác giả tự do ung dung triển khai thoải mái thì quyển sách dễ dàng lên đến 1000 trang. Sách nêu tình tiết sự việc thì ít, nhưng nêu các mặt lý giải, biện chứng thì nhiều. Trích từng đoạn ngắn của các đề mục làm cơ sở bàn luận - như dưới đây người viết sẽ làm - là chuyện bất đắc dĩ, bởi tự thân quyển sách đã là cả một sự cô đọng rồi, một sự cô đọng phát xuất từ hoàn cảnh trước tác đặc biệt cam go về phía tác giả. Nhưng nếu có thích mà tính đến chuyện dịch thuật thì vừa có chỗ phiền toái mà cũng lại vừa có chỗ kỳ kỳ! Phiền toái là, dịch nó thì cũng phải chuẩn bị một mục "chú giải" tương tự như khi người ta chú giải truyện Kiều, Chinh Phụ Ngâm, Cung Oán Ngâm Khúc, hay loại thơ văn "bác học" của nước ta ngày xưa. Mà phước đức ông bà là cụ Nguyễn Du xưa kia chịu khó viết truyện Kiều bằng chữ Nôm, cụ Nguyễn Gia Thiều chịu khó viết Cung Oán bằng chữ Nôm, và cũng phước đức ông bà mà có Đoàn Thị Điểm (hay ai đó nữa!)

để diễn Nôm Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn, chứ bằng không thì Chinh Phụ Ngâm bằng nguyên bản Hán văn lại cũng thuộc tài sản của "Câu lạc bộ" các nhà khoa bảng, trí thức cựu Hán học! Từ đó mới có cái chỗ "kỳ kỳ" là: một nhà trí thức Việt Nam viết sách không nhằm quảng đại độc giả người Việt - vì một lẽ riêng nào đấy mà ở đây không bàn, vì đấy là quyền tự do của tác giả - thế rồi bây giờ một người Việt Nam bình thường lại tính chuyện đi dịch cái quyển sách đó ra tiếng Việt trở lại, thì e rằng có cái gì đó như một sự thiếu tự trọng!

3b- Suy nghĩ thứ hai:

những cái sượng sùng, gượng gạo khi tây "gặp" đông

Ở phần cuối quyển sách, sau khi đã chán chường, mệt mỏi vì những chuyện chính trị - một cái món mà trong sách có chỗ tác giả viết là ông rất "khinh ghét" - ông có câu này khi đề cập đến những công trình trước tác ông đã hoàn tất và kỳ vọng là sẽ có phần đóng góp hữu ích với hậu thế:

"Vấn đề cốt lõi mà tôi đã lấy làm trung tâm điểm cho trọn cuộc đời mình về mặt hoạt động trí thức là làm thế nào dẫn đến sự hội nhập giữa phương Tây và phương Đông, để đối kháng với luận điểm của Rudyard Kipling là việc đó khó có thể xảy ra" (sđd, tr. 329).

Trong suốt quyển sách, ông thuần sử dụng "cách nói" theo Tây học. Các điển tích sử dụng đều rút ra từ văn hóa phương Tây, được sử dụng để ám chỉ hoàn cảnh của riêng ông, một người Việt Nam sống ở đất nước Việt Nam, thì không mấy trơn tru cho lắm.

Ví dụ 1: Bản thảo quyển sách ông viết được hoàn tất vào tháng 5 năm 1991, khi tác giả 82 tuổi, và lọt qua Paris vào mùa thu 1991 với ý định ban đầu của ông là cho xuất bản. Sau đấy ông chùn chân, nhưng rồi lại quyết định đồng ý cho xuất bản theo tinh thần một bức thư gửi đi từ Hà Nội đề ngày 16-03-92. Trong thư có đoạn như sau: "Tôi đã có ý mong muốn trì hoãn việc xuất bản các tác phẩm của tôi bởi các diễn biến về tình hình gần đây đã khiến cho tôi phải cảnh giác. Thế nhưng quý vị đã giúp tôi *vượt con sông Rubicon* và tôi xin thể theo lời quý vị: sự rủi ro có lớn đấy, thế nhưng phải chấp nhận sự rủi ro thôi! Bởi thế mà tôi sẵn sàng chờ đợi mọi tình huống xấu nhất tuy vẫn mong là chúng không xảy ra. Thế nhưng nếu như người ta đẩy cái sự dã man tàn bạo đến mức buộc tôi phải gánh chịu chung số phận với những nhà trí thức khác từng bị kết tội nói xấu chế độ thì tôi vững lòng chờ đợi những thử thách mà tôi dư biết mức độ nghiệt ngã. Nếu như tình huống đó xảy ra thì tôi quyết tâm sẽ tuyệt thực cho đến chết. Ở cái tuổi 84 (có lẽ tác giả tính theo tuổi "Việt Nam" hay tuổi thật, khác với tuổi khai sinh), tôi đã

nếm đủ ngọt bùi trần thế và không còn gì để luyến tiếc khi từ giã cõi đời mà trọn quá trình của nó tôi đã chu toàn trách nhiệm của người trí thức trước nhân dân và trước lịch sử" (sđd, tr. bìa cuối).

"*Sông Rubicon*" là cái gì? Ấy là con sông ngăn chia vùng đất Gaule (đất gốc của nước Pháp) và nước Ý. Trước năm 49 trước Công Nguyên, Julius Ceasar được Nghị viện La Mã phái đi chinh phạt đất Gaule. Để đề phòng phản loạn, luật pháp La Mã quy định là các tướng lãnh được phái đi hùng cứ phương nào là không được phép vượt ra khỏi "vùng chiến thuật" đã được quy định nếu như chưa được phép của trên. Sau khi chinh phạt xong đất Gaule, Ceasar tính chuyện kéo quân về La Mã để lên làm vua. Năm 49 trước Công Nguyên, ông dẫn quân vượt sông Rubicon để theo hướng Đông Nam tiến về La Mã. Chỉ nội cái việc ông vượt con sông đó cũng đủ để Nghị viện La Mã biết rằng Ceasar đã quyết tâm ăn thua đủ với mình. Cái cụm từ "vượt sông Rubicon" sau này trở nên thành ngữ ở phương Tây để ám chỉ sự chọn lựa trong cung cách hành động của một con người, mà bất biết kết quả sẽ ra sao, chỉ cần xét đến động tác tiên khởi là người ta mặc nhiên luận ra ý nghĩa các hậu quả tất sẽ phải đến. Việc tác giả Nguyễn Mạnh Tường ví von hành động cho xuất bản sách mình ở nước ngoài để nói lên những điều chẳng mấy tốt lành về chế độ Cộng sản Việt Nam, như một sự "vượt sông Rubicon" thì xét cho cùng, là không hợp tình hợp cảnh cho lắm! Trong tư thế của ông đối với chính quyền Cộng sản đương nhiệm thì việc ông làm nếu có "giống" với việc Kinh Kha chèo thuyền qua sông Dịch để "đấu" với Tần Thủy Hoàng, hơn là "giống" với cái tư thế ghê gớm của một Julius Ceasar thời xưa khi kéo quân về đán áp Nghị viện La Mã! Dân phương Đông học văn hóa của phương Tây, sau cả trăm năm lệ thuộc, cũng đã nhiều rồi. Sao đến giờ này, đã nói đến "trao đổi văn hóa Đông Tây" thì lẽ nào lại không để cho độc giả nước ngoài họ "đổi món" một chút; sao không nhắc một cái điển tích Đông phương có tính cách "à propos" hơn để họ tra cứu sách vở mà mở mang kiến thức nhỉ? Chuyện đó khó, khi mà các trí thức phương Đông chỉ cúc cung tận tụy nhắc nhở kho tàng văn hóa phương Tây trong khi trí thức phương Tây thì ít có màng đến kho tàng văn hóa phương Đông, ngoại trừ vài nhà khảo cổ hay nghiên cứu chuyên môn, khi gặp dịp "trao đổi"!

Ví dụ 2: Tác giả đặt tựa cho sách của ông là "Un Excommunié...". "Excommunié" là cái gì? Nó là một tính từ, còn được sử dụng như danh từ trong tiếng Pháp, để chỉ một kẻ bị Giáo hội "rút phép thông công". Trong đạo Công giáo, một trẻ nhỏ khi mới sinh và chịu phép rửa tội thì chưa hẳn đã hội đủ điều kiện để "hiệp thông" - cái nghĩa chính của từ

"communion" - với Thượng đế, tuy nếu trẻ nhỏ chẳng may mà chết non thì được coi như đương nhiên lên Thiên đàng. Trẻ lớn lên phải học giáo lý ở Nhà Thờ trong Giáo xứ của mình. Học xong Giáo lý đến cái cỡ 8 tuổi mới bắt đầu "rước lễ lần đầu" - "première communion" - tức là được phép ăn bánh thánh tượng trưng cho mình Thánh Chúa, được phép uống rượu lễ, được ban phép trong buổi lễ ở Nhà Thờ, tượng trưng cho "Máu Tân Ước Vĩnh Cửu" của Chúa. Nghi thức đó tượng trưng cho sự hòa nhập giữa con người theo Kitô giáo với đấng tạo thành ra mình. Nó là cái mạch nối để dẫn linh hồn con người ta, sau khi chết, được trở về với Thượng đế. Một người theo đạo Công giáo, do sai phạm về mặt tín ngưỡng của mình đến cái mức bị "rút phép thông công" - "excommunié" - thì tức là không còn cái cầu để bước lên Thiên đàng, để trở về với Thượng đế, về sau khi chết thì linh hồn sẽ đời đời bị đày đọa dưới hỏa ngục. Chủ nghĩa Cộng sản được mang ra áp dụng từ trên 70 năm nay trên thế giới thì rốt cục, có muốn lý giải, biện luận cao siêu đến mấy, vẫn được những kẻ chủ xướng ra nó, về mặt tinh thần, áp dụng như một thứ tôn giáo đối với những ai được kết nạp vào hàng ngũ của nó. Ta hãy nghe đoạn đấu khẩu giữa ông Nguyễn Mạnh Tường với tay Giáo sư trường Đại học Tổng hợp Hà Nội khi tay này hạch tội phản loạn của ông:

Ông Nguyễn Mạnh Tường: "Có một truyền thuyết phương Tây kể về một người nọ bán linh hồn cho quỷ dữ. Con người Cộng sản, thoát thai từ nền văn hóa Cộng sản, đã bán đứng linh hồn mình cho Đảng".

Tay Giáo sư nọ: "Cứ giả sử là như vậy đi thì tôi cũng chẳng thấy có điều gì tai hại trong việc đó. Chả lẽ giáo sư lại khắt khe nghiệt ngã đến độ cấm đoán người ta mỗi người tự tìm kiếm lấy con đường chân lý cho riêng mình, và một khi đã tìm ra rồi thì lại không được theo đuổi nó cho đến tận cùng? Người theo đạo Thiên Chúa coi Giêsu Kitô như nguồn mạch chân lý của mình, trong khi người theo đạo Phật thì lại coi Phật Thích Ca như nguồn mạch chân lý của họ. Vậy thì hà cớ gì Giáo sư lại không thừa nhận là con người Cộng sản có thể tìm thấy nguồn chân lý cho mình nơi Đảng? Mỗi người phải tự tìm lấy con đường cứu rỗi cho riêng bản thân mình chứ làm sao bây giờ? Chúng tôi thuộc lớp người có được sự mặc khải hiện đến cho mình trên con đường đi đến Damas. Sự mặc khải mầu nhiệm ấy là từ chủ nghĩa Cộng sản" (sđd; mục "Màn đấu bò thứ hai; tr. 202-203)

Năm 1951, ngày còn ở chiến khu Việt Bắc, Đảng yêu cầu ông Tường làm đơn để Đảng kết nạp. Ông Tường viện lẽ này lẽ nọ từ chối khéo. Đến năm 1958, ông được Đảng và Nhà Nước ban cho 11 loại tước

hàm; nhưng ông viết trong sách là ông tuyệt đối chẳng màng. Thế rồi trước sau vẫn là người ngoài Đảng, đến năm 1958 thì ông bị Đảng và Nhà Nước ngược đãi suốt đến tận ngày hôm nay; đầu đuôi cũng chỉ vì ông đòi "góp ý" với Đảng. Cứ theo chữ nghĩa mà nói thì làm sao một người không phải là đảng viên, không ưa Đảng, không tin Đảng - căn cứ ở những điều ông viết - lại có thể bị "excommunié"? Ông có theo cái "tôn giáo" của bọn họ đâu mà bảo là ông bị "rút phép thông công"? Làm sao một người không phải là phần tử của một đoàn thể lại có thể bị "khai trừ" ra khỏi đoàn thể? Ngay cả cụm từ "bị cho ra rìa" kia mà khi áp dụng cho trường hợp riêng của ông cũng không đúng nốt! Bởi trừ phi tìm ra những chữ nghĩa nào chính xác hơn thì không nói làm gì, chứ còn ý nghĩa của mấy chữ "bị cho ra rìa" chỉ có thể có một cái nghĩa hợp lý của nó "khi mình muốn nhập cuộc nhưng người ta không cho mình nhập cuộc"! Bởi thế mà về mặt đó, người Cộng sản họ dứt khoát, rạch ròi hơn cách suy nghĩ lắt léo của những nhà trí thức: đối với họ thì - như lời một kẻ hạch tội ông Tường trong màn "đấu bò" - "Một là anh theo chúng tôi và đứng trong hàng ngũ chúng tôi, nghĩ và làm như chúng tôi, còn hai là anh chống lại chúng tôi".

Ví dụ 3: "Đoạn đường dẫn lên đền Capitole", mà người viết ở đây đã dịch thoát ở trên là "Bước đường lên đài danh vọng".

"Capitole" là cái gì? Thành phố Rome có bảy ngọn đồi. Ngọn đồi thấp nhất tên là "Capitoline". Thời cổ đại, người ta xây dựng cái đền "Capitole" trên đó để thờ thần Jupiter và một số các thần linh khác theo tín ngưỡng đa thần của dân La Mã thời xưa. Do cái tin của người La Mã thời cổ thì các thần linh họ thờ đều có quyền năng chi phối vũ trụ, chiến tranh, mưa giông, sấm chớp, v.v... Trên một chục tước hàm mà người ta thiếu điều gán ghép ép uổng khiến ông "cực chẳng đã" phải nhận thì ông Nguyễn Mạnh Tường có ý kiến về chúng như thế này:

"Những cái danh hiệu khoa trương ồn ào nhất thì lại không trang trí cho những con người sinh động mà là trang trí cho những hình nộm có dáng dấp người, bị giựt dây bởi một ai đấy trà trộn giữa bọn họ, đàng sau lưng họ, hay ở trên họ" (sđd; tr. 75-76).

Thực tế thì ông cũng không hề có một tí thực quyền hay bề thế về mặt chính trị kiểu như một Tố Hữu của thời đó thôi, chứ đừng nói gì đến những cỡ có thực quyền khác, căn cứ vào chính những điều ông viết. Vậy thì tại sao lại dùng cái điển cố "Capitole", khi mà các thần linh ở đấy xưa kia được người ta thờ thật?

Ví dụ 4: "Mỏm đá Tarpeienne" (La Roche Tarpeienne) mà ở trên người viết bài này đã dịch thoát ra là "Đoạn đầu đài".

"Roche Tarpeienne" là cái gì? Nó là mỏm đá trên ngọn đồi "Capitole" nói ở trên, mà xưa kia triều đình La Mã cho lôi cổ các can phạm hình sự lên tuốt trên ấy rồi ném xuống vực sâu. Đành rằng điển tích được sử dụng là để được hiểu theo nghĩa rộng, nhưng "rộng" không có nghĩa là "hors propos"! Ông Nguyễn Mạnh Tường lẽ nào tự ví mình như một "can phạm" nếu như tin rằng việc mình "góp ý" cho Đảng xưa kia là việc làm đúng của mình, nhân danh lẽ phải, nhân danh dân chủ pháp trị, nhân danh hạnh phúc của đồng bào nhân dân? Bởi vẫn theo cái điển cố phương Tây ấy thì địa danh "Roche Tarpeienne" không hề ám chỉ nơi xử tử những người bị oan? Mà Đảng và Nhà Nước thì, theo chính lời ông Tường, không hề chính thức buộc ông vào bất cứ một tội gì. Họ cũng không hề bỏ tù ông!

Ví dụ 5: "La traversée du désert", tựa của Phần II, mà ở trên người viết bài này đã dịch là "Cuộc hành trình vượt qua sa mạc".

Nó là cái gì vậy? Nó được rút ra từ Kinh Thánh, phần Cựu Ước, kể lúc Môse dắt dân Do Thái từ Ai Cập vượt qua sa mạc với bao gian truân khổ ải để đi tìm "miền đất hứa". Xét theo nguyên nghĩa của điển tích rồi so chiếu với thân phận của tác giả Nguyễn Mạnh Tường thì cũng lại có sự gượng gạo! Người Do Thái trong Cựu Ước vượt qua sa mạc, đối phó với những khổ ải có tính giai đoạn để đến miền an bình cực lạc mà họ kỳ vọng. Ở bên Pháp, khi người ta nói về cái giai đoạn ông De Gaulle phải an phận thủ thường, chờ thời kể từ khi hết còn lãnh đạo quốc gia sau đệ nhị thế chiến, chờ mãi cho đến vụ khủng hoảng ở Algérie, khi mà Quốc hội Pháp đưa ông lên chấp chính trở lại, như là cái thời "traversée du désert" của ông. Nhà văn André Malraux cũng có dùng mấy chữ đó để chỉ đoạn đời của "minh chủ" của mình, bởi ông De Gaulle ông ấy tin rằng qua kiên nhẫn, chờ đợi, ông sẽ dẫn dân Pháp đến cái gọi là "grandeur de la France". Nhưng còn Nguyễn Mạnh Tường kể từ khi bị Đảng trù ẻo thì ông biết mười mươi, qua chính những điều ông viết, là chỉ có dẫn đến mạt lộ! Vậy thì sử dụng cái hình tượng "traversée du désert" vào trường hợp của ông nó xuôi tai ở chỗ nào?

Ví dụ 6: Tựa của "mục" 4, 5, 8 ở Phần II, tức là các màn "Corrida" (Đấu bò).

"Corrida" là cái gì? Là đấu trường, nơi người ta thả ra một con bò mộng, vai u thịt bắp, thở ra khói ói ra lửa, gặp ai cản đường là húc ngay. Tay đấu bò - matador", cũng tiếng Tây Ban Nha - cùng với đám trợ thủ khác có nhiệm vụ vờn, né, đánh lạc hướng tấn công của bò, để rồi mục đích là làm thế nào hạ cho được con bò hùng hổ, khỏe mạnh và hung tợn đó. Các tay "matador" có bao giờ bị bò húc chết hay không? Trả lời

quá dễ: đó là chuyện thường! bởi nếu không thì đâu cần gì đến tài cán, sự gan dạ, hay "nghệ thuật" nơi người đấu bò? Cần gì đến những Luis Dominguez như thời cuối thập niên 50! Mà đã nói đến "đấu bò" thì con bò là con vật tuy hung tợn và khỏe mạnh nhưng vì là thú vật nên được coi như u mê, còn mấy anh "người" kia mới có trí khôn. Những nạn nhân bị Cộng sản đưa ra tố khổ vì một lẽ này hay lẽ khác thì họ có ở cái thế tấn công như con bò mộng trong đấu trường hay không? Chắc chắn là không! Có ngây thơ đến mấy thì họ cũng không có thể tự ví mình với con "toro" ra đấu trường! Họ ra đó với tư thế của một người mà Giáo hội thời Trung Cổ Âu châu quy vào tội theo giặc phổ biến "tà giáo" và chuẩn bị cho người ta lôi cổ lên giàn hỏa! Cái điển tích "à propos" nhất cho việc đó có lẽ chính là cái từ "inquisition". Hoặc giả như mấy chữ "le premier haro", "Le deuxième haro", v.v... rút từ truyện ngụ ngôn của La Fontaine trong truyện thơ ngụ ngôn "Les animaux malades de la peste", để ám chỉ kẻ cô thế - tức con lừa trong truyện - khi bị lũ thú rừng sừng sỏ, hùng mạnh và tinh ranh quỷ quyệt chúng nó quy cho cái tội là làm mất lòng trời khiến trời đến nỗi phải gieo tai họa cho muôn loài trong rừng. Câu áp cuối của truyện thơ là "Et tous le crier haro sur le baudet"... (và thế là cả bọn bèn hò reo mà kết tội con lừa khốn khổ). Trong sách của mình, ông Nguyễn Mạnh Tường cũng có đoạn ví von cái vụ công lý một chiều đó theo hình tượng của vụ sói - cừu rút trong "Le loup et l'agneau" cũng của La Fontaine. (Ông không xài cái tựa "Trước mõn sói" phải chăng vì ông nghĩ rằng dù sao mình cũng không phải là con "cừu"?)

Ví dụ 7: Tựa của "mục" 1, Phần II: "Lépée de Damoclès" (Lưỡi gươm trên đầu Damoclès".

Cũng lại một cái điển tích Tây phương. Và cũng lại có sự gượng gạo trong sự ví von!

"Lưỡi gươm Damoclès" là gì? Sách của Cicero kể rằng Damoclès là một tay hầu cận cho vua Dionysius thuộc đô thị Syracuse bên Hy Lạp thời cổ. Có lần, muốn lấy lòng chủ, Damoclès ca tụng các lạc thú, danh vọng của vị vương. Vua bèn mời Damclès dự bữa tiệc, nhưng ngay trên đầu Damoclès thì lại có treo lủng lẳng lưỡi gươm được cột với một sợi tóc! Ý nhà vua, không ngu như cái tên cận thần của mình, muốn ám chỉ rằng "lạc thú" hay danh vọng của vua chúa thì cũng chẳng hơn gì bữa tiệc ngon mà tên cận thần đó đang hưởng, nhưng bên trên là lơ lửng mối họa bất tường và bất lường kiểu như thế. Vậy thì ở Phần III trong sách của Nguyễn Mạnh Tường, các đợt tố khổ đã xong, chỉ còn chờ ngày Đảng và Nhà Nước tuyên án và dẫn đi tù. Damoclès thì ít ra cho đến lúc

ăn tiệc có gươm lủng lẳng trên đầu thì vẫn là cận thần của vua. Mà dù sao thì cũng là đang được vua mời ăn. Còn đàng này, Nguyễn Mạnh Tường lúc đó chắc chắn không còn là "cận thần" của Đảng và Nhà Nước, mà cũng chắc chắn sẽ bị bỏ đói đến nơi chứ đừng nói gì đến chuyện được mời ăn như Damoclès. Vả lại, ý nghĩa của điển tích là ám chỉ những người có quyền hành, lợi lộc, nhưng phải đương đầu những hiểm họa sát sườn. Nguyễn Mạnh Tường đã chẳng là Damoclès mà lại càng không là Dionysius. Vậy thì việc gì lại phải chọn đến một cái điển cố cầu kỳ như thế. Ngay cái thành ngữ "nghìn cân treo sợi tóc" trong kho thành ngữ Trung Hoa và Việt Nam thì cái nghĩa của nó cũng ám chỉ việc người ta ở trong tình thế mà chỉ một quyết định sai lầm do mình gây ra, hoặc chỉ một đột biến do bên ngoài tác động vào cũng dẫn người ta đến chỗ tiêu vong. Cái ý đó không chỉ sự thấp thỏm, nơm nớp của một can phạm chờ ngày lãnh án. Cái thành ngữ Việt Nam đúng nhất để chỉ tình cảnh của ông Tường ngày đó lại là cái cảnh "cá nằm trên thớt".

Kết luận cho mẫu suy nghĩ thứ hai: đây là lần đầu tiên trong đời mà người viết bài này đọc một quyển sách mà trong 16 cái tựa cho các "Phần" và "Mục" của sách thì đã có đến 6 là dựa vào các điển cố. Trong mấy triệu quyển sách văn học, nghị luận thuộc nền văn hóa Pháp từ xưa đến nay, người viết ở đây đố bạn đọc nào tìm thấy một quyển của một tác giả người Pháp chính cống nào mà thể hiện các đề tựa trong sách của mình kiểu như thế.

3c- Suy nghĩ thứ ba:

từ những cái "lý" của lập luận, suy nghĩ... đến những cái "lẽ" riêng của sự việc

3c-a: Điểm khó hiểu thứ nhất

Trong màn "Đấu bò" thứ ba, tức là trước các phán quan của đảng Xã Hội mà ông là đảng viên thì ông Nguyễn Mạnh Tường có nói câu này theo như ông kể lại trong sách:

"Tôi dư biết những tội ác của các tay lãnh đạo trong thế giới Tư bản nhưng tôi cũng nhận thấy những sự tàn ác nơi những người lãnh đạo Cộng sản. Bị kẹt cứng giữa chủ nghĩa Tư bản và chủ nghĩa Cộng sản, tôi chỉ còn biết tự giải thoát mình trong tình yêu dân tộc và truyền thống mà tôi biết rõ những cái cao cả cũng như những nỗi lầm than gắn liền với chúng" (sđd; Phần II, "Mục 8, tr. 225).

Như thế tức là ông Tường không thích Cộng sản!

"Khổ nỗi là đất nước chúng ta đã chứng kiến việc cho du nhập vào một chủ thuyết tuyệt đối xa lạ, chả có dây mơ rễ má gì với truyền

thuyết đất nước" (sđd; Phần II, "Mục" 8, chỗ đấu khẩu với tay "phán quan" của đảng Xã Hội"; tr. 227).

Trong cuộc đối thoại với đoàn Luật gia Liên Sô, Nguyễn MẠnh Tường nói:

"Ỷ vào những thành công đã đạt được của mình, Đảng cho rằng có thể ban hành những chính sách mà vì xuất phát từ óc ấu trĩ, thói duy ý chí, tính chủ quan của nó, rốt cuộc là vi phạm những quy luật của khoa học, xoay lưng lại với thực tế và chẳng sớm thì muộn thế nào cũng đưa đất nước vào sự đói nghèo cũng như là đưa nhân dân vào chỗ tai họa. Mặt khác, vì vững tin là mình có được sức mạnh vô địch nên Đảng tưởng rằng mình có thể hành hạ người khác, chơi đùa với sinh mạng của người ta, tự cho phép mình gây ra những sự bất công như đã xảy ra trong vụ Cải Cách Ruộng Đất mà nhân dân cho đến ngày hôm nay vẫn chưa quên hết những ký ức đau đớn" (sđd; Phần I, "Mục" đối thoại với đoàn Luật gia Liên Sô; tr. 58).

Với các luật gia Tiệp, ông nói:

"Ở một nước Cộng sản, Đảng nắm độc quyền chính trị. Từ xưa đến giờ, từ thời quân chủ chuyên chế cho đến chế độ Cộng sản, kẻ nắm quyền chẳng đời nào chịu chia sẻ quyền hành. (Mục đích là) để duy trì lâu dài chức vị của nó, giữ nguyên chức vị với đầy đủ các đặc quyền đặc lợi của nó, nới rộng tầm kiểm soát của chức vị đó đến vô tận, đào sâu cho ảnh hưởng của nó xuống đến tận cùng, nói tóm lại là tạo nên một nền độc tài ba chiều, một nền chuyên chế càng toàn diện càng tốt, càng bén nhọn càng tốt, càng triệt để càng tốt, **và càng tuyệt đối hơn bất kỳ một nền độc tài chuyên chế nào trên thế gian và trong suốt quá trình lịch sử thì lại càng là điều tốt** (chữ đậm nét là của người viết bài này). (...) Mọi quyền bính đều bị chi phối bởi một khuynh hướng, một thiên chức dẫn nó đến sự độc đoán. **Thế nhưng quyền bính trong tay người Cộng sản lại càng bị chi phối bởi khuynh hướng đó hơn bất kỳ một thứ quyền bính trong tay những chế độ nào khác** (chữ đậm nét là của người viết bài này). Để thiết lập sự cai trị của nó mà cũng có thể vì nó ý thức được tính chất phù du của quyền hành đang nắm trong tay - nó chế ra đủ mọi thứ mưu ma chước quỷ mà trong đó phải kể đến việc công hữu hóa tài sản, nhưng chủ yếu là sự tập thể hóa con người. Khi quy tụ con người vào một tổ chức chung, nó kiểm soát người ta dễ dàng hơn, hiệu nghiệm hơn, và nó đỡ phải sử dụng quá nhiều bọn thám báo hay chó săn suốt ngày được rải ra để rình mò, theo dõi thiên hạ (trong nguyên tác, Nguyễn Mạnh Tường dùng các nhân vật huyền thoại Hy Lạp là "Argus" và "Cerbère" để chỉ lũ chó săn hay điểm chỉ). Mặt

khác, khi đã tước đoạt việc sử dụng lý trí và lời nói nơi con người thì (cái quyền lực chính trị trong tay người Cộng sản đó) nó hạ thấp con người ta xuống hàng súc vật, tạo lập nơi họ những phản xạ có điều kiện để rồi dần dà biến họ thành những người máy" (sđd; đoạn "Đối thoại với các Luật gia Tiệp; Phần I; tr. 41- 42; 44).

Về vụ "Nhân Văn", "Giai Phẩm", ông viết:

"Thoạt tiên thì điều đập vào mắt của ngay cả những ai chưa được cảnh giác là sự tuân phục toàn diện, tuân phục đến mức tôi đòi (của đám cán bộ lãnh đạo Cộng sản Việt Nam) đối với các đàn anh Liên Sô và Trung Cộng! Sự tự phủ nhận mình một cách hoàn toàn như thế không chỉ cứ về mặt ý thức hệ - về mặt này thì các người Cộng sản Việt Nam rập khuôn theo đường lối chính thống của Liên Sô và Trung Cộng, mà họ bênh vực, bảo vệ một cách kiên trì cũng như là nghiêm khắc đối với tất cả các sự biểu hiện mang tính bất kính hay là đối kháng - nhưng lại còn cả về mặt trang phục, trong những cuộc giao tiếp trước mắt mọi người hay trong phạm vi thu hẹp hơn, trong các công thức xã giao cũng như lề thói sinh hoạt sao cho phải phép v.v... Việt Nam mất đi cái phong cách riêng của mình để trở thành cái bóng, cái "fac-simile" của Liên Sô và Trung Cộng". (...) "Chưa có đời thuở nào mà một dân tộc bị khớp mồm khớp miệng một cách tồi tệ đến như thế". (...) "Ấy vậy mà để đánh lạc hướng dư luận trong cũng như ngoài nước, người ta không ngớt rêu rao rằng ở Việt Nam mọi việc đều **do** (chữ đậm trong nguyên tác) dân làm, cũng như mọi việc làm ra là **vì** (chữ đậm trong nguyên tác) dân" (sđd; tr. 84-85; khi Nguyễn Mạnh Tường bàn về cái lý do tại sao lại có vụ "Nhân Văn, "Giai Phẩm" ở miền Bắc).

Các chế độ Cộng sản trên thế giới cũng như chế độ Cộng sản dưới thời "Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa" ở miền Bắc Việt Nam trước kia nó tồi tệ như thế, nhưng nhà trí thức Nguyễn Mạnh Tường, khi đi dự hội nghị "Các Luật Gia Dân Chủ" ở Bruxelles thì đã cố gắng kèo nài với Ban tổ chức Hội nghị cho đoàn của ông được phát biểu tại Hội nghị về mục tiêu đấu tranh của "người dân Việt Nam" ở miền Nam Việt Nam, những người dân "khốn khổ" bị "Mỹ-Diệm" khủng bố.

Ông lên hùng biện ở hội nghị Bruxelles để nói với cái "khổ" của dân miền Nam thời đó như thế này:

"Vậy thì, thưa các bạn, (sau khi ông hỏi cử tọa xem có ai đã chứng kiến cảnh tử tội bị chặt đầu bằng máy chém hay chưa) cái máy chém ấy, cái máy chém có từ thế kỷ trước, thì hiện đang được sử dụng không phải để chặt đầu những tội phạm hình sự, mà là để chặt đầu những người yêu nước đang đấu tranh cho sự nghiệp thống nhất tổ quốc của

họ. Hơn thế nữa, cái máy chém đó còn là công cụ để khủng bố quần chúng, với ý đồ kìm hãm lòng yêu nước của người ta" (sđd, Phần I, chỗ kể về thành tích ở Hội nghị Bruxelles; tr. 36).

Đối với chủ nghĩa và chế độ Cộng sản thì, theo như ông Nguyễn Mạnh Tường viết, ông không những không thích mà còn khinh ghét. Nhưng ông thừa biết là thời đó ông sống dưới thứ chế độ mà ông khinh ghét. Còn miền Nam thời đó, vẫn theo ông, thì là chế độ tay sai của Mỹ. Nhưng đặc biệt là không thấy ông sử dụng tài phân tích, biện luận của mình để phân định các mặt mạnh mặt yếu của chế độ ở miền Nam, một chế độ mà đảng nào thì cũng là nơi mà hàng triệu con người Việt Nam đồng bào của ông đang sống với, năm 1956 mà ông Tường đăng đàn ở Bruxelles để cổ võ cho sự "đấu tranh tiến đến thống nhất" của "đồng bào" miền Nam của ông thì có hai câu hỏi cần được nêu lên: một, bao nhiêu phần trăm của dân miền Nam thực sự là "đồng bào" theo cái kiểu của ông? hai, "thống nhất" thì là "thống nhất" giữa cái gì với cái gì, nếu như chế độ miền Bắc mà ông theo thời đó tồi tệ như chính ngòi bút của ông mô tả? Vốn xuất thân là Luật sư nên khi hành văn ông không quên nới tay với thân chủ của mình. Ông viết theo luận điệu như thế này, khi có dịp đối chiếu miền Nam và miền Bắc:

"Mọi người đều biết rằng sau trận Điện Biên Phủ, Hiệp định Genève đã chia cắt Việt Nam thành hai vùng, một vùng ở phía Bắc thuộc quyền lãnh đạo của chính quyền Cộng sản, còn vùng kia ở trong Nam thì bị đặt dưới quyền lực của chính phủ Ngô Đình Diệm thân Mỹ. Chẳng bao lâu thì một cuộc chống đối có vũ trang được hình thành ở khắp miền Nam chống lại thế lực đang cầm quyền, nhằm thực hiện những bước đầu tiên dẫn đến việc thống nhất đất nước. Để đối phó, chính phủ miền Nam bỏ tù các nhà trí thức như Luật sư Nguyễn Hữu Thọ và Giáo sư Nguyễn Huy Thông, là những người bị buộc tội lãnh đạo phong trào, và tổ chức một cuộc đàn áp đẫm máu chống lại dân chúng mà chính quyền miền Nam cho là có khuynh hướng và ủng hộ việc thống nhất đất nước" (sđd, Phần I; tr.31-32).

Xin hãy đọc chữ nghĩa thuộc loại chọn lọc của một luật gia: một đàng, quyền hành ở miền Bắc thì là... "relevant du gouvernement communiste", còn một đàng thì quyền bính ở miền Nam là... "(zone du Sud) soumise au pouvoir du gouvernement pro-Americain de Ngo Dinh Diem"! Đâu rồi cái ý "tôi đòi" (chữ của chính ông Tường) của đám lãnh đạo miền Bắc đối với Nga Tàu? Chế độ miền Bắc, về mặt pháp lý, đã chẳng do dân bầu thì dễ chừng ngoài đó không là "soumis au pouvoir d'un gouvernement communiste servilement pro-Russe et

pro-Chinois" nếu như người viết ở đây cũng "paraphraser" đúng theo cách nói của ông Tường?

Đọc những dòng suy nghĩ của tác giả viết về chế độ Cộng sản nói chung và chế độ Cộng sản Việt Nam ở miền Bắc nói riêng vào cái thời đầu thập niên 50, người đọc bình thường cũng phải ngẫm nghĩ không biết khi tác giả theo Bác và Đảng về tiếp thu Hà Nội vào cái năm 1955 thì tự trong thâm tâm mình, liệu ông thực nghĩ là rồi ra cái Đảng đó sẽ dẫn dắt nhân dân đi về đâu? Liền ngay sau đó, năm 1956 khi dẫn đầu đoàn Luật gia Dân chủ Việt Nam đi dự hội nghị Bruxelles, ông Tường đã - sau Hội nghị - cố vấn cho đoàn Luật gia Dân chủ Tiệp như sau:

"Trước kia họ (các Luật gia Tiệp, phần mở ngoặc là của người viết ở đây) quả có nhìn ra cái tệ hại (của chế độ Cộng sản) thế nhưng họ đã không tài nào lý giải cho ra những nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự thể như thế, bởi trong cái thế giới bị bưng bít của họ, họ đã không tiếp thu được bất kỳ một nguồn thông tin nào từ bên ngoài vào, và trước cảnh tượng cả một dân tộc khom lưng quỳ gối trước thần tượng của mình rồi đồng ca trước sau cũng vẫn những bài hát xưng tụng ông chủ như thế thì nếu như họ hoang mang cảm nhận được mối nguy hiểm sẽ đến, họ lại chẳng thấy ló dạng được tí tia sáng nào khả dĩ có tác dụng như một phương thuốc cứu chữa. Bây giờ thì ít ra họ cũng đã thấy được phương thuốc cứu chữa cái tệ nạn mà họ có thể quan sát được mức tàn phá. Chúng tôi đã mở mắt cho họ; mang đến cho họ sách Phúc Âm của thể chế dân chủ" (sđd; Phần I; tr. 48).

Phương thuốc loại thần dược được ám chỉ đó là cái gì vậy? Chế độ Cộng sản tự nó biến cải chăng? Làm gì có chuyện đó nếu căn cứ vào đúng những dòng biện chứng của chính tác giả! Nhân dân nổi loạn chăng? Vô lý! bởi vẫn theo biện chứng của tác giả thì nhân dân khó có cách gì để mà nổi loạn, hơn nữa, nếu đã tính đến chuyện nhân dân tới nước phải nổi loạn thì còn cái gì hay ho của chủ nghĩa? Vậy thì còn cái gì khác ngoài sứ mạng của nhà trí thức? Sứ mạng của những nguyên lý hằng cửu về luật pháp? Nhưng luật pháp theo kiểu nào đây? bởi những ý niệm về luật pháp theo như tác giả coi như tôn chỉ thì rõ ràng là loại luật pháp phi Cộng sản, và không những thế cứ theo biện chứng Mác xít mà nói - thì chúng là sản phẩm thuộc "thượng tầng kiến trúc" trên cái "hạ tầng cơ sở" của chế độ "người bóc lột người", không phải là Xã hội chủ nghĩa, không phải là Cộng sản! Tác giả viết rằng trong đời ông, ông rất khinh ghét chính trị. So với cái đường đường chính chính của luật pháp thì chính trị chẳng khác gì một thứ côn đồ lưu manh. Xin trích dẫn:

"Chính trị là cả một thứ thế giới với những lằn ranh mờ ảo mà người

ta có thể vượt qua chẳng cần hộ chiếu; mà thực tế thì người ta cũng thường vượt qua tuy không nghĩ rằng mình đã vượt biên. (...). Thế giới pháp lý, ngược lại, được bao bọc bởi núi sông như là biên giới thiên nhiên của nó. Nơi đây ngự trị tính triệt để của hình học, "logique" thuần lý, sự chính xác cũng như sự rõ ràng trên cơ sở toán học Descartes. (...). Do đó mà hai thế giới đó chúng nó đối chọi với nhau trong một cái thế đối kháng vô phương hóa giải" (sđd; tr. 29-30).

Về những cái gọi là thẳng thớm rạch ròi của luật pháp theo như lời ông Tường thì tưởng cũng có thể viết cả một quyển sách nghìn trang với những nhận định đối chọi của ngay chính các Luật gia xưa nay chứ chả có ai khác; nhưng ở đây tạm loại ra vấn nạn đó!

Thế nhưng, trở lại phương thuốc nói ở trên, sống làm người mà không hy vọng thì sống làm gì? Bởi thế mà khi chia tay với đoàn Luật gia Tiệp thì:

"Lúc chia tay thì trong lòng mọi người, chúng tôi mang theo niềm hy vọng là họ cũng như nhân dân nước họ sẽ thấy ló dạng ở chân trời ánh sáng bình minh của chân lý dân chủ" (sđd; tr. 48).

Bởi thế mà về đến Hà Nội, trong cái rầm rộ của phong trào "Nhân Văn, "Giai Phẩm" đang tới hồi Đảng và Nhà Nước chuẩn bị khai đao thì khi được "trên" gợi ý cho ông làm một cuộc nói chuyện ở Mặt Trận Tổ Quốc về đề tài "Thể chế dân chủ ở Tây Âu", với hậu ý mượn tay ông phê phán trí thức toan tính lôi kéo nhân dân cả nước vào con đường "người bóc lột người" kia thì ông lại tính chuyện dạy dỗ cho Đảng làm sao tiến tới một thể chế Nhà Nước tồn tại trên nguyên lý pháp trị!

Trở lại bài nói chuyện của tác giả ở trụ sở Mặt Trận Tổ Quốc Hà Nội! Thế là tai họa khởi đầu! Ông Tường đòi: "... Thử phác họa một quan điểm về chính quyền", đòi góp ý với Đảng trong khi ông dư biết những điều này:

"... Theo như các người cầm quyền (Cộng sản) họ nhận định thì cái tai họa được kể vào hàng đầu là khi có kẻ có khả năng đe dọa, làm ô uế sự trong trắng nơi tâm hồn những cán bộ kháng chiến suốt mười năm trời đã từng được Đảng giáo dục, huấn luyện" (sđd; tr.22; sau hội nghị Bruxelles, trước khi trở về Hà Nội).

Và:

"Nhà Nước chẳng qua cũng chỉ là sản phẩm của Đảng, và kẻ cầm quyền nắm hết mọi thứ quyền bính trong tay. Chả có một lãnh vực nào mà nhân dân có người đại diện cho mình, và lưỡi của người dân thì được kể như bị cắt bỏ. (...). Trong những điều kiện như thế thì làm sao ta có

thể hình dung được chuyện một ai đấy có thể lên tiếng đòi lật đổ người cầm quyền và thay thế nó bằng một ai khác, hoặc ngay cả đưa ra một đề nghị, ngay cả việc đóng góp ý kiến nhằm chận đứng một cỗ xe chạy với tốc độ khủng khiếp trên con đường dẫn tới cái ác? Mọi việc đều được định liệu trong gian hàng cũng như là phía sau gian hàng của Đảng, cũng như nơi hậu cung của bậc chí thánh được vây quanh bởi một bức vạn lý trường thành bất khả xâm nhập. Làm sao có thể nói đến chuyện trách nhiệm hay luật pháp trước một con hổ đang chuẩn bị vồ lấy con mồi của nó?" (sđd; tr. 62-63; liền sau Hội nghị Bruxelles, trước khi trở về Hà Nội).

Giải thích sự mâu thuẫn kỳ quặc giữa cách nhận định của tác giả về chế độ Cộng sản, một sự nhận định chứng tỏ hai năm rõ mười rằng ông không có một tí ti ảo tưởng gì về nó, với việc làm của ông sau đó thì chỉ có thể luận theo thứ dũng khí của một Kinh Kha: biết là dẫn mình đến chỗ chết nhưng vẫn cứ làm, trên con đường đến mấy cái cối xay gió biểu hiện cái ác! Hoặc giả theo cách nhìn sau đây của chính tác giả đối với những con người "tầm cỡ" trên thế gian:

"Một vài tháng sau trận Điện Biên Phủ tôi được lên trình diện ở một địa điểm trên chiến khu Việt Bắc. Tôi nghĩ là thể nào cũng sẽ lại đi dự một buổi học tập chính trị như mọi lần. Các nhà lãnh đạo của chúng tôi rất quan tâm đến nhiệm vụ giáo dục quần chúng của họ và thích lên lớp để thuyết giảng cho giới trí thức bằng cách nhồi nhét cho đám này những khái niệm Mác xít Lê nin nít mà họ cho rằng mình nắm giữ độc quyền về sự am tường. Họ cứ tưởng rằng khi họ sử dụng cái ngón độc chưởng đó thì họ sẽ khiến giới trí thức phải vị nể, và đồng thời việc làm đó cũng giải trừ luôn cái tự ti mặc cảm nơi chính họ. **Dạo ấy, cái kiểu làm ăn như thế quả là ngây thơ, thế nhưng tất cả những con người thuộc loại tầm cỡ** (nguyên văn "grands hommes") **trên thế gian này thì ai nấy cũng đều có cái ngây thơ riêng của mình** (chữ nét đậm là của người viết bài này). Do đó mà tôi đã chuẩn bị tư thế sẵn sàng chịu trận hết giờ này qua giờ khác, nghe một vài báo cáo viên thao thao bất tuyệt với những luận điệu ngu xuẩn (nguyên văn là động từ "ânnoner") nhưng chắc chắn là không cản trở việc tôi ngồi thu mình trong một góc tối, nơi tôi thường ngồi, để ngáp vặt, hoặc bằng không thì ngủ vùi hay thả cho hồn mình chu du tùy thích" (sđd; Phần I, tr. 17).

Trích dẫn những câu ở trên của chính tác giả xong rồi, tưởng cũng không còn gì để nói thêm về mặt xung khắc giữa tư tưởng và việc làm của ông. Nếu có thêm thì họa chăng là nhắc lại câu ngạn ngữ của Pháp: "con tim người ta nó có những lý lẽ mà ngay chính lý trí con người cũng

không biết đến". Ông Nguyễn Mạnh Tường cũng như không ít những con người tầm cỡ như ông xưa kia theo Bác và Đảng bằng con tim chứ không phải bằng lý trí. Điều đó không hàm ngụ ý phê phán tốt xấu gì, Kant chẳng từng phê phán cái "raison pure" là gì?

3c-b: nhưng rốt cuộc thì chừng như mọi việc cũng đều có cái lẽ riêng của chúng!

Nơi phần mở đầu, người viết ở đây đã có nhắc đến việc sau khi đắn đo suy nghĩ, tác giả bèn đồng ý cho bạn bè bên Pháp xuất bản sách của ông. Ông viết rằng rồi ra có gian nguy đến mấy ông cũng sẵn sàng chấp nhận. Tôi tin rằng chính quyền Cộng sản Hà Nội sẽ để ông yên! Bởi sách của ông có những điểm nhà cầm quyền Cộng sản Việt Nam từ ít năm trở lại đây, (nhất là từ khi Cộng sản Liên Sô và Cộng sản Đông Âu sụp đổ) vẫn hằng mơ ước!

Xin trích dẫn:

"Mọi người hẳn sẽ đồng ý nếu như tôi cho rằng giờ này mình đã có đủ tư thế để trả thù cho những nỗi đau khổ mà tôi đã phải gánh chịu. Tất cả những kẻ thù của chủ nghĩa Cộng sản đang chờ đợi tôi trút hết bao nỗi nộ khí xung thiên của mình lên thứ chủ nghĩa Cộng sản mà tôi đã từng là nạn nhân đó. Nhưng xin mọi người hãy bỏ lỗi cho tôi! Tôi đã chọn lấy nguyên lý của nhà hiền triết: tìm hiểu sự việc chứ không phê phán! Sự am tường đòi hỏi xem xét sự vật sự việc dưới tất cả mọi khía cạnh cũng như từ mọi giác độ khác biệt: cái hay cái dở, mặt phải mặt trái, cái thiện cái ác. Cách làm đó dẫn đến sự công bằng, và con người trí thức thì chỉ chú trọng vào lẽ phải" (sđd; tr. 82).

"Xin các bạn để tâm đến sự thể là tôi không hề bao biện cho thể chế dân chủ, bởi cứ theo những kẻ am hiểu vấn đề thì dân các nước Âu châu đã phải mất hàng hai trăm năm mới có được nền dân chủ của họ. Tôi cũng không hề chủ trương chế độ Cộng sản rút lui khỏi đời sống chính trị cho dù chế độ đó, tiếc thay, đã để mất uy tín và làm giảm lòng tin của dân kể từ khi có tệ nạn vô đạo đức và tham nhũng nơi không ít các đảng viên cao cấp. Tôi chỉ mong sao cho nhân dân ta cất lên được tiếng nói để nói lên được những gì họ nghĩ về tất cả mọi vấn đề quan thiết đến đời sống của họ ở vào ngày hôm nay cũng như trong ngày mai này" (sđd; "Màn đấu bò thứ nhất" tại trụ sở Mặt Trận Tổ Quốc"; tr. 161-162).

"Tưởng cũng cần nhắc lại sự thể là những người Cộng sản đã tham gia cuộc đấu tranh giành tự do và độc lập cho đất nước. Hẳn nhiên đây không phải là lần đầu tiên đất nước chịu nạn ngoại xâm và cũng không phải lần đầu tiên đất nước đạt được chiến thắng. Thế nhưng các thế lực quần chúng chỉ là công cụ dẫn đến sự giải phóng đất nước. Cái công cụ

đó chỉ tỏ được giá trị cùng hiệu năng của nó một khi được đặt trong tay những con người thành thạo biết vận dụng nó và dẫn dắt nó đến thành quả hiệu nghiệm nhất. Nói đến việc biết sử dụng những tướng lãnh tài ba thì phải kể đến công trạng các vua chúa là những kẻ biết chọn người để điều khiển ba quân, để khơi động chí can trường nơi binh sĩ cũng như truyền được cho họ ý chí hy sinh. Ba yếu tố cốt lõi đó đều quan trọng ngang nhau và chỉ có nhờ sự vận dụng chúng cùng lúc thì mới dẫn đến thành công. Không kể đến công trạng của người Cộng sản thì cũng bất công như khi gán hết mọi công trạng cho họ. Vấn đề quan trọng là không nên quá đề cao hay quá hạ thấp vai trò của Cộng sản, mà cốt là làm sao đặt nó đúng vào cái vị trí cân xứng của nó" (sđd; phần "Đoạn đầu đài"; tr. 82-83).

"Thế nhưng tôi lại không đi đến chỗ cực đoan để đòi truất phế những người Cộng sản. Một cái đầu biết suy nghĩ thì rất kinh sợ những cái "mới" khả dĩ có thể gây nên những biến động cực kỳ nghiêm trọng về mặt xã hội, gây tổn hại đến quyền lợi về mặt tài sản lẫn con người. Tôi xử sự như bà lão xưa kia mỗi ngày đi cầu nguyện cho tên bạo chúa ở Syracuse vì bà cụ sợ là người kế vị hắn ta sẽ còn tàn ác hơn nữa. Do đó mà tôi đặt tin tưởng vào cái đang được phục hồi. Vả lại đối với tôi thì một khi mục đích chính là đem lại yên vui và hạnh phúc cho nhân dân thì do bàn tay ai đấy thực hiện cũng không thành vấn đề, và sự yên vui cùng lạc phúc của toàn dân không những phải là mối quan tâm chính của những người cầm quyền mà còn phải là mối quan tâm chủ yếu của toàn dân. Riêng cá nhân tôi thì tôi rất ghê tởm chính trị cũng như những chính khách là bọn người không kỳ một ai đều mang dấu ấn của thói đạo đức giả cùng sự dối trá cũng như bị ung thối do cái tính tham lam và háo danh của bọn họ. Nhưng làm thế nào tránh được tệ trạng đó một khi họ đều là giống người cả, tức là những sinh vật mà luôn luôn trong mình có sự đấu tranh giữa cái thiện và cái ác, tuy hiếm khi họ thắng được cái ác? Tôi coi chính trị và chính khách như cùng chung một ruộc với nhau cả!

(...) Ta hãy gia ân cho nó (chế độ Cộng sản) một thời gian, hãy cho họ hưởng một bản án chờ. Nếu như nhờ những nỗ lực kiên quyết, những sự hy sinh cam go mà nó hồi sinh được, nó quyết tâm áp dụng thực lòng và thanh thản cái nguyên lý mà cho đến giờ nó mới chỉ hô hào suông là: do dân, vì dân, thì lẽ nào ta lại không cho nó có được một vận hội cuối cùng?" (sđd; phần cuối; các trang 309-310, 314-315; khi tác giả nói chuyện với ông Việt kiều về Hà Nội mua bàn ghế kệ tủ của ông).

Và đề cập đến vai trò của những phần tử trí thức trong cũng như ngoài nước đối với vận mệnh của Việt Nam ngày hôm nay thì:

"Cái tiêu chuẩn thuần lý, logique, là tài con người ta phải cùng đi với đức. Có điều là nếu như các tay trí thức có dư thừa tài năng thì cái đức hạnh của họ vẫn chưa gây được niềm tin nơi lòng dân. Họ có cái dở là mang tính cơ hội, ích kỷ và háo danh. Những tay công thương kỹ nghệ gia thành đạt có tiền của và kinh nghiệm trong lãnh vực kinh tế, buôn bán làm ăn đấy, nhưng đôi khi họ mắc phải cái bệnh thiển cận về mặt chính trị và thiếu sự từ tốn cũng như sự khôn ngoan. Lòng yêu nước và sự trung thực là những đức tính được coi trọng nhất, thế nhưng tài con người ta phải phát xuất từ sự trau đồi trí thức và kiến thức khoa học. Hiện nay nhắm có được đảng phái nào có trong hàng ngũ của mình những con người kết hợp được kiến thức về mặt trí tuệ và khoa học cùng với lòng yêu nước và tính trung thực? Rồi ra thì cho dù cái chủ nghĩa đa nguyên mà hôm rày làm hao tổn không biết bao nhiêu giấy mực và nước bọt, cái chủ nghĩa mà chả hiểu sao đảng Cộng sản Việt Nam không ngớt chửi rủa một cách kiên trì như thế nó được người ta thừa nhận thì ngay giờ phút này liệu đảng phái nào nhắm có được đa số phiếu để mà leo lên cầm quyền?" (sđd; tr. 341-342).

Nguyễn Mạnh Tường hô hào gia hạn thêm thời gian - trong khi đất nước và nhân dân tiếp tục bế tắc - cho Đảng cầm quyền tự sửa mình! Người viết bài này **không** nhằm phê phán thái độ của ông Tường về mặt ấy! Điều muốn nói lên là: sách viết lách như thế thì không có lý do gì ông Tường phải cân nhắc là có nên cho xuất bản hay không cho xuất bản.

4- KẾT LUẬN

Rốt cuộc, đọc quyển "Un Excommunié..." của Nguyễn Mạnh Tường, tôi vẫn thấy hai năm rõ mười là ông vừa phê phán chế độ Cộng sản Việt Nam một cách không nhân nhượng, không thương tiếc, nhưng đồng thời ông cũng đã có chọn thái độ một cách rõ ràng! Chung cuộc thì sự chọn lựa của ông là thế này: vì quan tâm đến sự an toàn của người dân nên ông thà để cho Cộng sản họ có thêm thời gian để tự sửa mình còn hơn là nhìn thấy đất nước sa vào những cuộc phiêu lưu mới, những cuộc thí nghiệm mới trên số phận của con người, mà phẩm chất của bọn người lăm le đòi tự mình tiến hành những cuộc thử nghiệm mới này thì ông nhìn nó với con mắt ngờ vực. Người viết ở đây không hề thắc mắc về cái việc tác giả của "Un Excommunié..." tỏ ý quan ngại cho sự an lạc cùng sinh mạng của người dân nếu như trên đất nước nhà xảy ra

những cuộc biến động lớn. Nhưng tưởng cũng cần nhìn vấn đề theo tương quan nhân quả như thế này: tệ trạng kinh tế xã hội do Cộng sản gây ra càng quá quắt bao nhiêu thì các lực lượng đối kháng với nó càng mạnh mẽ và quyết liệt bấy nhiêu; và từ đấy: sự cố bám lấy đặc quyền đặc lợi của Cộng sản càng triệt để bao nhiêu thì các biến động - nếu chúng diễn ra - càng dữ dằn bấy nhiêu!

Trong sách của mình, tác giả Nguyễn Mạnh Tường nhắc điển tích phương Tây về cái bà lão cầu nguyện cho tên bạo chúa Thành Syracuse. Người viết ở đây - từ ấu thời do hoàn cảnh, thời thế, cũng hấp thụ nền giáo dục và văn hóa của phương Tây - lại thích trích dẫn điển tích của phương Đông hơn! Đấy là điển tích của cái người phụ nữ nông thôn giữa đường gặp Khổng Phu Tử. Bậc hiền giả hỏi bà đi đâu lang thang giữa chốn hoang vắng thì bà nói là bà bỏ làng cũ để qua làm ăn sinh sống bên làng khác. Hỏi lý do thì bà ta nói là bởi quan lại nơi cũ chúng nó hiếp đáp dân tình quá. Hỏi bà tính đi đâu thì bà nói là qua một cái làng heo hút nào đấy. Đức Khổng Tử trợn mắt - mắt Người vốn đã lộ - nói: "Nhưng nơi ấy cọp dữ nhiều lắm" thì bà nọ trả lời: "Bẩm Ngài, nhưng vẫn không đáng sợ bằng bọn quan lại gian ác!"

Thanh Nguyễn
California, 3-93

ghi nhận đó đây

Chương trình tài trợ văn nghệ sĩ của Hội Y sĩ VN tại Pháp

Theo bản tin của Hội Y sĩ Việt Nam tại Pháp, nhà nghiên cứu sử học Tạ Chí Đại Trường, nhà thơ Nguyễn Đức Sơn, và nhạc sĩ Vũ Nhật Tân đã được Hội Y sĩ chọn lựa để trao tặng một món tiền 10.000 francs nhằm giúp đỡ phương tiện để các văn nghệ sĩ nói trên tiếp tục theo đuổi sự nghiệp sáng tạo và nghiên cứu khoa học nhân văn của mình.

Hội Y sĩ Việt Nam tại Pháp đã nhờ một ủy ban gồm nhiều nhà văn hóa uy tín đề nghị những người xứng đáng được yểm trợ, và trong năm 1993, ủy ban này gồm các ông Bùi Xuân Quang, Đinh Trọng Hiếu, Nguyễn Thế Anh, Tôn Thất Tiết, Trần Quang Lộc, và Vĩnh Ấn.

Cả ba văn nghệ sĩ nhận được sự yểm trợ của Hội Y sĩ Việt Nam tại Pháp hiện đang sinh sống tại quốc nội trong những điều kiện khó khăn. Tạ Chí Đại Trường là một cây bút biên khảo thường xuyên cộng tác với Văn Học. Anh là tác giả hai cuốn biên khảo quan trọng: *Lịch sử nội chiến 1778-1802* xuất bản ở Sài Gòn năm 1973, và *Thần, Người, và đất Việt* xuất bản tại Hoa Kỳ năm 1989. Nguyễn Đức Sơn nhà thơ hiện đang sống tại Bảo Lộc trong những điều kiện gần như sơ khai, tác giả *Đêm nguyệt động, Du sĩ ca, Tịnh khẩu, Cái chuồng khỉ, Cát bụi mệt mỏi, Xóm chuồng ngựa.* Vũ Nhật Tân là một nhà soạn nhạc mới 22 tuổi nhưng rất tài hoa, hiện đang theo học tại Trường Âm nhạc Hà Nội. Nhạc phẩm của anh sắp được Atelier de Musique Contemporaine trình tấu tại Pháp.

Giáo sư Nguyễn Thế Anh cho Văn Học biết Hội Y sĩ uyển tại Pháp đã quyết định chương trình tài trợ này sẽ tiếp tục hàng năm, và mục tiêu của chương trình là góp một phần nhỏ trợ giúp cho những văn nghệ sĩ đang có những công trình nghiên cứu hay sáng tác xuất sắc.

Hồi ký dang dở của thi sĩ Hồ Dzếnh

Nhà nghiên cứu Nguyễn Khắc Xuyên vừa gửi cho Văn Học bản thảo viết tay tác phẩm cuối đời của thi sĩ Hồ Dzếnh, một tập hồi ký chưa kịp hoàn tất thì nhà thơ đã từ trần. Hồ Dzếnh tự đặt tên cho tập hồi

ký là *Quyển truyện không tên*, có lẽ vì tác giả không viết với ngôi thứ nhất, mà mượn vai người con trai để viết về cuộc đời và tâm tình của mình. Vì viết dang dở, nên Hồ Dzếnh chỉ mới viết được về cuộc đời gia đình mình trong vòng bốn năm, từ 1947 đến 1950, tức là thời kỳ nhà thơ tản cư về sống ở vùng Thanh Hóa.

Bằng một giọng tâm tình đơn giản nhưng sâu lắng, nhà thơ kể lại bốn năm gian khổ và bi đát của gia đình, gian khổ đến nỗi vợ con ông lần lượt chết vì ăn uống thiếu thốn và bệnh tật không thuốc thang. Người vợ yêu dấu của ông, cô thiếu nữ con nhà vì mê văn thơ Hồ Dzếnh mà lặn lội vượt hai trăm cây số ra Hà Nội tìm thăm một tác giả còn vô danh chưa hề quen biết,

Sau đó không hề than tiếc suốt bốn năm lấy chồng cực khổ, chỉ có một nỗi ân hận là vì hoàn cảnh chiến tranh, vì chân yếu tay mềm, bà đã không thực hiện được giấc mơ thời con gái của mình: dựng một căn nhà nhỏ ở nơi yên tĩnh, xếp đặt một bàn viết, lo hết mọi chuyện gia đình để cho nhà thơ tiếp tục viết ra những truyện ngắn, những bài thơ bà từng say mê.

Hồ Dzếnh cũng ghi lại suy nghĩ của ông về những đổi thay trong thời đại mình, nhất là những đổi thay trong sinh hoạt viết lách. Vẫn mượn lời con, ông viết: "Tôi sinh ra giữa một kỷ nguyên khác lạ, kỷ nguyên của những con đường thênh thang bị phá vỡ, cầu đổ sụp, nhà cửa tiêu tan, xe cộ mất lối. Người đô thị tản cư lên rừng xanh, những cô gái xinh tươi của cuộc đời nhung lụa biến thành những cô hàng nước, những bèo bọt phong trần. Cuộc đổi đời đó thật vĩ đại và kinh khủng, lay chuyển hết mọi từng lớp, giai cấp, san phẳng hết mọi chênh lệch vì sang giầu. Nếu chỉ có một trạng thái biến đổi đó thôi thì chưa đến nỗi gay gắt. Đằng này, buồn thế hệ gặm nhấm vào từng lòng người, cái phẫn uất cay chua nhào thành một loại cảm giác kỳ dị, gán lên cuộc sống một hình thức sượng sần khó tả.

Cái gì dở, trái, đều được văn chương mới mạng danh bằng những tiếng kêu ròn: tiểu tư sản, phong kiến. Muốn vào trong cái thế giới vừa tân tạo hôm qua, con người bắt buộc phải qua một cuộc lột xác, hay ít nhất cũng phải có ý thức lột xác. Thành ra có nhiều lúc con người băn khoăn tự hỏi mình sao lại điêu đứng như vậy, và nếu mình cứ giữ thành phần của mình thì đã sao chưa!

Nhưng tiểu tư sản là một chất nhựa - độc vì người ta bảo thế - đã nuôi lớn lớp sống trước để cho lớp sau kết án. Sau này, món ăn đã khác, tư tưởng đã thay, loạt nhân sinh như tằm ăn lên, đã gặp đúng hoàn cảnh

đón tiếp. Còn cái loạt trước mới đến là rầy rà. Máu như máu cũ, ngũ tạng đều thấm lớp men chua, lời nói, tâm tình sặc sụa những lãng mạn.

Con mắt thời đại đã khác. Nó sắc và to, không có rèm mi nào dịu. Tôi, tôi ưa nhìn thực tại với chút bóng dịu dàng, dẫu là chút bóng mơ mộng..."

Nhà thơ đã phải trả giá đắt cho ước mơ nhỏ nhoi đó. Ông trở thành người cầm bút lỡ làng, bị đẩy ra ngoài lề mọi sinh hoạt sáng tạo. Sau 1954 ở miền Bắc không ai còn nhắc đến tên Hồ Dzếnh, cho tới khi ông mất báo chí mới trở lại ân cần. Cái ân cần khôn ngoan, và quá muộn màng.

Tập hồi ký dang dở nhưng giá trị của Hồ Dzếnh sẽ được nhà xuất bản Thanh Văn ấn hành trong tháng tới.

Tiểu thuyết "Thiên đường mù" của Dương Thu Hương được dịch sang Anh ngữ.

Nhà xuất bản William Morrow vừa cho phát hành cuốn Paradise of the Blind, bản dịch sang Anh ngữ của cuốn tiểu thuyết giá trị nhất của nhà văn Dương Thu Hương. Dịch giả là Phan Huy Đường và Nina MacPherson. Theo các nguồn tin trong giới xuất bản cho biết thì ông Phan Huy Đường, cây bút chủ lực của tờ Diễn Đàn ở Pháp, đầu tiên đã dịch *Những thiên đường mù* ra Pháp văn cho nhà xuất bản Des Femmes, sau đó Nina MacPherson đã căn cứ vào bản Pháp ngữ để dịch sang Anh ngữ cho nhà xuất bản William Morrow.

Có lẽ vì dịch lòng vòng như vậy nên khi so sánh *Những thiên đường mù* với Paradise of the Blind, bạn đọc sẽ thấy có nhiều chỗ khác nhau. Người ta thường nói "Dịch là phản". Vì sợ mang tiếng phản lại nguyên tác, nên nhiều dịch giả chủ trương dịch thật sát với nguyên văn. Kết quả là những bản dịch khó hiểu, gượng gạo. Có người chủ trương dịch thuật là chuyển giá trị từ một nền văn hóa này sang một nền văn hóa khác, nên chỉ nắm ý rồi chuyển thành lời theo phong cách ngôn ngữ mới. Không biết Phan Huy Đường và Nina MacPherson thuộc trường phái nào trong hai trường phái nói trên. Văn Học sẽ có một bài phân tích cặn kẽ hơn về vấn đề này trên số báo sau.

Susan Fromberg Schaeffer có viết một bài ngắn giới thiệu Paradise of the Blind trên Book Review của tờ Los Angeles Times, cho biết đây là lần đầu tiên một cuốn tiểu thuyết Việt Nam (do một nhà văn thuộc phe thù nghịch với Hoa Kỳ trong cuộc chiến tranh vừa qua) được dịch và xuất bản tại Hoa Kỳ. Đã có lần đầu, thì phải có lần thứ nhì, lần thứ ba... Sau *Paradise of the Blind*, đến lượt tác phẩm nào được dịch và giới

thiệu với hàng triệu bạn đọc nói tiếng Anh? Chắc chắn là không có những tác phẩm của những người từng liên minh với Hoa Kỳ trong cuộc chiến tranh vừa qua. Điều đó mới nghe có vẻ nghịch lý, nhưng dễ hiểu.

Thứ nhất, đối với độc giả Hoa Kỳ, đời sống và tâm tình những kẻ thù cũ là cái gì hấp dẫn, đáng tò mò. Những người một thời từng cầm súng giết mình, từng làm cho chính trường và xã hội Mỹ điên đảo bao nhiêu năm, họ là ai vậy? Họ sống ra sao, họ đã nghĩ gì làm gì hồi đó, bây giờ họ ra sao? Bấy nhiêu câu hỏi thì bấy nhiêu nhu cầu. Dịch ra, in ra, chắc chắn không sợ bị lỗ vốn.

Thứ nhì, một số khá lớn những nhà văn nhà thơ miền Nam nay đã định cư tại đây. Họ đã trở thành công dân Mỹ, những người Mỹ gốc Việt. Nếu họ hội nhập được vào dòng sinh hoạt chung, cầm bút viết bằng tiếng Anh, thì may ra họ được xem là những con chim lạ tiêu biểu cho sắc tộc thiểu số của mình. Còn nếu họ vẫn sáng tác bằng tiếng Việt? Độc giả Mỹ không quan tâm tới những gì không liên can tới mình, và ngược lại, giới cầm bút Việt Nam hải ngoại cũng không thèm quan tâm tới độc giả Mỹ. Không muốn trở thành văn chương sắc tộc thiểu số, văn học hải ngoại sở dĩ vẫn còn là nhờ một niềm tin: tin rằng một ngày nào đó, những tác phẩm từng bị chế độ cộng sản truy quét tiêu hủy, và những tác phẩm viết trong thời lưu vong sẽ được phục hồi, nhập chung dòng với nền văn học nhân bản của dân tộc.

Hội thảo thường niên của Hội Nghiên cứu Á châu tại Los Angeles

Thế yếu của văn chương hải ngoại so với văn chương quốc nội, trong lối nhìn của giới nghiên cứu Mỹ, hiện rõ hơn qua cuộc hội thảo thường niên của Hội Nghiên cứu Á châu, tổ chức rất qui mô tại Los Angeles từ 25-3 đến 28-3-1993 vừa qua. Như đã nói ở trên, giới nghiên cứu Mỹ không mấy quan tâm tới sinh hoạt văn nghệ của cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại. Nghiên cứu về Việt Nam, có nghĩa là nghiên cứu những vấn đề ở trong nước, từ kinh tế, chính trị, văn học, giáo dục. Ai hơi đâu bỏ thì giờ nghiên cứu về một cộng đồng di dân mới mẻ, khi cộng đồng đó chưa chịu trở thành một bộ phận nhỏ của xã hội nước định cư.

Trong chín bài thuyết trình trong cuộc hội thảo liên quan tới Việt Nam, đã có tới sáu bài nghiên cứu về văn chương đối kháng (hoặc phản kháng) ở quốc nội: * Political Dissent and Post-Modern Sensibilities in Contemporary Vietnamese Fiction của Peter Zinoman * Phản kháng Literature in the Making of a Vietnamese Intellectual Revolution của Trương Vũ * Nguyễn Huy Thiệp: A Vietnamese Post Modernist? của Peter Zinoman * The Metamorphosis of the Subject in the Work of

Phạm Thị Hoài của Đào Trung Đạo * Đối kháng Literature and the Vietnamese American Community của Chung Hoàng Chương * Bảo Ninh and Nỗi buồn chiến tranh của Trần Quí Phiệt.

Chỉ có một bài của giáo sư Renny Christopher Đại học Santa Cruz đề cập tới các nhà văn Việt Nam lưu vong (Vietnamese Exile Writers: Entering US Discourse on the War). Nhưng điều đau đớn cho giới cầm bút hải ngoại là người chọn đề tài nghiên cứu nói trên thú nhận không đọc được tiếng Việt, và hình như cũng không dành chút thì giờ tới các cộng đồng Việt Nam ngay bên cạnh chỗ cô dạy để tìm hiểu cho đến nơi đến chốn, như giáo sư Peter Zinoman lặn lội qua tận Hà Nội để viết về Nguyễn Huy Thiệp. Kết quả thật dễ đoán: Theo giáo sư Renny Christopher, bốn nhà văn Việt Nam quan trọng tại hải ngoại là Trần Văn Dĩnh, Lê Lý Hayslip, Trương Như Tảng và Võ Phiến. Hú hồn, nhà văn Võ Phiến còn được cô Christopher biết tới như một người có viết văn!

Trách người thì dễ, nhưng nếu các nhà nghiên cứu Mỹ hỏi lại: "Vậy tại sao các nhà khoa bảng Việt Nam hiện đang dạy tại các đại học không viết gì về cộng đồng Việt Nam để chúng tôi khỏi lầm lẫn vì bất đồng ngôn ngữ", thì ai trả lời câu hỏi khó ấy? Ra tuyên cáo, biểu tình, cướp micro để bảo vệ chính nghĩa, những giải pháp đó không mấy hợp với truyền thống sinh hoạt của giới nghiên cứu. Chỉ có một lối: làm việc, viết sách, trong tinh thần khách quan khoa học và tuyệt đối tôn trọng sự thật.

Tác phẩm của Phạm thị Hoài được xuất bản ở hải ngoại

Tạp chí Hợp Lưu ở California vừa cho phát hành cuốn *Từ Man nương đến AK và những tiểu luận* của Phạm thị Hoài, nhà văn nữ được bạn đọc chú ý trong thời kỳ văn nghệ "cởi trói" ở trong nước. Tác phẩm gồm năm phần: *Man nương và Em, Làng Đình, Một anh hùng và những anh hùng khác, Thày AK cùng đồng nghiệp, Tiểu luận*, dày gần hai trăm trang.

Khác với những sách quốc nội được tái bản ở hải ngoại do nhu cầu thị trường trước đây, và cũng giống như trường hợp cuốn *Tiểu thuyết vô đề* của Dương Thu Hương, cuốn *Từ Man nương đến AK và những tiểu luận* do chính tác giả gửi bản thảo từ trong nước ra xuất bản ở hải ngoại. Lý do?

Chắc chắn không phải vì nội dung chính trị phản kháng chế độ như *Tiểu thuyết vô đề*. Phạm thị Hoài chịu ảnh hưởng sâu đậm văn chương Âu châu, nhất là các nhà văn thuộc khuynh hướng "tiểu thuyết mới" thời đầu thập niên 60. Ba mươi năm trôi qua, "tiểu thuyết mới" trở

thành cũ, chính Claude Simon nhà văn thuộc khuynh hướng này khi nhận giải Nobel văn chương cũng chối, bảo mình viết theo ý mình chứ không chủ trương gì cả. Nhưng trong một xã hội khép kín như Việt Nam trước đây, văn chương Phạm Thị Hoài trở thành một hiện tượng, một gương sáng về nỗ lực tìm kiếm một lối viết mới. Truyện của cô được giới cầm bút trẻ đón nhận nồng nhiệt, nhưng đối với bạn đọc hải ngoại, từng quen với văn phong Kafka, Nathalie Sarraute, Alain Robbe Grillet, Gabriel Garcia Marquez, thì lối viết của cô không tạo được sự thích thú kinh ngạc của ba mươi năm về trước. Nếu Phạm Thị Hoài chọn lựa hải ngoại để giới thiệu tác phẩm tâm đắc của mình thay vì cho xuất bản trong nước, cô đã chọn lầm.

Cách giải thích dễ hiểu hơn là tình trạng khó khăn của ngành xuất bản hiện nay tại quốc nội, nhất là xuất bản những sách đứng đắn, khó đọc như tác phẩm Phạm Thị Hoài. Phần lớn sách bày bán ở cách tiệm sách, quầy báo tại Việt Nam là các ấn phẩm chiều theo thị hiếu thị trường, như sách vụ án, ái tình ướt át, khiêu dâm. Sách càng khô khan đứng đắn càng khó tìm nơi chịu xuất bản. Đã có nhiều nhà văn, nhà nghiên cứu gửi bản thảo ra hải ngoại nhờ người quen tìm chỗ in. Không may là ngành xuất bản ngoài này cũng gặp thời suy thoái.

Tình hình xuất bản trong nước theo nhận định của người trong cuộc

Nhà thơ Phạm Tiến Duật, trả lời phỏng vấn của một cộng tác viên tờ Trăm Con khi ông qua Mỹ tham dự hội thảo về chiến tranh Việt Nam tại Đại học Salisbury College tiểu bang Maryland, cho biết: "Tình hình báo chí, xuất bản trong nước hiện nay rất bát nháo, phải báo động. Thiếu kiểm soát v.v.. Chiều hướng sáng tác tốt rất chậm. Những sáng tác hầu hết là nuối tiếc của đời tư. Ngôn ngữ ngày càng cố làm phức tạp hơn. Một sự chắp vá vụng về, lai căng. Nó gần giống như một bản dịch tồi..."

Hy vọng Phạm Tiến Duật không vơ đũa cả nắm khi phát biểu về giá trị văn chương hiện thời tại quốc nội. Trong cơn lốc thị trường, sách vở báo chí trở thành hàng hóa, chịu ảnh hưởng của luật cung cầu. Một tập thơ vài năm trước đây có thể in tới hàng vạn ấn bản, chính quyền bỏ tiền ra in phân phát đến tận hang cùng ngõ hẹp như một tài liệu tuyên truyền, thì ngày nay chính tác giả phải tự xoay xở in lấy, in xong có người còn mang ra bến xe đò rao bán để mong gỡ vốn. Trong một cuộc hội thảo về thơ tổ chức tại Hà Nội năm 1991, có nhiều ý kiến khác nhau về tình trạng này: có người lạc quan bảo rằng đó là cái giá nhà thơ phải trả để thơ thực sự vào đời, thơ đứng bằng đôi chân của chính mình,

không phải nhờ đến sự bảo trợ của các quan lớn. Có người lại nhớ tiếc thời lồng son, than thơ bị hạ giá. Hình như Phạm Tiến Duật hết còn là nhà thơ trẻ trung xông xáo trước đây. Ông trở thành người ngại sóng gió, mong muốn Nhà nước trở lại cưu mang văn nghệ như cha mẹ có phận sự cưu mang con cái (bài phỏng vấn Phạm Tiến Duật cũng của Vương Nhu đăng trên Hợp Lưu số 9). Phạm Tiến Duật mong "được kiểm soát". Ông nghĩ là nếu Nhà nước kiểm soát tốt thì chiều hướng sáng tác tốt sẽ tiến mau. Nhưng thế nào là "sáng tác tốt"? Nhà thơ rút kinh nghiệm sử gia Trần Quốc Vượng, xuất ngoại sang một nước tư bản không khéo giữ lời thì trở về nước tai bay vạ gió không biết đâu mà lường, nên Phạm Tiến Duật thủ rất kỹ, không chịu giải thích thế nào là tốt trong chiều hướng sáng tạo theo ý ông. Đành suy luận theo những điều nhà thơ cho là không tốt: nuối tiếc đời tư, ngôn ngữ rắc rối bí hiểm, chắp vá vụng về, lai căng. Không biết Phạm Tiến Duật chê bai vung vít như thế có làm ai phẫn nộ không!

Lại trở về chuyện nhà!

Mỗi lần Văn Học phát hành xong, Tòa soạn cứ ngay ngáy chờ những cú điện thoại khiếu nại than phiền của bạn văn xa gần, hầu hết chỉ vì sơ sót khi đánh máy, khi kiểm soát các lỗi chính tả.

Lần này, anh Đông Nguyên yêu cầu đính chính những chỗ in sai trong bài "Thi sĩ Quách Tấn và thơ Đường" trên Văn Học số 83, tháng 3-1993. Các sai sót như sau: * Dòng cuối, trang 37: "miêu tả thì tài hoa mà gợi tình", xin sửa lại: "miêu tả thì tài hoa mà gợi hình" * Dòng 20 trang 40: "Và bây giờ ông mới bắt làm công việc...", xin sửa lại: "Và bây giờ ông mới bắt đầu làm công việc..." * Dòng 5 trang 41: "ta còn được ôm một thiếu nữ nhan sắc lạ lùng, rực rỡ mà Thiên thần đã đặt cho cái tên là Lenore nữa không?", xin đọc là: "ta còn được ôm một thiếu nữ thành tiên mà Thiên thần đã đặt cho cái tên là Lenore, ôm một thiếu nữ nhan sắc lạ lùng, rực rỡ mà Thiên thần đã đặt cho cái tên là Lenore nữa không?" * Dòng 14 trang 43: "khóm trúc tuôn rơi dòng lệ cũ,.." xin sửa lại: "khóm cúc tuôn rơi dòng lệ cũ"

Bài Ngày xuân đọc báo của Nguyễn Mộng Giác cũng thiếu một câu quan trọng, xin bổ khuyết: * Dòng 25, 26 trang 16: "vấn đề ở đây không phải là khác biệt của hai lối nhìn về kinh tế thị trường" xin sửa lại: "vấn đề ở đây không phải là khác biệt giữa hai tờ báo miền Nam và miền Bắc, vấn đề ở đây là khác biệt của hai lối nhìn về kinh tế thị trường".

Văn Học chân thành xin lỗi các anh Đông Nguyên, Nguyễn Mộng Giác và quí bạn đọc về những khiếm khuyết kể trên.

BÁC SĨ

TRẦN TRÚC QUANG

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG
7309 Arlington Blvd, Suite 314
Falls Church, Va 22042
(703) 560-0388 / 560-0389

CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH NỘI THƯƠNG
TAI NẠN XE CỘ

NHẬN MEDICAID, MEDICARE, VÀ BẢO HIỂM
LÀM VIỆC THEO HẸN:
Thứ 2-6: 9 giờ sáng đến 7 giờ tối
Thứ 7: 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều

MINH VĂN
P.O. BOX 647, Oakton, VA 99214 - USA
Điện thoại: (703) 204- 9239
Chi phiếu, thư từ xin đề Minh Văn

Nhà Xuất Bản Minh Văn trân trọng giới thiệu những tác phẩm đã ấn hành của **Trần Long Hồ**:

Tập truyện ngắn	**NGÀY QUANH QUẨN**	$10.00
Truyện dài	**CÕI SA MÙ**	$18.00
(Quyển một trong bộ trường thiên **Dung Thân**)		
Tập truyện ngắn	**NIỀM VUI UNG THƯ**	$10.00

Và các tác phẩm sẽ xuất bản:
CHÂN TRỜI LAM NGỌC ký sự của **Hồ Trường An**
KẺ ĐÀO MỒ tập truyện ngắn của **Trần Long Hồ**
CỬA ĐỊA NGỤC truyện dài, quyển thứ hai trong bộ trường thiên **Dung Thân** của **Trần Long Hồ**

THANH G. PHUNG, M.D.

Diplomate American Board of Radiology

X-RAY . CAT SCAN . ULTRASOUND

MAMOGRAPHY . NUCLEAR MEDICINE

Magnolia Imaging Medical Group, Inc.
Magnolia Medical Imaging Center, Inc.

14571 Magnolia Ave., Ste. 101
Westminster, Ca 92683
Tel: **(714) 893-1915**
Fax: **(714) 898-8142**

Trung tâm chuyên về BỆNH TIM và CAO MÁU

Bác sĩ NGUYỄN QUANG THÁI, M.D.

Chuyên trị: BỆNH TIM & HUYẾT QUẢN . BỆNH NỘI THƯƠNG . CAO MÁU

Bệnh cao mỡ (cholesterol), ngăn ngừa nghẹt mạch máu tim.
Tức ngực, nghẹt thở, đứng tim, tim to, đau tim.
Tim đập thất nhịp, hồi hộp, xây xẩm, ngất xỉu.
Các bệnh tim bẩm sinh, bệnh van tim.
Bệnh cao áp huyết (cao máu).
Bệnh phong thấp, phổi, bao tử, gan.
Bệnh tiểu đường, bướu cổ, tuyến nội tiết, thiếu máu.

Xin lấy hẹn trước: **(714) 531-5056**
14558 Brookhurst St.
Westminster, Ca 92683

Đã phát hành khắp nơi:

CÂY TRÁI QUÊ MÌNH

của HUỲNH HỮU CỬU và NGUYỄN VĂN BA

Với các đoản văn nhan đề: *Mù U Năm Ngoái, Xoài Tượng Nước Mắm Đường, Cây Trôm và Mủ Trôm Ngâm Đường Phèn, So Đũa và Nấm Mèo, Bông Giấy, Thịt Tam Tạng, Bông Jamaica, Dưa Hấu Cầu Đúc, Hoa Ưu Đàm, Lúa Thần Nông, Ở Quận Cam Nói Chuyện Bưởi, Hoa Mai Ngày Tết, Dưa Bồn Sông Hậu.*

Tựa của Phạm Hoàng Hộ
Bạt của Lê Văn Lân
Bìa bốn màu tuyệt mỹ của Lê Quang Xuân
Phụ bản Nguyên Khai, Lê Quang Xuân, Nguyễn Hợi, Lê Kim Sơn . . .

Giá bán 10 Mỹ kim
Hỏi mua tại các hiệu sách

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI:
Đĩa nhạc CD Dương cầm

MUSIC OF THE NIGHT

trình tấu bởi:

TIEN NGUYEN

Gồm những nhạc khúc nổi tiếng từ Broadway như *The Phantom of the Opera, Cats, Miss Saigon, Les Miserables* . . . và đặc biệt bài *Half Moon Bay* do Yen Nguyen soạn dựa trên bài thơ *Trăng ở Half Moon Bay* của Vũ Quỳnh Hương.

Liên lạc:
TIEN NGUYEN P.O. Box 7717 Fremont, CA 94537

Bác Sĩ BÙI THẾ HOÀNH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF FAMILY PRACTICE

801 W. Valley Blvd #203 lầu 2, Alhambra, CA 91803
Tel: (818) 570-1127

CHUYÊN TRỊ:

Bệnh toàn khoa người lớn, trẻ em
Bệnh ngoài da * Tiểu giải phẩu
Bệnh phụ nữ
Chích ngừa, khám bệnh nhập học, bông sữa WIC
NHẬN TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM HMO

Ngày Giờ Làm Việc:
Thứ hai - Thứ sáu: 9AM - 6PM
Thứ bảy: 9AM - 12 AM

Asian American Dental Center

PHẠM ĐÌNH TUÂN, D.D.S.

FAMILY DENTISTRY for CHILDREN & ADULTS

9306 Bolsa Avenue, Westminster, CA 92683
Tel: (714) 895 -5002 / 5003

Office Hours
Mon - Sat: 10AM - 7PM
Sunday by Appointment

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

ANTIÊM

1528 South La Cienega Blvd., Los Angeles, CA 90035 USA
Tel: (310)559-0413

SÁCH ĐÃ IN

- ĐỌC KINH — $6.00
  Đoản văn Vũ Khắc Khoan
- HOÀNG TỬ BÉ — $6.00
  Saint Exupéry - Bùi Giáng dịch
- MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC — $6.00
  Gerard de Nerval - Bùi Giáng dịch
- NHÀ KHỔ HẠNH VÀ GÃ LANG THANG — $15.00
  Hermann Hesse
  Trí Hải, Vĩnh Bách, Lan Nhã dịch
- THƯ GỬI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI — $6.00
  Rainer Maria Rilke - Phạm Công Thiện dịch
- SÔNG CÔN MÙA LŨ — Tập 1:$18.00
  Trường thiên tiểu thuyết (4tập) — Tập 2:$20.00
  Nguyễn Mộng Giác — Tập 3:$20.00
  Tập 4:$20.00
- LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM — $15.00
  Biên khảo của Tạ Chí Đại Trường
- THƠ TAGORE — $8.00
  *Lời dâng *Tâm tình hiến dâng *Tặng vật
  Đỗ Khánh Hoan dịch
- THÀNH PHỐ TRONG HỒI TƯỞNG — $8.00
  Tùy bút Trần Hồng Châu
- MỘT TRANG ĐỜI — $11.00
  Tập truyện ngắn, Phan Thị Trọng Tuyến
- BÊN LỞ BÊN BỒI — $10.00
  Tập truyện ngắn, Nguyễn Thị Hoàng Bắc

ĐANG IN

- CUỐI ĐÊM DÀI
  Tập truyện ngắn, Nguyễn Thị Thanh Bình
- TƠ TRỜI
  Tập truyện ngắn, Nguyễn Thị Ngọc Nhung

SÁCH MỚI TÁI BẢN

TỰ DO TRONG LƯU ĐÀY

(Tự truyện của đức Đạt Lai Lạt Ma)
Chân Huyền dịch, Chân Văn nhuận sắc

Người Tây tạng tin rằng đức Đạt Lai Lạt Ma là hóa thân đời thứ mười bốn của Bồ Tát Quán Thế Âm. Nhưng chính đức Đạt Lai Lạt Ma, ngài có nghĩ rằng chính ngài là Phật Sống hay chăng? Năm ngài lên ba tuổi, một phái đoàn trong hàng giáo phẩm cao cấp đã tìm được ngài từ một gia đình nông dân nghèo nàn, để đưa về kinh đô Lhasa nối nghiệp vị tiền thân của ngài là đức Đạt Lai Lạt Ma đời trước. Năm 15 tuổi, Ngài trở thành nhà lãnh đạo tôn giáo và chính trị của Tây tạng, vừa lúc Cộng sản Trung hoa xâm lăng tổ quốc ngài để thi hành một chính sách diệt chủng. Đức Đạt Lai Lạt Ma đã đối phó với quân xâm lược như thế nào? Nhờ phép lạ nào đức Đạt Lai Lạt Ma cùng đoàn tùy tùng trốn khỏi kinh đô Lhasa và vượt biên sang Ấn độ trong khi quân Trung cộng bủa vây?

Trong cuốn tự truyện Tự Do Trong Lưu Đày chúng ta sẽ nghe đức Đạt Lai Lạt Ma nói về các điều trên. Ngài cũng nói về các hiện tượng thần bí của xứ Tây tạng, về việc các Bồ Tát hóa thân, các lối tu thiền định của Mật Tông, chuyện các thiền sư luyện lửa Tam Muội... Nhưng ngài còn nói về cả các vấn đề của thời đại: chủ nghĩa Cộng sản, nền văn minh duy vật Tây phương, vấn đề chính trị, vấn đề tình dục, sự cảm thông giữa các tôn giáo, chuyện người ta có nên bỏ tôn giáo mình để theo đạo Phật hay chăng v.v...

Nhưng cuốn tự truyện của đức Đạt Lai Lạt Ma, trước hết cho chúng ta được dịp nhận thấy nhân cách đặc biệt của một Con Người. Đó là một con người ôn nhu, hòa nhã, giàu lòng từ bi, không có mảy may một chút Ngã mạn nào. Đó cũng là một con người thông minh, dí dỏm, đầy trí tò mò, không chấp nê, không lệ thuộc vào một tư kiến, một chủ trương nào. Một con người Tự Do tuyệt đối.

Trong lúc Phật giáo Việt nam đang nỗ lực chuyển hóa để vận động cuộc chuyển hóa của đất nước, tự truyện của ngài Đạt Lai Lạt Ma thật là một cuốn sách đáng đọc.

Sách dày 370 trang, bìa 4 màu. Giá 14MK, ngoài nước Mỹ 16MK.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 527-5761

Giá $3.50 MK